

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

LẠI THỊ THÚY HẰNG

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ
TRUYỀN THỐNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
PHÚ XUYÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI, NĂM 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

LẠI THỊ THÚY HẰNG

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ
TRUYỀN THỐNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
PHÚ XUYÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành : Quản lý kinh tế

Mã số : 62.34.04.10

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. VÕ TÁ TÁ

HÀ NỘI, NĂM 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tác giả xin cam đoan luận văn “*Quản lý nhà nước về phát triển làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội*” là công trình nghiên cứu khoa học, độc lập của tôi. Các số liệu, những kết luận nghiên cứu được trình bày trong luận văn này hoàn toàn trung thực.

Tôi xin chịu trách nhiệm về nghiên cứu của mình!

Học viên

Lại Thị Thúy Hằng

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình học tập và hoàn thiện Luận văn Thạc sỹ tại trường Đại học Thương Mại, tôi đã nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của Khoa Sau đại học Trường Đại học Thương mại; Phòng Kinh tế huyện Phú Xuyên, Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện Phú Xuyên, UBND huyện Phú Xuyên, quý thầy cô, bạn bè, đồng nghiệp và gia đình đã tạo điều kiện về thời gian, kinh phí, hướng dẫn nội dung, cung cấp tài liệu và thông tin cần thiết giúp tôi hoàn thành luận văn.

Trước tiên tôi xin chân thành cảm ơn sâu sắc đến tập thể cán bộ, giảng viên Trường Đại học Thương Mại đã tạo điều kiện cho tôi trong suốt quá trình học tập chương trình Thạc sỹ khóa 21A – chuyên ngành Quản lý kinh tế tại trường.

Tôi xin chân thành cảm ơn TS. Võ Tá Tri đã tận tình hướng dẫn và có những đóng góp quý báu để tôi hoàn thành Luận văn này.

Tôi xin chân thành cảm ơn tới người thân, bạn bè đồng nghiệp đã cổ vũ tinh thần và giúp đỡ để tôi hoàn thành luận văn này.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU	vi
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	vii
MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài.....	2
3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài	5
5. Phương pháp nghiên cứu đề tài.....	6
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài	8
7. Kết cấu luận văn.....	8
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG	9
1.1 Một số lý luận về làng nghề truyền thống.....	9
1.1.1 Làng nghề và làng nghề truyền thống	9
1.1.2 Vai trò của làng nghề truyền thống và vai trò phát triển làng nghề truyền thống	12
1.1.3 Những hạn chế của làng nghề truyền thống.....	15
1.2 Quản lý nhà nước đối với phát triển làng nghề truyền thống ở địa phương.	16
1.2.1 Khái niệm, nội dung quản lý nhà nước về kinh tế	16
1.2.2 Khái niệm, mục tiêu, vai trò của quản lý nhà nước đối với phát triển làng nghề truyền thống.....	18
1.2.3 Nội dung quản lý nhà nước đối với phát triển làng nghề truyền thống ở địa phương	20
1.2.4 Công cụ QLNN đối với phát triển làng nghề truyền thống	23
1.2.5 Phương pháp QLNN về phát triển làng nghề truyền thống.	25

1.3 Các nhân tố môi trường ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về phát triển làng nghề truyền thống.....	26
1.3.1 Các nhân tố môi trường vĩ mô.....	26
1.3.2 Các nhân tố môi trường ngành.....	27
1.4 Tổng quan bài học kinh nghiệm về việc quản lý nhà nước về phát triển làng nghề truyền thống trong thời gian qua.....	30
1.4.1 Tổng quan bài học kinh nghiệm.....	30
1.4.2 Bài học kinh nghiệm rút ra cho Làng nghề truyền thống huyện Phú Xuyên.....	32
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ XUYÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....	35
2.1 Điều kiện tự nhiên, xã hội của huyện Phú Xuyên.....	35
2.1.1 Điều kiện tự nhiên.....	35
2.1.2 Đặc điểm kinh tế xã hội huyện Phú Xuyên.....	37
2.2 Khái quát về thực trạng hoạt động của các làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.....	40
2.2.1 Giới thiệu các làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện.....	40
2.2.2 Số lượng và cơ cấu làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Phú Xuyên.....	43
2.2.3 Kết quả hoạt động của làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Phú Xuyên trong 5 năm qua.....	46
2.3 Kết quả nghiên cứu thực trạng quản lý nhà nước đối với phát triển làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Phú Xuyên.....	49
2.3.1 Thực trạng xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật trong hoạt động phát triển làng nghề truyền thống.....	49
2.3.2 Thực trạng xây dựng và thực hiện kế hoạch, chính sách phát triển làng nghề truyền thống tại địa phương.....	51
2.3.3 Thực trạng công tác tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước trong việc quản lý Nhà nước về phát triển làng nghề truyền thống.....	58
2.3.4 Thực trạng quản lý đào tạo nguồn lao động phục vụ phát triển làng nghề truyền thống.....	61
2.3.5 Thực trạng đào tạo nguồn nhân lực trong công tác quản lý nhà nước đối với làng nghề truyền thống.....	62

2.3.6 Thực trạng công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các làng nghề truyền thống	63
2.4 Đánh giá chung thực trạng quản lý nhà nước về phát triển làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Phú Xuyên	64
2.4.1 Thành công	64
2.4.2 Hạn chế và nguyên nhân hạn chế.....	69
CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG HUYỆN PHÚ XUYÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....	78
3.1 Định hướng phát triển làng nghề truyền thống huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.....	78
3.1.1. Nhiệm vụ, giải pháp và mục tiêu phát triển làng nghề truyền thống huyện .	78
3.2 Một số giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về phát triển làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội.....	90
3.2.1 Hoàn thiện công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật trong hoạt động phát triển làng nghề truyền thống.....	90
3.2.2 Hoàn thiện công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch, chính sách phát triển làng nghề truyền thống.....	90
3.2.3 Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước trong việc quản lý Nhà nước về phát triển làng nghề truyền thống.....	93
3.2.4 Hoàn thiện hệ thống quản lý đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển làng nghề truyền thống.....	94
3.2.5 Hoàn thiện hệ thống kiểm tra, giám sát hoạt động của các làng nghề truyền thống.....	95
3.2.6 Một số giải pháp khác.....	96
3.3 Một số kiến nghị vĩ mô	98
3.3.1 Kiến nghị với Chính phủ.....	98
3.3.2 Kiến nghị với UBND Thành phố Hà Nội.....	99
KẾT LUẬN.....	101
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy chính quyền UBND huyện Phú Xuyên59

BẢNG

Bảng 1.1: Phương pháp thu thập thông tin thứ cấp.....6

Bảng 2.1 hiện trạng sử dụng đất huyện Phú Xuyên.....37

Bảng 2.2 Số lượng và cơ cấu làng nghề truyền thống huyện Phú Xuyên.....43

Bảng 2.3 Lao động và các hình thức tổ chức làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Phú Xuyên45

Bảng 2.4: kết quả sản xuất tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện.....47

Bảng 2.5: Danh sách 40 làng nghề huyện Phú Xuyên54

Bảng 2.6: Một số chỉ tiêu phân tích về kinh tế các LNTT66

Bảng 2.7: Lợi ích của trang thiết bị máy móc tại các làng nghề.....73

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BCĐ	Ban chỉ đạo
CN	Công nghiệp
CNH	Công nghiệp hóa
CNH-HĐH	Công nghiệp hóa – hiện đại hóa
DN	Doanh nghiệp
HĐND	Hội đồng nhân dân
HTX	Hợp tác xã
KT – XH	Kinh tế - xã hội
LNTT	Làng nghề truyền thống
NN&PTNT	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
QLNN	Quản lý nhà nước
TCN	Tiểu công nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TTCN	Tiểu thủ công nghiệp
UBND	Ủy ban nhân dân

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phú Xuyên là đất truyền thống có đất trăm nghề, ngành nghề truyền thống ở Phú Xuyên phát triển đa dạng với nhiều sản phẩm nổi tiếng như Da giày Phú Yên, khảm trai Chuyên Mỹ, guột té Phú Túc, mộc Tân Dân; may comple Vân Từ... một số làng nghề của huyện được mở rộng thị trường trong nước và quốc tế, sản phẩm của làng nghề khảm trai sơn mài Chuyên Mỹ với lịch sử hàng nghìn năm đã trở thành thương hiệu nổi tiếng trong cả nước; sản phẩm giang đan, cỏ té Phú Túc được xuất khẩu sang các nước thị trường châu Âu, đặc biệt nghề nặn tò he thôn Xuân La, xã Phượng Dực được coi là làng nghề độc nhất vô nhị ở Việt Nam. Để các làng nghề truyền thống trên địa bàn phát triển bền vững, trong thời gian tới, huyện Phú Xuyên sẽ có định hướng đầu tư, hỗ trợ cho làng nghề. Tạo điều kiện cho các làng nghề tham gia hội chợ triển lãm nhằm giới thiệu, quảng bá sản phẩm, hàng hóa của làng nghề ra thị trường. Hỗ trợ vốn cho vay theo cơ chế ưu đãi lãi suất cho hoạt động ngành nghề nông thôn thông qua các tổ chức tín dụng, nhằm đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho các làng nghề phát triển. Hỗ trợ tham quan để các làng nghề học hỏi kinh nghiệm, đào tạo để nâng cao tay nghề cho lao động.

Huyện Phú Xuyên đã làm công tác quản lý nhà nước, từng bước đưa các chính sách hỗ trợ làng nghề đi vào cuộc sống nhất. Tuy nhiên, huyện vẫn còn một số hạn chế như hàng năm, chưa có kế hoạch riêng cho phát triển làng nghề, chưa phát triển được đúng với tiềm năng sẵn có tại địa phương. Việc hỗ trợ mặt bằng sản xuất chưa thực hiện tích cực. Việc ban hành các chính sách hỗ trợ làng nghề nhưng nhà nước chưa có định hướng đầu ra sản phẩm cho các làng nghề để có sự liên kết chặt chẽ giữa kinh tế làng nghề với kinh tế toàn huyện và gắn chặt với sự quản lý nhà nước; Việc công nhận nhãn hiệu tập thể, thương hiệu sản phẩm, công nhận nghệ nhân còn chưa được quan tâm. Môi trường làng nghề chưa được giải quyết, việc nhân cấy nghề mới chưa có hiệu quả... hàng năm cần xây dựng kế hoạch riêng cho phát triển làng nghề, phân công cụ thể trách nhiệm các phòng, ban và phân cấp nhiệm vụ giữa

huyện và xã. Tăng cường công tác tuyên truyền cho người dân, chủ cơ sở, doanh nghiệp biết về chính sách hỗ trợ của Trung ương, Thành phố về bảo tồn, phát triển làng nghề. Tăng cường công tác quản lý sản phẩm, đăng ký nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm. Tăng cường công tác công nhận nghệ nhân. Phát triển làng nghề phải gắn với phát triển du lịch... Vấn đề đặt ra cho Đảng bộ, Chính quyền địa phương đó là cần nâng cao chất lượng quản lý nhà nước đối với các làng nghề. Vì vậy, nghiên cứu đề ra những giải pháp đổi mới quản lý nhà nước để thúc đẩy sự phát triển của các làng nghề trên địa bàn huyện Phú Xuyên đang là đòi hỏi khách quan và cấp thiết. Xuất phát từ nhận thức đó, tôi chọn đề tài: ***“Quản lý nhà nước về phát triển làng nghề trên địa bàn huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội”*** để nghiên cứu. Luận văn tập trung vào trả lời câu hỏi: “Thực trạng phát triển và quản lý nhà nước đối với các làng nghề trên địa bàn huyện Phú Xuyên thời gian qua như thế nào? Giải pháp nào để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với các làng nghề trên địa bàn huyện Phú Xuyên giai đoạn từ 2015 đến năm 2020”.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài

Liên quan đến đề tài, ở Việt Nam có một số đề tài sau:

- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ “Xây dựng và phát triển mô hình làng nghề du lịch tại một số tỉnh đồng bằng Bắc Bộ” của GS, TS Hoàng Văn Châu năm 2006. Tác giả đã làm rõ những vấn đề lý luận về làng nghề, làng nghề truyền thống, làng nghề du lịch cũng như tiềm năng và sự cần thiết phải phát triển mô hình làng nghề du lịch tại một số tỉnh đồng bằng Bắc Bộ. Đã tìm hiểu kinh nghiệm xây dựng và phát triển làng nghề gắn với hoạt động du lịch của Nhật Bản, Thái Lan, Trung Quốc và Malaysia từ đó rút ra những bài học đối với Việt Nam. Đã phân tích và đánh giá thực trạng làng nghề, làng nghề du lịch tại một số tỉnh đồng bằng Bắc bộ, từ thực trạng đáp ứng yêu cầu du lịch tại các làng nghề, đến tình hình khách du lịch cũng như mô hình tổ chức quản lý và cơ chế quản lý làng nghề du lịch. Đã đề xuất các mô hình tổ chức quản lý làng nghề du lịch, một số tour du lịch làng nghề chủ yếu cũng như các phương án xây dựng và phát triển các làng nghề du lịch tại các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ.

- Luận án tiến sĩ của Nguyễn Như Chung năm 2013 về “Quá trình hoàn thiện các chính sách thúc đẩy phát triển làng nghề ở tỉnh Bắc Ninh giai đoạn từ 1997 đến 2003 - thực trạng, kinh nghiệm và giải pháp”. Đề tài đã đề cập tới thực trạng về chính sách quản lý nhà nước đối với làng nghề và đưa ra một số giải pháp hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước thúc đẩy sự phát triển của Làng nghề.

- Luận án tiến sĩ của Mai Thế Hồn năm 1999 về “Phát triển làng nghề truyền thống trong quá trình Công nghiệp hoá, Hiện đại hoá ở vùng ven thủ đô Hà Nội. “ Đề tài đã đề cập tới vấn đề quy hoạch, kế hoạch phát triển làng nghề, đã đề cập đến vấn đề phát triển thị trường, xây dựng cơ sở hạ tầng, đổi mới công nghệ cho sự phát triển làng nghề. Đề tài còn đề cập đến chính sách của Nhà nước đối với việc phát triển làng nghề truyền thống trong quá trình Công nghiệp hoá và Hiện đại hoá.

- Luận văn Thạc sỹ của Vũ Thu Hà năm 2002 về “Khôi phục và phát triển làng nghề ở nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng - Thực trạng và giải pháp. “ Tác giả đã nghiên cứu thực trạng làng nghề truyền thống ở nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng và đưa ra giải pháp về qui hoạch, kế hoạch khôi phục và phát triển làng nghề truyền thống, đưa ra giải pháp về đào tạo lao động, cán bộ quản lý, thị trường tiêu thụ, đổi mới công nghệ, chính sách của nhà nước để phát triển làng nghề truyền thống.

- Luận văn thạc sỹ của Trần Văn Hiến năm 2006 về “tín dụng của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn với việc phát triển làng nghề tại tỉnh Quảng Nam.” Tác giả đã nghiên cứu thực trạng công tác tín dụng ngân hàng nông nghiệp của tỉnh Quảng Nam đối với sự phát triển làng nghề của tỉnh; đồng thời tác giả đã ra dự báo sự phát triển của làng nghề, của tín dụng ngân hàng nông nghiệp đến năm 2012, đưa ra cơ chế, chính sách cho vay để khuyến khích làng nghề phát triển.

Ngoài ra còn một số luận văn lý luận chính trị cao cấp năm 2006 về “Phát triển làng nghề truyền thống trong nền kinh tế thị trường hiện nay trên địa bàn huyện Đức Thọ - Hà Tĩnh” của Thạc sỹ Nguyễn Quốc Hải và luận văn thạc sỹ năm 2006 về “Nghề truyền thống trên địa bàn Hà Nội trong quá trình hội nhập kinh tế

quốc tế” của Nguyễn Trọng Tuấn cũng đều đề cập đến thực trạng làng nghề truyền thống của các địa phương khác nhau; đồng thời cũng đưa ra những giải pháp về qui hoạch kế hoạch phát triển nghề truyền thống và đặt vấn đề thị trường tiêu thụ, đổi mới công nghệ, chính sách, đào tạo nguồn lao động để làng nghề được phát triển trong điều kiện Việt Nam thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn và gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO.

Tác giả Phan Văn Tú năm 2011 nghiên cứu về: *“Các giải pháp để phát triển làng nghề ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam”*, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Đại Học Đà Nẵng. Tác giả tập trung nghiên cứu các lý thuyết về làng nghề, phân loại và các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển làng nghề cũng như kinh nghiệm phát triển làng nghề ở một số địa phương trên cả nước, từ đó nghiên cứu thực trạng phát triển các làng nghề ở thành phố Hội An và đề xuất các giải pháp để phát triển các làng nghề này. Các phương pháp được sử dụng trong luận văn là thu thập thực tế tại làng nghề, thống kê, tổng hợp kết hợp với chi tiết hóa, đối chiếu và so sánh để đưa ra kết luận. Luận văn chỉ ra rằng phát triển làng nghề ở Hội An hiện nay còn thiếu tính bền vững, hiệu quả kinh tế xã hội còn thấp, cần thiết phải có sự quan tâm, đầu tư của cơ quan nhà nước và các tổ chức doanh nghiệp.

- Luận văn Thạc sỹ của Nguyễn Thị Kim Ngân năm 2015 về *“Quản lý nhà nước về phát triển làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội”* Tác giả tập trung nghiên cứu của đề tài là hướng tới đề xuất một số giải pháp và kiến nghị hoàn thiện công tác QLNN về phát triển làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Thạch Thất nhằm góp phần thúc đẩy làng nghề truyền thống phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đổi mới hiện nay

Nhìn chung các công trình nghiên cứu kể trên đã đi nghiên cứu những khía cạnh khác nhau của làng nghề và đưa ra những giải pháp pháp phát triển làng nghề,...cho đến nay chưa có công trình nào đi vào nghiên cứu chuyên sâu về quản lý nhà nước phát triển làng nghề trên địa bàn huyện Phú Xuyên.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

3.1 Mục tiêu nghiên cứu luận văn

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là hướng tới đề xuất một số giải pháp và kiến nghị hoàn thiện công tác QLNN về phát triển làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Phú Xuyên nhằm góp phần thúc đẩy làng nghề truyền thống phát triển đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đổi mới hiện nay.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu luận văn

Để giải quyết được mục tiêu nghiên cứu nói trên, đề tài cần phải thực hiện được 3 nhiệm vụ nghiên cứu:

- Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận cơ bản về QLNN về phát triển làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện.

- Phân tích, đánh giá đúng thực trạng QLNN về phát triển làng nghề truyền thống những năm qua; từ đó nhận định những thành công, hạn chế đồng thời xác định nguyên nhân của những thành công, hạn chế trong công tác QLNN đối với phát triển làng nghề truyền thống;

- Đề xuất một số giải pháp và kiến nghị thiết thực, có tính khả thi nhằm hoàn thiện QLNN về phát triển làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Phú Xuyên thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

4.1 Đối tượng nghiên cứu đề tài

Đối tượng nghiên cứu của đề tài: QLNN về phát triển làng nghề trên địa bàn huyện Phú Xuyên.

4.2 Phạm vi nghiên cứu đề tài

Phạm vi nghiên cứu của đề tài:

- Về không gian: Đề tài giới hạn nghiên cứu trên địa bàn huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

- Về thời gian: Đề tài nghiên cứu thực trạng QLNN trên địa bàn huyện Phú Xuyên về phát triển làng nghề truyền thống trong 5 năm gần đây (2010-2015), định hướng đề xuất giải pháp và kiến nghị hoàn thiện QLNN về phát triển làng nghề đến năm 2020.

5. Phương pháp nghiên cứu đề tài

Đề tài nghiên cứu tại Huyện Phú Xuyên có 26 xã và 2 thị trấn trong đó có hơn 100 làng nghề thủ công, trong đó có 40 làng nghề được công nhận làng nghề truyền thống theo tiêu chí thành phố.

5.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

5.1.1 Thu thập dữ liệu thứ cấp

Các dữ liệu thứ cấp phục vụ cho nghiên cứu đề tài này gồm các loại tài liệu, thông tin do các nguồn khác nhau cung cấp được tổng hợp ở bảng 1.1 dưới đây. Phương pháp thu thập các dữ liệu thứ cấp này bằng cách:

- Liệt kê các thông tin cần thiết có thể thu thập, hệ thống hóa theo nội dung và địa điểm dự kiến thu thập.
- Liên hệ với cơ quan cung cấp thông tin
- Tiến hành thu thập bằng lắng nghe, ghi chép và sao chép

Sau khi thu thập được chúng tôi tiến hành kiểm tra tính chính xác của thông tin, sử dụng và trích dẫn đầy đủ.

Bảng 1.1: Phương pháp thu thập thông tin thứ cấp

Thông tin	Loại tài liệu	Nguồn thu thập
Cơ sở lý luận của đề tài, các số liệu, dẫn chứng về tình hình sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm của các làng nghề trên địa bàn huyện Phú Xuyên. Các nghiên cứu gần đây có liên quan PTBV LNTT.	+ Các loại sách báo và bài giảng: Kinh tế phát triển, chính sách nông nghiệp, Marketing... + Các tài liệu từ Website. + Các luận văn liên quan đến đề tài nghiên cứu.	+ Thư viện Học viện nông nghiệp Hà Nội, Thư viện khoa Kinh tế & PTNT, Học viện Nông nghiệp Hà Nội. + Internet. + Báo, tạp chí.
Đặc điểm địa bàn nghiên cứu, số liệu về tình hình chung của huyện Phú Xuyên. Đặc biệt là PTLNTT trên địa bàn nghiên cứu tập trung vào một số xã đã chọn.	+ Các tài liệu từ Website. + Báo cáo kết quả kinh tế xã hội của huyện qua 3 năm. + Các chính sách và đề án PTSX làng nghề của huyện Phú Xuyên.	+ Internet + Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Thống kê, Phòng Tài chính, Phòng Nông nghiệp, Phòng Tài nguyên và Môi trường.

5.1.2 Dữ liệu sơ cấp

Các dữ liệu sơ cấp phục vụ cho nghiên cứu đề tài này bao gồm các thông tin căn bản của các cơ sở sản xuất nghề TT, các loại sản phẩm, khối lượng, chi phí, giá bán, thị trường, khách hàng, những khó khăn và kiến nghị của cơ sở sản xuất.

Các dữ liệu này được thu thập từ cơ sở sản xuất kinh doanh, đồng thời cũng điều tra, phỏng vấn các nghệ nhân, thợ giỏi, chủ hộ và những người có kinh nghiệm sản xuất. Số liệu mới còn được thu thập từ các thông tin, số liệu tổng hợp của địa phương nghiên cứu.

Việc thu nhập số liệu mới tiến hành thông qua nội dung phiếu khảo sát các đối tượng bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp chủ hộ, chủ cơ sở, cán bộ địa phương, người lao động tại các cơ sở, các hộ.

5.2. Phương pháp xử lý thông tin

5.2.1 Xử lý thông tin thứ cấp:

Xác định dữ liệu cần có cho cuộc nghiên cứu (các chỉ tiêu về làng nghề, số lượng, cơ cấu làng nghề) có nguồn cụ thể rõ ràng như báo cáo kinh tế của huyện, báo cáo tổng kết của các kế hoạch huyện đang xây dựng. Tổng hợp, chọn lọc thông tin có liên quan phục vụ cho đề tài nghiên cứu.

5.2.2 Xử lý thông tin sơ cấp:

- Phương pháp quan sát: có thể quan sát trực tiếp hay gián tiếp bằng mắt nhìn, nhận định hiện tượng sự vật như: xem xu hướng lưu chuyển hàng hóa của cày làng nghề chủ yếu là bán buôn đi các nơi hay bán lẻ tại nhà.

5.3 Phương pháp phân tích thông tin

5.3.1 Phương pháp tổng quan lịch sử

Sử dụng phương pháp này nhằm phân tích lịch sử phát triển làng nghề truyền thống qua thống kê những thành tựu, hạn chế, số lượng chất lượng ở từng thời kỳ qua đó thấy được xu hướng phát triển. Đồng thời phương pháp này còn giúp chúng ta định hướng những giải pháp phát triển bền vững các LNTT trên địa bàn huyện.

5.3.2 Phương pháp thống kê mô tả

Dựa trên các chỉ tiêu phân tích như số tuyệt đối, số đối tượng và số bình quân

nhằm phân tích mức độ sản xuất kinh doanh sản phẩm của làng nghề, kết quả hiệu quả kinh tế trong các làng nghề, của từng nhóm hộ sản xuất kinh doanh những khó khăn thuận lợi và kiến nghị

5.3.3 Phương pháp so sánh

Trong đề tài này chúng tôi sử dụng phương pháp so sánh nhằm so sánh sự phát triển LNTT qua các năm giữa các xã, các nhóm hộ, giữa thực tế với kế hoạch và tiềm năng của huyện.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Đề tài đã góp phần hệ thống hóa và sáng tỏ thêm một số vấn đề lý luận cơ bản về phát triển làng nghề, QLNN về phát triển làng nghề các nhân tố môi trường ảnh hưởng đến phát triển làng nghề của địa phương; kinh nghiệm QLNN về phát triển làng nghề của một số địa phương trong cả nước và bài học kinh nghiệm cho huyện Phú Xuyên.

Đề tài đưa ra vấn đề nghiên cứu là để phát triển làng nghề truyền thống tại huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội để góp một phần xây dựng kinh tế địa phương, tạo dựng một môi trường thuận lợi để phát triển làng nghề truyền thống giúp nó có hướng đi đúng đắn và phát triển bền vững.

7. Kết cấu luận văn

Ngoài Lời cảm ơn, Lời cam đoan, Mục lục, Danh mục bảng biểu, hình vẽ, Danh mục các từ viết tắt, Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, luận văn được kết cấu làm 3 chương:

Chương 1: Một số đề lý luận cơ bản về quản lý Nhà nước đối với phát triển làng nghề của địa phương.

Chương 2: Thực trạng quản lý Nhà nước về phát triển làng nghề trên địa bàn huyện Phú Xuyên.

Chương 3: Giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện quản lý Nhà nước về phát triển làng nghề huyện Phú Xuyên.

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG

1.1 Một số lý luận về làng nghề truyền thống

1.1.1 Làng nghề và làng nghề truyền thống

1.1.1.1 Làng nghề

Từ xa xưa, người nông dân Việt Nam đã biết sử dụng thời gian nông nhàn để sản xuất những sản phẩm thủ công, phi nông nghiệp phục vụ cho nhu cầu đời sống như: các công cụ lao động nông nghiệp, giấy, lụa, vải, thực phẩm qua chế biến... Các nghề này được lưu truyền và mở rộng qua nhiều thế hệ, dẫn đến nhiều hộ dân có thể cùng sản xuất một loại sản phẩm. Bên cạnh những người chuyên làm nghề, đa phần lao động vừa sản xuất nông nghiệp, vừa làm nghề, hoặc làm thuê (nghề phụ). Nhưng do nhu cầu trao đổi hàng hóa, các nghề mang tính chất chuyên môn sâu hơn, được cải tiến kỹ thuật hơn và thường được giới hạn trong quy mô nhỏ (làng), dần dần tách hẳn nông nghiệp để chuyển hẳn sang nghề thủ công. Như vậy, làng nghề đã xuất hiện.

Có thể hiểu làng nghề “là làng nông thôn Việt Nam có ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, phi nông nghiệp chiếm ưu thế về số lao động và thu nhập so với nghề nông”.

Có rất nhiều ý kiến và quan điểm khác nhau khi đề cập đến tiêu chí để một làng ở nông thôn được coi là một làng nghề. Nhưng nhìn chung, các ý kiến thống nhất ở một số tiêu chí sau:

- Giá trị sản xuất và thu nhập của từ phi nông nghiệp ở làng nghề đạt trên 50% so với tổng giá trị sản xuất và thu nhập chung của làng nghề trong năm; hoặc doanh thu hàng năm từ ngành nghề ít nhất đạt trên 300 triệu đồng, hoặc:

- Số hộ và số lao động tham gia thường xuyên hoặc không thường xuyên, trực tiếp hoặc gián tiếp đối với nghề phi nông nghiệp ở làng ít nhất đạt 30% so với tổng số hộ hoặc lao động ở làng nghề có ít nhất 300 lao động.

- Sản phẩm phi nông nghiệp do làng sản xuất mang tính đặc thù của làng và do người trong làng tham gia.

Theo Báo cáo Môi trường quốc gia năm 2008, tiêu chí công nhận làng nghề gồm có 3 tiêu chí sau:

- Có tối thiểu 30% tổng số hộ trên địa bàn tham gia các hoạt động ngành nghề nông thôn.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 2 năm tính đến thời điểm đề nghị công nhận.

- Chấp hành tốt chính sách Pháp luật của Nhà nước.

1.1.1.2 Làng nghề truyền thống

** Khái niệm về làng nghề truyền thống*

Khái niệm làng nghề truyền thống (LNTT) được khái quát dựa trên hai khái niệm nghề truyền thống và làng nghề nêu trên. Theo Thông tư 116/2006/TT-BNN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: “Làng nghề truyền thống là làng nghề có nghề truyền thống được hình thành từ lâu đời”.

Như vậy LNTT được hình thành từ lâu đời, trải qua thử thách của thời gian vẫn duy trì và phát triển, được lưu truyền từ đời này qua đời khác. Trong các LNTT thường có đại bộ phận dân số làm nghề cổ truyền hoặc một vài dòng họ chuyên làm nghề theo kiểu cha truyền con nối, nghĩa là việc dạy nghề được thực hiện bằng phương pháp truyền nghề.

** Đặc điểm làng nghề truyền thống*

Điều kiện sản xuất kinh doanh gắn bó với hộ gia đình nông thôn và ngành nông nghiệp: Nghề thủ công truyền thống bắt đầu từ nông nghiệp và gắn liền với sự phân công lao động ở nông thôn nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt tự cung tự cấp của người nông dân và chủ yếu phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Nông nghiệp là nguồn cung cấp nguyên liệu, nguồn nhân lực, nguồn vốn chủ yếu và là thị trường tiêu thụ rộng lớn.

Lao động trong các làng nghề chủ yếu là nghề nông, các gia đình tự quản lý, phân công lao động, phân chia thời gian cho phù hợp giữa việc sản xuất nông nghiệp lúc mùa vụ với nghề thủ công lúc nông nhàn.

Về sản phẩm: Sản phẩm làng nghề truyền thống nhằm phục vụ đời sống sinh hoạt và sản xuất. Nó là các vật dụng hàng ngày, có thể là những sản phẩm vừa có giá trị sử dụng, vừa có giá trị thẩm mỹ, nhân văn và xã hội. Các sản phẩm của làng nghề truyền thống được tạo ra với bộ óc sáng tạo và đôi bàn tay khéo léo và sự tinh tế, tinh vi của người thợ hay có thể là các nghệ nhân.

Chất lượng sản phẩm thường không đồng đều do việc sản xuất không thể tạo ra nhiều sản phẩm giống nhau, chỉ là do các người thợ sản xuất và tạo nên từng sản phẩm đơn lẻ. Sản phẩm thủ công mỹ nghệ của Việt Nam không mang tính toàn cầu, chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng của khách quốc tế hay người giàu của Việt Nam. Do đó, khó đáp ứng được các hợp đồng lớn hoặc số lượng mặt hàng đủ tiêu chuẩn xuất khẩu ra thị trường nước ngoài rất ít.

Kỹ thuật công nghệ: Làng nghề truyền thống thường sử dụng những công cụ thủ công, công nghệ mang tính cổ truyền do lịch sử để lại và do chính người lao động trong làng nghề tạo ra. Kỹ thuật đặc biệt nhất của làng nghề là những bí quyết, kinh nghiệm của người thợ được tích lũy qua nhiều thế hệ, giữ được tính chất bí truyền của nghề. Do vẫn dùng thủ công để gia công sản phẩm là chính nên không đáp ứng được một hợp đồng lớn, và tính không ổn định do thiếu tính chuyên nghiệp khiến cho các bạn hàng rụt rè khi có quan hệ mua bán với các sản phẩm của làng nghề truyền thống.

Tổ chức sản xuất kinh doanh: Mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh trong các làng nghề hiện nay chủ yếu là hộ gia đình. Do vậy, đây được xem là mô hình sản xuất nhỏ, thường chỉ sử dụng lao động gia đình, do đó ai cũng có thể tham gia. Chính mô hình nhỏ này là một bất lợi cho việc tiếp nhận công nghệ, năng lực quản lý, năng lực tài chính, năng lực sản xuất còn kém vì vậy việc tiếp nhận các đơn đặt hàng lớn thường khó khăn. Tuy nhiên nó lại là mô hình tổ chức sản xuất phù hợp nhất với cơ sở vật chất ở làng nghề truyền thống hiện nay do có nhiều ưu điểm như tranh thủ thời gian lao động, linh hoạt trong sản xuất thích ứng với cuộc sống lao động sản xuất ở vùng nông thôn.

Bên cạnh các hộ sản xuất còn có các mô hình mới như hợp tác xã, các doanh nghiệp, các công ty cổ phần. Những mô hình này hoạt động theo Luật Hợp tác xã và Luật Doanh nghiệp. Các mô hình sản xuất này khá phù hợp với xu hướng thị trường hiện nay và ngày một khẳng định được vai trò của mình trong xu thế hội nhập của các làng nghề truyền thống.

1.1.2 Vai trò của làng nghề truyền thống và vai trò phát triển làng nghề truyền thống

Góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng CNH-HDH

Phát triển làng nghề truyền thống có vai trò tích cực góp phần tăng tỷ trọng nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, chuyển lao động từ sản xuất nông nghiệp có thu nhập thấp sang ngành nghề phi nông nghiệp có thu nhập cao hơn. Hơn nữa, kết quả sản xuất ở các làng nghề cho thu nhập và giá trị sản lượng cao hơn so với sản xuất nông nghiệp; do từng bước tiếp cận với kinh tế thị trường, năng lực kinh doanh được nâng lên, người lao động nhanh chóng chuyển sang đầu tư cho các ngành nghề phi nông nghiệp, đặc biệt là những ngành mà sản phẩm có khả năng tiêu thụ mạnh ở thị trường trong nước và thế giới.

Làng nghề truyền thống phát triển đã tạo cơ hội cho hoạt động dịch vụ ở nông thôn mở rộng quy mô và địa bàn hoạt động, thu hút nhiều lao động. Khác với sản xuất nông nghiệp, sản xuất trong các làng nghề là một quá trình liên tục, đòi hỏi thường xuyên cung ứng dịch vụ vật liệu và tiêu thụ sản phẩm. Do đó dịch vụ nông thôn phát triển mạnh mẽ với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, đem lại thu nhập cao cho người lao động.

Sự phát triển của làng nghề truyền thống có tác dụng rõ rệt với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo yêu cầu của sự nghiệp CNH- HDH. Sự phát triển lan tỏa của làng nghề đã mở rộng qui mô địa bàn sản xuất, thu hút nhiều lao động. Đến nay cơ cấu kinh tế ở nhiều làng nghề đạt 70 - 80% cho công nghiệp và dịch vụ, 20 - 30% cho nông nghiệp.

Góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động

Phát triển bền vững làng nghề truyền thống tạo thêm nhiều việc làm mới, thu hút nhiều lao động. Mặt khác, việc phát triển các ngành nghề tại các làng nghề ở nông thôn sẽ tận dụng tốt thời gian lao động, khắc phục được tính thời vụ trong sản xuất nông nghiệp, góp phần phân bổ hợp lý lực lượng lao động nông thôn. Vai trò tạo việc làm của các làng nghề còn thể hiện rất rõ ở sự phát triển lan tỏa sang các làng khác, vùng khác, đã giải quyết việc làm cho nhiều lao động.

Hiện nay việc giao thương, xuất khẩu thuận tiện các làng nghề có thể tạo việc làm cho người lao động, tăng thu nhập cho hàng triệu lao động thủ công chuyên nghiệp và nhàn rỗi. Như vậy, vai trò của làng nghề rất quan trọng, được coi là động lực trực tiếp giải quyết việc làm cho người lao động, đồng thời góp phần làm tăng thu nhập cho người lao động. Thực tế cho thấy nơi có làng nghề phát triển thì ở đó có thu nhập và mức sống cao hơn so với vùng thuần nông.

Thu hút vốn nhàn rỗi, tận dụng thời gian và lực lượng lao động, hạn chế di dân tự do

Thường thì đa số các làng nghề thủ công không đòi hỏi số vốn đầu tư lớn, bởi rất nhiều nghề chỉ cần công cụ thủ công, thô sơ do thợ thủ công tự sản xuất được; đặc điểm của sản xuất trong các làng nghề là qui mô nhỏ, cơ cấu vốn và lao động ít nên phù hợp với khả năng huy động vốn và các nguồn lực vật chất của các gia đình, đó là lợi thế để các làng nghề có thể huy động các nguồn vốn nhàn rỗi trong dân vào sản xuất kinh doanh. Mặt khác, do đặc điểm sản xuất lao động thủ công là chủ yếu, nơi sản xuất cũng chính là nơi ở của người lao động nên bản thân nó có khả năng tận dụng và thu hút nhiều lao động, từ lao động thời vụ nông nhàn đến lao động trên độ tuổi hay dưới độ tuổi lao động, trẻ em vừa học và tham gia sản xuất dưới hình thức học nghề hay giúp việc, lực lượng này chiếm một tỉ lệ đáng kể trong tổng số lao động làng nghề.

Sự phát triển của làng nghề đã có vai trò tích cực trong việc hạn chế di dân tự do ở nông thôn. Giảm bớt tác động tiêu cực tới đời sống KT-XH, gây áp lực đối với dịch vụ, cơ sở hạ tầng xã hội ở thành thị và là một khó khăn lớn trong vấn đề quản lý đô thị. Việc phát triển các làng nghề được thúc đẩy ở khu vực nông thôn, ngoại thị

là chuyển biến quan trọng tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập và cải thiện đời sống nông dân. Phát triển làng nghề theo phương châm “Ly nông, bất li hương” không chỉ có khả năng giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động mà còn có vai trò tích cực trong việc hạn chế dòng di dân tự do ra đô thị.

Đa dạng hóa kinh tế nông thôn, thúc đẩy quá trình đô thị hóa

Các làng nghề truyền thống đã phá vỡ thế độc canh trong các làng thuần nông, mở ra hướng phát triển mới với nhiều nghề ở nông thôn. Đồng thời cùng với sản xuất nông nghiệp, làng nghề đã đem lại hiệu quả cao trong việc sử dụng hợp lý các nguồn lực ở nông thôn như đất đai, vốn, lao động, nguyên vật liệu, công nghệ, thị trường. Vì vậy, một nền kinh tế hàng hóa với sự đa dạng của các loại sản phẩm được hình thành và phát triển, trong mối quan hệ với các ngành nghề khác, làng nghề đóng góp vai trò động lực.

Ở những vùng có nhiều ngành nghề phát triển thường hình thành trung tâm giao lưu buôn bán, dịch vụ và trao đổi hàng hoá. Những trung tâm này ngày càng được mở rộng và phát triển, tạo nên một sự đổi mới trong nông thôn. Hơn nữa, nguồn tích lũy của người dân trong làng nghề cao hơn, có điều kiện để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như đường sá, nhà ở, và mua sắm các tiện nghi sinh hoạt. Dần dần ở đây hình thành một cụm dân cư với lối sống đô thị ngày một rõ nét, nông thôn đổi thay và từng bước được đô thị hóa qua việc hình thành các thị trấn, thị tứ. Vì vậy dễ nhận thấy rằng ở một làng nghề phát triển thì ở đó hình thành một phố chợ sầm uất của các nhà buôn bán, dịch vụ. Xu hướng đô thị hóa nông thôn là xu hướng tất yếu, nó thể hiện trình độ phát triển về KT-XH ở nông thôn, là yêu cầu khách quan trong phát triển làng nghề.

Bảo tồn giá trị văn hóa dân tộc

Lịch sử phát triển của làng nghề truyền thống gắn liền với lịch sử phát triển văn hóa của dân tộc, nó là nhân tố góp phần tạo nên nền văn hóa ấy; đồng thời là sự biểu hiện tập trung nhất bản sắc của dân tộc. Các làng nghề phát triển sẽ bảo tồn, duy trì và phát triển nhiều ngành nghề và các giá trị văn hóa của dân tộc.

Sản phẩm của các làng nghề thủ công truyền thống là sự kết tinh của lao động vật chất và lao động tinh thần, nó được tạo nên bởi bàn tay tài hoa và óc sáng tạo của người thợ thủ công. Các sản phẩm của các làng nghề chứa đựng những phong tục, tập quán, tín ngưỡng... mang sắc thái riêng có của dân tộc Việt Nam, nhiều sản phẩm làng nghề có giá trị, có tính nghệ thuật cao, trong đó hàm chứa những nét đặc sắc của văn hóa dân tộc, những sắc thái riêng, đặc tính riêng của mỗi làng nghề và được coi là biểu tượng nghệ thuật truyền thống của dân tộc đồng thời có giá trị minh chứng sự thịnh vượng của quốc gia, cũng như thể hiện những thành tựu, phát minh mà con người đạt được.

Nghề truyền thống, đặc biệt là nghề thủ công mỹ nghệ là những di sản văn hóa quý báu mà các thế hệ cha ông đã sáng tạo ra và truyền lại cho các thế hệ sau. Cho đến nay, nhiều sản phẩm làng nghề là hàng thủ công mỹ nghệ tinh xảo, độc đáo, đạt trình độ bậc cao về mỹ thuật còn được lưu giữ, trình bày tại nhiều viện bảo tàng nước ngoài.

1.1.3 Những hạn chế của làng nghề truyền thống

Bên cạnh những vai trò to lớn, sự phát triển làng nghề cũng có những hạn chế. Đó là:

Phát triển làng nghề là phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân, bị giới hạn bởi diện tích đất đai, vốn đầu tư nên hạn chế khả năng áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ mới vào sản xuất, năng suất lao động không cao.

Phát triển làng nghề tác động xấu tới môi trường sinh thái, cảnh quan. Hầu hết các làng nghề ở nước ta đều ô nhiễm môi trường. Tỷ lệ làng nghề sử dụng thiết bị xử lý nước, chất thải độc hại.

Do tính chất sản xuất phân tán theo mô hình hộ gia đình, nên việc chỉ đạo, giám sát, quản lý của cơ quan quản lý Nhà nước gặp nhiều khó khăn, dẫn đến tình trạng thất thu thuế từ các làng nghề.

Do phát triển kinh tế hộ gia đình, vì lợi nhuận nên dẫn đến hiện tượng tranh giành đất đai, tài sản trong nội bộ gia đình, anh em, họ hàng, làng xóm, vi phạm pháp luật gia tăng. Mặt khác, còn dẫn đến tệ nạn xã hội như nghiện hút, gái mại dâm, cờ bạc làm suy đồi đạo đức của thế hệ trẻ, tác động tới tư duy, lối sống pha trộn, lai căng làm tổn hại tới phong tục tập quán, thuần phong mỹ tục.

Vì mục tiêu cá nhân là lợi nhuận, nhiều nơi làm dối, làm ẩu, làm hàng giả và có xu hướng gia tăng.

Trong làng nghề người lao động thường làm việc từ 10 - 12 tiếng trong ngày, trong điều kiện diện tích chật hẹp, mức ô nhiễm cao, điều kiện phòng chống cháy nổ, an toàn lao động cho người lao động thấp, trong khi thiếu hiểu biết về nghề nghiệp, do đó sức khỏe suy giảm nhanh, tai nạn xảy ra hàng ngày... Các yếu tố trên tác động trực tiếp và thường xuyên tới người lao động và dân cư trong làng. Các loại bệnh thần kinh, đường hô hấp, đường tiêu hóa... chiếm tỷ lệ trên 60% tổng số dân cư trong khu vực làng nghề.

1.2 Quản lý nhà nước đối với phát triển làng nghề truyền thống ở địa phương.

1.2.1 Khái niệm, nội dung quản lý nhà nước về kinh tế

1.2.1.1 Khái niệm về quản lý nhà nước

Quản lý nhà nước về kinh tế quốc dân (hoặc viết tắt quản lý nhà nước về kinh tế) là sự tác động có tổ chức và bằng pháp quyền của nhà nước lên nền kinh tế quốc dân nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực kinh tế trong và ngoài nước, các cơ hội có thể có, để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế đất nước đã đặt ra, trong điều kiện hội nhập và mở rộng giao lưu quốc tế. Quản lý kinh tế là nội dung cốt lõi của quản lý xã hội nói chung và nó phải gắn chặt với các hoạt động quản lý khác của xã hội. Quản lý nhà nước về kinh tế được thể hiện thông qua các chức năng kinh tế và quản lý kinh tế của nhà nước.

- Thực chất quản lý nhà nước về kinh tế là việc tổ chức và sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực trong và ngoài nước mà Nhà nước có khả năng tác động vì mục tiêu xây dựng và phát triển đất nước. Trong đó vấn đề nắm bắt được hoạt động trong xã hội là vấn đề có vai trò then chốt.

- Bản chất của quản lý nhà nước về kinh tế là đặc trưng thể chế chính trị của đất nước; nó chỉ rõ Nhà nước là không của giai cấp hoặc của lực lượng chính trị, xã hội nào? nó dựa vào ai và hướng vào ai để phục vụ? Đây là vấn đề khác nhau cơ bản giữa quản lý nhà nước về kinh tế của các chế độ xã hội khác nhau.

1.2.1.2 Nội dung quản lý nhà nước về kinh tế

- Định hướng phát triển kinh tế đất nước là quyết định trước những nhiệm vụ, những mục tiêu và những chiến lược phát triển kinh tế đất nước trong khoảng thời gian 5 năm, 10 năm hoặc lâu hơn. Xác định các nhiệm vụ, là xác định những công việc phải làm trong khoảng thời gian nhất định để tạo sự phát triển kinh tế đất nước. Xác định mục tiêu dài hạn của phát triển kinh tế đất nước. Xác định chiến lược phát triển kinh tế.

- Lập kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội là tập hợp các mục tiêu ở cấp quốc gia hay khu vực và các giải pháp nhằm thực hiện các mục tiêu đó. Nhà nước phải xây dựng các kế hoạch phát triển quốc gia dài hạn và trung hạn. Chương trình là tổng hợp các mục tiêu, các chính sách, các thủ tục, các quy tắc, các nhiệm vụ, các bước tiến hành các nguồn lực cần sử dụng và các yếu tố cần thiết khác để thực hiện một ý đồ lớn, một mục tiêu nhất định về phát triển kinh tế đất nước, vùng và ngành.

- Thiết lập khung khổ pháp luật về kinh tế. Pháp luật về kinh tế theo nghĩa là tổng thể các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức, quản lý và hoạt động sản xuất – kinh doanh giữa các doanh nghiệp với nhau và với các đơn vị hữu quan khác.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các chính sách, các công cụ và các đòn bẩy kinh tế. Chính sách là tổng thể các phương thức, hiện pháp, phương tiện nhất định, được nhà nước sử dụng, nhằm tác động đến cá nhân, nhóm người, xã hội, để đạt tới các mục tiêu bộ phận, trong quá trình thực hiện các mục tiêu tổng thể để phát triển kinh tế - xã hội như: chính sách tài chính, chính sách tiền tệ - tín dụng, chính sách kinh tế đối ngoại...

- Tổ chức và điều hành các hệ thống kinh tế trong nước hoạt động. Với chức năng tổ chức, sản xuất, nhà nước phải hình thành các đơn vị kinh tế theo ngành, theo vùng, theo thành phần kinh tế và theo loại hình sản xuất – kinh doanh, cũng như các trung tâm khoa học, đào tạo và các đơn vị sự nghiệp, phục vụ cho phát triển

kinh tế. Với chức năng điều hành, nhà nước phối hợp với hoạt động giữa các cơ quan, đơn vị trong nền kinh tế quốc dân, đảm bảo những mối quan hệ cần thiết trong quá trình thực hiện những mục tiêu kế hoạch của đất nước.

- Kiểm tra, rà soát nền kinh tế nhằm kịp thời phát hiện những sai sót, ách tắc, đồng thời phát hiện ra những cơ hội, vận hội tốt trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội của đất nước giữ đúng định hướng kế hoạch nhà nước đã đề ra.

- Điều chỉnh hoạt động của nền kinh tế là những tác động bổ sung của Nhà nước đến nền kinh tế, nhằm sửa chữa những sai sót, tận dụng những thời cơ để phát triển kinh tế.

1.2.2 Khái niệm, mục tiêu, vai trò của quản lý nhà nước đối với phát triển làng nghề truyền thống

1.2.2.1 Khái niệm

Quản lý nhà nước đối với phát triển làng nghề truyền thống là việc áp dụng hệ thống các công cụ quản lý bao gồm pháp luật, chính sách, quy hoạch, kế hoạch tác động vào đối tượng quản lý để hướng dẫn các làng nghề truyền thống của địa phương phát triển đúng theo định hướng đã đặt ra trên cơ sở sử dụng hiệu quả các nguồn lực kinh tế.

1.2.2.2 Mục tiêu

Quản lý nhà nước đối với làng nghề truyền thống không chỉ kiểm soát làng nghề truyền thống mà quan trọng hơn hẳn là để phát triển làng nghề truyền thống theo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương, quốc gia. Theo góc độ đó có thể thấy quản lý nhà nước đối với làng nghề truyền thống nhằm các mục tiêu cụ thể như sau:

Một là, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư và phát triển làng nghề. Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư bỏ vốn xây dựng và vận hành hiệu quả các doanh nghiệp các cơ sở trong làng nghề. Để đạt được mục tiêu này nhà nước ngoài ban hành và thực hiện các chính sách ưu đãi cho các dự án quy hoạch, phát triển làng nghề còn tích cực hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nghề về thủ tục hành chính, về cơ sở hạ tầng.

Hai là, sử dụng quỹ đất một cách hiệu quả. Để sử dụng quỹ đất một cách hiệu quả nhà nước thường phải xây dựng quy hoạch cụm công nghiệp làng nghề một cách hiệu quả là mục tiêu thứ hai trong quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này. Để sử dụng quỹ đất một cách hiệu quả nhà nước thường phải quy hoạch xây dựng các cụm công nghiệp làng nghề có tính lâu dài, kết hợp được các yêu cầu khác về phát triển làng nghề với các yêu cầu khác về phát triển kinh tế - xã hội.

Ba là, sử dụng vốn đầu tư vào cơ sở hạ tầng một cách hiệu quả. Thường nhu cầu đầu tư vào cơ sở hạ tầng rất lớn mà khả năng của Nhà nước và tư nhân không thể đáp ứng đầy đủ. Do đó, để sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư vào cơ sở hạ tầng khu vực làng nghề, một mặt nhà nước phải có kế hoạch chương trình, dự án đầu tư vốn nhà nước hiệu quả, mặt khác nhà nước phải có chính sách khuyến khích tư nhân đầu tư hiệu quả vào khu vực kinh tế làng nghề.

Bốn là, bảo vệ môi trường sinh thái. Ưu tiên cho phát triển làng nghề, nhưng quản lý nhà nước đối với làng nghề còn có mục tiêu ngăn ngừa các hoạt động thái quá của các cơ sở sản xuất nghề làm ảnh hưởng đến môi trường. Nếu không có các biện pháp buộc các cơ sở sản xuất phải đảm bảo yêu cầu xử lý chất thải và áp dụng công nghệ bảo vệ môi trường thì các lợi ích ngắn hạn từ phát triển làng nghề có thể không đủ bù đắp cho những thiệt hại môi trường về lâu dài

Năm là, nâng cao hiệu quả kinh tế theo lãnh thổ. Thông qua phát triển các làng nghề, nhà nước kỳ vọng vào tác động lan tỏa của nó đến các ngành và vùng khác nhau kinh thành thêm các vùng nông nghiệp cung cấp nguyên, vật liệu, phát triển dịch vụ cho làng nghề, phát triển các trung tâm thương mại. Vì thế quản lý của nhà nước đối với làng nghề phải được hoạch định và thực hiện có tầm rộng đủ xã một cách hợp lý để hướng đến thay đổi bộ mặt địa phương.

Sáu là, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. Đây là mục tiêu quan trọng của quản lý nhà nước đối với phát triển làng nghề.

1.2.2.3 Vai trò quản lý nhà nước đối với phát triển làng nghề truyền thống

Thứ nhất, QLNN đối với phát triển làng nghề truyền thống sẽ định hướng cho các hoạt động sản xuất sản phẩm làng nghề của địa phương phát triển theo đúng mục tiêu của địa phương đã đề ra trên cơ sở tạo lập môi trường thuận lợi cho các làng nghề tại địa phương tiếp cận với các yếu tố tài nguyên, nguồn nhân lực.

Thứ hai, QLNN đối với phát triển làng nghề truyền thống có vai trò điều tiết các nguồn lực, phân bổ hợp lý nguồn tài nguyên phù hợp với đặc điểm từng ngành nghề của địa phương. Bằng công cụ quản lý, cơ quan QLNN sẽ giám sát các hoạt động kinh doanh của các làng nghề và có những biện pháp thích hợp để xử lý nếu có vi phạm xảy ra.

Thứ ba, QLNN đối với phát triển làng nghề truyền thống có vai trò giám sát, đảm bảo phát hiện và xử lý kịp thời các sai phạm trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các làng nghề nhằm đảm bảo tính công bằng, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các cơ sở sản xuất kinh doanh, từ đó bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống của làng nghề.

1.2.3 Nội dung quản lý nhà nước đối với phát triển làng nghề truyền thống ở địa phương

1.2.3.1 Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản trong hoạt động phát triển làng nghề truyền thống

Để quản lý các làng nghề truyền thống Nhà nước địa phương cần chỉ đạo thực hiện các luật lệ, chính sách của trung ương ban hành có hiệu quả ở địa phương mình (ra các văn bản hướng dẫn thực hiện, tổ chức thực thi, kiểm tra, đánh giá). Việc ban hành các văn bản hướng dẫn ở địa phương xuất phát từ những yêu cầu thực tế của địa phương và yêu cầu quản lý của ngành nhưng không trái với pháp luật của Nhà nước. Mục đích của ban hành các văn bản pháp luật nhằm tạo điều kiện cho các làng nghề truyền thống phát triển một cách thuận lợi, đưa các sản phẩm làng nghề truyền thống ra thị trường thế giới.

Trong QLNN về phát triển làng nghề truyền thống quy định về điều kiện nghề, làng nghề truyền thống, điều kiện thành lập doanh nghiệp, các hình thức kinh doanh của doanh nghiệp, giấy phép kinh doanh. Bên cạnh việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, Nhà nước cũng thực hiện việc chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện tới các đối tượng chịu ảnh hưởng.

Việc ban hành các văn bản còn có sự tham gia phối hợp của các ngành, các đơn vị có liên quan. Với chức trách và nhiệm vụ được giao, các cơ quan có liên quan phải có trách nhiệm xây dựng hệ thống thông tin đầy đủ, kịp thời.

1.2.3.2 Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chính sách phát triển làng nghề truyền thống.

Chính sách và kế hoạch là phương tiện để quản lý việc phát triển làng nghề. Đây là tập hợp những kế hoạch được thiết lập hoặc những hành động được thực hiện nhằm mục đích phát triển làng nghề theo mục tiêu đã đề ra.

Kế hoạch phát triển làng nghề truyền thống là toàn bộ những công việc được vạch ra một cách có hệ thống trong một thời gian nhất định, với mục đích nhất định nhằm đạt được mục tiêu một cách có hiệu quả bằng những hành động cụ thể.

Chính sách là tập hợp những chủ trương và hành động của cơ quan Nhà nước nhằm tạo cơ chế cho các làng nghề truyền thống phát triển bằng việc tác động nhằm khuyến khích, huy động tập trung nguồn lực, khai thác tối ưu tiềm năng, thế mạnh của địa phương trong việc phát triển làng nghề truyền thống theo mục tiêu đã đề ra.

Xây dựng và thực hiện kế hoạch, chính sách giúp cho các cá nhân, hộ kinh doanh và các nghề nhân thấy rõ được định hướng, mục tiêu phát triển, lĩnh vực phát triển các ngành nghề của địa phương từ đó có hướng phát triển. Tuy nhiên để kế hoạch và chính sách về phát triển làng nghề truyền thống thực sự có hiệu quả và có ý nghĩa thì phải đảm bảo kế hoạch và chính sách phải nằm trong quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương, phải được cụ thể hóa và mang tính đồng bộ. Vì vậy việc xây dựng kế hoạch, chính sách phải được thực hiện bởi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và dưới sự chỉ đạo và phê duyệt của UBND huyện.

1.2.3.3 Tổ chức bộ máy quản lý trong việc quản lý Nhà nước về phát triển làng nghề truyền thống

Theo đó, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND cấp huyện quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của UBND cấp huyện và theo quy định của pháp luật; góp phần bảo đảm sự thống nhất quản lý của ngành hoặc lĩnh vực công tác ở địa phương. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức và công tác của UBND cấp huyện, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.

Trong các quy định của Nhà nước có quy định rất cụ thể về bộ máy tổ chức QLNN tại địa phương về các lĩnh vực khác nhau trong đó có lĩnh vực kinh tế. Phòng kinh tế giúp UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiêu thụ công nghiệp, khoa học và công nghệ, công nghiệp và thương mại. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn do mình phụ trách. Cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (gọi chung là Phó Trưởng phòng) là người giúp Trưởng phòng chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của cơ quan chuyên môn cấp huyện. Số lượng Phó Trưởng phòng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện không quá 03 người. Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định theo quy định của pháp luật.

1.2.3.4 Quản lý đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển làng nghề truyền thống

Hiện nay, việc phát triển làng nghề truyền thống rất cần đến đội ngũ lao động có tay nghề, nhất là các nghệ nhân, người có kinh nghiệm lâu năm trong nghề. Để đáp ứng được nhu cầu về đội ngũ lao động hiện nay. Nhà nước cần quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực cho phát triển làng nghề.

Để nâng cao hiệu quả đào tạo, phải nắm bắt được nhu cầu đào tạo là cần thiết. nó là cơ sở đầu tiên để các cơ sở đào tạo có thể xây dựng mục tiêu và chương trình đào tạo có ý nghĩa, định hướng được nội dung và cách thức đào tạo. Nếu đào tạo không đáp ứng được nhu cầu thực tế thì sẽ không đáp ứng được yêu cầu công việc của địa phương.

Việc bồi dưỡng, đào tạo các chủ doanh nghiệp làng nghề ở nông thôn về các kiến thức về kinh tế thị trường, về pháp luật trọng kinh doanh là rất cấp bách nhằm đảm bảo và nâng cao hơn nữa hiệu quả trong kinh doanh, để kinh doanh đúng pháp luật và để tránh được những vụ kiện cáo xảy ra trên thương trường.

1.2.3.5 Quản lý đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quản lý làng nghề truyền thống

Để nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về phát triển làng nghề truyền thống ở địa phương, cần chú trọng vào việc đào tạo cán bộ quản lý để phục vụ trong công tác quản lý nhà nước. Thường xuyên cử cán bộ đi đào tạo vững về chuyên môn nghiệp vụ, tham mưu giúp tổ chức hoạch định, nhìn nhận sự phát triển kinh tế của các làng nghề để có những quyết sách kịp thời, chính xác. Việc xây dựng được một đội ngũ vững mạnh để quản lý nhà nước cũng là một trong những nội dung quan trọng trong quản lý nhà nước.

1.2.3.6 Kiểm tra, giám sát hoạt động của các làng nghề truyền thống

Việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của các làng nghề truyền thống cần được thực hiện liên tục và thường xuyên nhằm phát hiện những sai sót và kịp thời xử lý những vi phạm tại các cơ sở sản xuất kinh doanh.

Hoạt động kiểm tra, giám sát có thể diễn ra định kỳ hoặc đột xuất tùy thuộc vào đối tượng và nội dung kiểm tra.

Trong hoạt động kiểm tra, giám sát cần có sự phối hợp của các cơ quan, ban ngành có liên quan cùng phối hợp thực hiện.

1.2.4 Công cụ QLNN đối với phát triển làng nghề truyền thống

Công cụ quản lý nhà nước về kinh tế là tổng thể những phương tiện hữu hình và vô hình mà nhà nước sử dụng để tác động lên mọi chủ thể kinh tế trong xã hội nhằm thực hiện mục tiêu quản lý của quốc dân. Để thực hiện chức năng quản lý của mình, Nhà nước có thể sử dụng các công cụ bao gồm: Kế hoạch, chính sách và pháp luật

1.2.4.1 Công cụ kế hoạch

Kế hoạch được hiểu theo nghĩa hẹp là phương án hành động trong tương lai, theo nghĩa rộng là quá trình xây dựng, quán triệt, chấp hành và giám sát, kiểm tra việc thực hiện phương án hành động trong tương lai. Nội dung kế hoạch bao gồm: chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội, kế hoạch trung hạn và dài hạn, chương trình, dự án và ngân sách. Nhà nước có những định hướng về phát triển làng nghề truyền thống theo mục tiêu đã đề ra. Chính quyền địa phương xây dựng và triển khai kịp thời các chiến lược nhằm phát triển làng nghề truyền thống, quy hoạch và đưa ra các kế hoạch cụ thể hướng các làng nghề truyền

thống của địa phương phù hợp với điều kiện của mỗi địa phương và quy hoạch tổng thể các nguồn lực được sử dụng tối ưu. Nhờ đó mà các cơ quan QLNN có cơ sở để kiểm tra, đánh giá các hoạt động đúng định hướng hay không. Quy hoạch làng nghề phù hợp với tính phát triển đặc thù của các ngành nghề.

1.2.4.2 Công cụ pháp luật:

Chức năng chủ yếu của pháp luật là điều chỉnh, bảo vệ và giáo dục để đảm bảo và phát triển xã hội theo mục tiêu và định hướng nhất định. Thông qua việc thực hiện các chức năng này, pháp luật có vai trò quan trọng trong quá trình chuyển dịch nền kinh tế tự cấp, tự túc, khép kín sang nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa. Hệ thống các quy tắc chung có tính bắt buộc thể hiện ý chí của Nhà nước và cộng đồng xã hội, do nhà nước đặt ra, thực thi và bảo vệ nhằm phát triển xã hội theo tính đặc trưng đã định. Trong phát triển làng nghề truyền thống Nhà nước sử dụng công cụ pháp luật để quản lý và phát triển làng nghề truyền thống nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc xác lập kỷ cương cho việc sản xuất kinh doanh sản phẩm làng nghề truyền thống. Từ đó sẽ phát hiện và ngăn chặn các hành vi trái với pháp luật gây tổn hại cho nền kinh tế và xã hội. Hiện nay trong các làng nghề phát triển thêm một số nghề mới, nhà nước phải có các quy định pháp luật để chống hành giả hàng nhái.

1.2.4.3 Công cụ chính sách

Chính sách là một trong những công cụ chủ yếu của Nhà nước để quản lý nền kinh tế, nó tập trung các giải pháp nhất định để thực hiện các mục tiêu bộ phận nhằm hướng tới mục tiêu chung của phát triển kinh tế xã hội. Đây là công cụ để nhà nước thực hiện toàn bộ các quan điểm, các nguyên tắc, qua đó thể hiện quyết tâm và phương hướng xây dựng các phương thức, biện pháp của nhà nước trong việc điều chỉnh một loạt các quan hệ kinh tế phát sinh nhằm đưa ra các chiến lược, kế hoạch cụ thể vào thực tiễn, các chính sách ra đời như một công cụ hữu hiệu nhằm phát triển xa hơn. Việc áp dụng các chính sách trong việc phát triển làng nghề truyền thống có ý nghĩa quan trọng, Nhà nước quản lý phát triển làng nghề truyền thống bằng chính sách kinh tế, xã hội, các chính sách nhằm bảo vệ môi trường làng nghề, chính sách nhằm bảo tồn các giá trị văn hóa của làng nghề truyền thống. Bên cạnh đó Nhà nước còn đưa ra các chính sách kinh tế đối ngoại nhằm tạo điều kiện cho

các sản phẩm làng nghề cạnh tranh trên thương trường quốc tế, thúc đẩy quá trình hợp tác quốc tế ngày một phát triển.

1.2.5 Phương pháp QLNN về phát triển làng nghề truyền thống.

Phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế là tổng thể những cách thức tác động có chủ đích và có thể có của Nhà nước lên nền kinh tế quốc dân và các bộ phận hợp thành của nó để thực hiện các mục tiêu quản lý kinh tế quốc dân (tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế và công bằng kinh tế). Để quản lý nhà nước đối với phát triển làng nghề truyền thống sử dụng các phương pháp như: phương pháp kinh tế, phương pháp hành chính và phương pháp giáo dục. Tùy vào từng đối tượng và tình huống cụ thể mà có thể dùng một hoặc kết hợp nhiều phương pháp với nhau để đạt được mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn, thời kỳ khác nhau.

1.2.5.1 Phương pháp kinh tế

Phương pháp kinh tế trong quản lý nhà nước về kinh tế là cách thức tác động gián tiếp của Nhà nước, dựa trên những lợi ích kinh tế có tính hướng dẫn lên đối tượng quản lý, nhằm làm cho đối tượng quản lý tự giác, chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không cần phải có sự tác động thường thường xuyên của Nhà nước bằng phương pháp hành chính. Phương pháp kinh tế là phương pháp quan trọng để Nhà nước cũng như địa phương thực hiện quản lý đối với phát triển làng nghề truyền thống. Phương pháp này được thể chế thông qua chính sách kinh tế như sử dụng đất, thuế, các hoạt động hỗ trợ...cho việc phát triển làng nghề nhằm tạo động lực, hướng các làng nghề phát triển và bảo tồn các giá trị văn hóa dân tộc. Bằng việc sử dụng các định mức kinh tế như mức thuế, lãi suất ngân hàng...các biện pháp đòn bẩy, kích thích kinh tế, khuyến khích cá nhân, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện sản xuất theo hướng tích cực, từ đó thu hút tiềm năng nước ngoài.

1.2.5.2 Phương pháp hành chính

Là cách thức tác động trực tiếp của Nhà nước thông qua các quyết định có tính bắt buộc trong khuôn khổ pháp luật lên các chủ thể kinh tế, nhằm thực hiện các mục tiêu của nhà nước trong những tình huống nhất định. Tác động điều chỉnh hành động, hành vi của các chủ thể kinh tế là những tác động bắt buộc của nhà nước lên

quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của các chủ thể kinh tế, nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu quản lý nhà nước. Một mặt, phương pháp hành chính được thực hiện căn cứ chủ yếu vào hệ thống pháp luật về phát triển làng nghề truyền thống, kiểm soát bằng luật pháp và kịp thời ngăn chặn xử lý những vi phạm, tiêu chuẩn hóa làm trong sạch đội ngũ cán bộ QLNN về phát triển làng nghề truyền thống. Mặt khác, phương pháp này được thực hiện trên cơ sở xây dựng, ban hành các chủ trương, đường lối, chính sách, định hướng cho các làng nghề truyền thống thực hiện theo đúng chủ trương và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

1.2.5.3 Phương pháp giáo dục

Là cách thức tác động của Nhà nước vào nhận thức và tình cảm của con người nhằm nâng cao tính tự giác, tích cực và nhiệt tình lao động của họ trong việc thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Để góp phần thực hiện tốt các nội dung QLNN về phát triển làng nghề truyền thống, thông qua các phương tiện có thể tuyên truyền, giáo dục người dân trong các làng nghề nâng cao ý thức, trách nhiệm, bảo tồn các giá trị văn hóa của dân tộc, làm giàu cho bản thân và đất nước

1.3 Các nhân tố môi trường ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về phát triển làng nghề truyền thống

1.3.1 Các nhân tố môi trường vĩ mô

Quá trình phát triển làng nghề truyền thống chịu sự tác động của nhiều nhân tố khác nhau. Ở mỗi vùng, mỗi địa phương, mỗi làng nghề do có những đặc điểm khác nhau về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, văn hóa nên sự tác động của các nhân tố không giống nhau.

1.3.1.1 Nhân tố khoa học công nghệ

Trong cơ chế thị trường, sự phát triển của các làng nghề truyền thống đã thể hiện cuộc cạnh tranh gay gắt về năng suất, chất lượng và giá cả. Đặc biệt trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay, giao lưu thương mại mang tính toàn cầu thì việc ứng dụng khoa học công nghệ ngày càng có tác động to lớn đến khả năng cạnh tranh, tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm.

Ngày nay khoa học công nghệ đang trở thành lực lượng trực tiếp được xác định là động lực của CNH – HĐH, khoa học công nghệ là yếu tố quyết định về chất để tăng năng suất lao động, quyết định lợi thế cạnh tranh và tốc độ phát triển kinh tế nói chung và công nghiệp nói riêng của mỗi quốc gia. Công nghệ tiên tiến phù hợp với tiềm năng nguồn lực, trình độ vận dụng, khả năng quản lý sẽ là tác động mạnh mẽ cho sự phát triển kinh tế, bền vững.

Khoa học công nghệ là yếu tố quyết định sự tăng trưởng kinh tế. Đẩy mạnh việc nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ cho sản xuất được coi là khâu đột phá quan trọng để thúc đẩy làng nghề phát triển. Vì vậy cần khuyến khích các cơ sở sản xuất trong làng nghề truyền thống đầu tư chiều sâu đổi mới công nghệ thiết bị, hiện đại hóa công nghệ truyền thống theo phương châm kết hợp hài hòa giữa công nghệ tiên tiến với công nghệ truyền thống. Lựa chọn công nghệ phù hợp ở một số khâu có điều kiện nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm và ít ảnh hưởng đến môi trường.

1.3.1.2 Môi trường an ninh, chính trị và pháp luật

Một trong những nhân tố quan trọng tác động đến QLNN về phát triển làng nghề truyền thống trong giai đoạn hiện nay là môi trường chính trị, pháp luật phải đảm bảo tính kỷ luật. Chế độ chính trị - xã hội và thể chế Nhà nước quyết định tới bộ máy QLNN đối với các ngành, nghề. Nhà nước đặt ra bộ máy QLNN với những chiến lược phát triển chung nhằm quản lý phát triển làng nghề truyền thống nhằm phát triển làng nghề và quản lý nền kinh tế của địa phương.

Ổn định chính trị, an ninh tạo điều kiện cho việc QLNN về phát triển làng nghề truyền thống được thực hiện một cách thống nhất, hiệu quả, đảm bảo cho môi trường làng nghề an toàn.

1.3.2 Các nhân tố môi trường ngành

1.3.4.1 Thị trường sản phẩm của làng nghề

Thị trường có sự tác động mạnh mẽ đến phương hướng phát triển, cách thức tổ chức, cơ cấu sản phẩm và là động lực thúc đẩy làng nghề truyền thống phát triển. Sự tồn tại và phát triển của làng nghề truyền thống phụ thuộc rất lớn vào thị trường.

Sản xuất càng phát triển càng thể hiện rõ sự chi phối quan hệ cung cầu, cạnh tranh trên thị trường. Những làng nghề có sản phẩm độc đáo, kỹ thuật tinh xảo và luôn đổi mới để phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng sẽ có khả năng thích ứng và có đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Ngược lại có những làng nghề không phát triển, mai một, thậm chí có nguy cơ mất đi là do sản phẩm không đủ sức cạnh tranh hoặc nhu cầu thị trường không cần đến so đó nữa.

1.3.4.2 Vốn kinh doanh

Đây là nguồn lực vật chất quan trọng đối với bất kỳ hoạt động kinh doanh nào. Nhiệm vụ chủ yếu nhất của nguồn vốn là đầu tư phát triển sản xuất, cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng, công nghệ... Do vậy sự phát triển thịnh vượng của làng nghề cũng phụ thuộc rất lớn vào các nguồn vốn được huy động. Trước đây trong nền kinh tế tự cấp tự túc, vốn phục vụ cho sản xuất thường nhỏ bé, vốn chủ yếu là tự có hoặc huy động từ người thân trong gia đình. Ngày nay để đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế thị trường thì lượng vốn cần lớn hơn để đầu tư đổi mới công nghệ, đưa thiết bị, máy móc vào sản xuất, góp phần tăng năng suất, chất lượng sản phẩm.

1.3.4.3 Cơ sở hạ tầng

Bao gồm hệ thống đường giao thông, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc, các công trình dịch vụ thương mại, công cộng ... Đây là yếu tố tạo điều kiện cho quá trình sản xuất, khai thác và phát huy tiềm năng sẵn có của mỗi làng nghề. Đảm bảo cho quá trình cung cấp nguyên liệu sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cũng như mở rộng quy mô sản xuất, áp dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất, đồng thời làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Do vậy ở những nơi có cơ sở hạ tầng đầy đủ và đồng bộ thì các làng nghề truyền thống có điều kiện phát triển mạnh. Tuy nhiên hiện nay phần lớn các làng nghề truyền thống còn đang gặp rất nhiều khó khăn vì điều kiện cơ sở hạ tầng còn yếu kém và chưa đồng bộ.

1.3.4.4 Nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.

Trong thời kỳ phương tiện giao thông và phương tiện kỹ thuật chưa phát triển, thì gần các vùng nguyên liệu được coi là một trong những điều kiện tạo nên sự hình thành và phát triển các làng nghề truyền thống. Hiện nay, các nguyên liệu khai thác

phục vụ cho các làng nghề chủ yếu từ môi trường tự nhiên nên vùng nguyên liệu ngày càng suy giảm (như gỗ ...), gây khó khăn cho sản xuất vì nguyên liệu đang bị cạn kiệt. Do vậy khối lượng, chất lượng, chủng loại, khoảng cách của các nguồn nguyên liệu có ảnh hưởng tới chất lượng và giá thành sản phẩm.

1.3.4.5 Sự phân cấp, phân quyền giữa các cơ quan quản lý

Công tác QLNN sẽ hiệu quả hơn nếu như phân cấp phân quyền giữa các bộ phận quản lý rõ ràng và rành mạch. Lúc đó, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý được xác định, mỗi bộ phận chịu trách nhiệm trước lĩnh vực quản lý của mình, không vi phạm quản lý của bộ phận khác và cùng hợp tác khi có liên quan. Nhà nước bằng việc tạo lập các cơ quan và hệ thống tổ chức quản lý về kinh tế, sử dụng bộ máy để thực hiện những vấn đề về QLNN, nhằm đưa ra những chính sách phù hợp, áp dụng vào thực tiễn, biến quy hoạch thành hiện thực, tạo điều kiện cho các ngành nghề truyền thống phát triển bền vững.

Tổ chức bộ máy quản lý có sự phân cấp, phân quyền, phối hợp giữa các đơn vị sẽ tác động trực tiếp đến công tác QLNN về kinh tế tại địa phương đó. Tùy vào từng điều kiện cụ thể mà quyết định xây dựng cho địa phương một bộ máy thực hiện nhiệm vụ kinh tế chính trị - xã hội tại địa phương và hình thành các cơ chế phối hợp giữa các đơn vị thực hiện.

1.3.4.6 Đội ngũ nguồn nhân lực QLNN

Trong QLNN, đội ngũ nguồn nhân lực ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình quản lý, hiệu quả quản lý. Hiệu quả, chất lượng và uy tín của bộ máy QLNN phụ thuộc nhiều và đội ngũ cán bộ thực hiện chức năng quản lý. Đây là đội ngũ hoạch định chính sách, chiến lược, chương trình, dự án, định hướng phát triển nghề, làng nghề dựa trên cơ sở chủ trương, đường lối kinh tế của đảng. Chính sách đãi ngộ trong quản lý là điều kiện để nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý.

Địa phương có đội ngũ nguồn nhân lực QLNN có chất lượng sẽ là một lợi thế để có thể quản lý và phát triển ngành tại địa phương một cách hiệu quả. Để làm được điều này thì cần có những chính sách thu hút và đào tạo nhân tài phục vụ việc QLNN về kinh tế nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

1.4 Tổng quan bài học kinh nghiệm về việc quản lý nhà nước về phát triển làng nghề truyền thống trong thời gian qua

1.4.1 Tổng quan bài học kinh nghiệm

1.4.1.1 Phát triển làng nghề truyền thống ở tỉnh Bắc Ninh

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 62 làng nghề đã được công nhận. So với cả nước, tỷ lệ làng nghề/ tổng số xã ở Bắc Ninh cao hơn xấp xỉ 5 lần, chiếm khoảng 5% làng nghề cả nước. Tỷ lệ làng nghề truyền thống của tỉnh khá cao chiếm hơn một nửa tổng số làng nghề (51,56%).

Trong những năm qua, ở các làng nghề Bắc Ninh đã xuất hiện doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa tham gia kinh doanh (đa phần phát triển lên từ các cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ). Quy mô sản xuất của các doanh nghiệp lớn hơn nhiều lần so với hộ sản xuất gia đình. Thực tế cho thấy các doanh nghiệp có nhiều lợi thế để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, tiếp cận vốn, tiếp cận thị trường, thiết kế sản phẩm, đầu tư máy móc hiện đại thay thế lao động thủ công.

UBND Tỉnh Bắc Ninh xây dựng định hướng phát triển làng nghề truyền thống gắn với xây dựng nông thôn mới:

- Bảo tồn làng nghề truyền thống: Để bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá đối với làng nghề truyền thống cần mở rộng mô hình như: Trung tâm giao lưu tranh Đông Hồ, Trung tâm phục chế tranh Đông Hồ ... để người dân và du khách có cơ hội tham quan và hiểu biết về các làng nghề truyền thống. Tại Phù Lãng bắt đầu hình thành hình thức du lịch cộng đồng nhằm giới thiệu quảng bá và bảo tồn tên tuổi làng nghề Phù Lãng.

- Liên kết xã hội: Để góp phần phát triển làng nghề truyền thống quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh đã chủ động tạo nguồn vốn cho vay để phát triển sản xuất. Bằng nhiều gói dịch vụ cho vay, đặc biệt là trả góp lãi xuất hàng tháng với lãi xuất phải chăng đã đáp ứng được đông đảo nguyện vọng bà con nhân dân. Bên cạnh đó các tổ tiết kiệm cũng đang được nhân rộng trên toàn tỉnh. Một hình thức khác là quỹ hỗ trợ nông dân, ưu điểm của hình thức vay vốn này, hiểu rõ nhu cầu sản xuất, khả năng tài chính của từng hộ vay, kịp thời nhanh gọn và đảm bảo an toàn, hiệu quả.

- Hiệp hội ngành nghề: Hiện nay có nhiều doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân đã tự liên kết và thành lập hiệp hội doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh của mình. Một số hiệp hội hoạt động có hiệu quả như: Hội sản xuất, kinh doanh Đồ gỗ mỹ nghệ Đông Ky, Hiệp hội giấy tỉnh Bắc Ninh ... các hiệp hội này quy tụ hàng trăm hội viên tham gia, có đăng ký nhãn hiệu tập thể riêng.

1.4.1.2 Làng nghề gốm sứ Bát Tràng

Ngoài bát đĩa, ấm chén thông dụng, Bát Tràng còn làm nhiều hàng khác, như các đồ thờ tự và các đồ cho trang trí nội, ngoại thất: lộc bình, lư, đỉnh, đèn thờ, các bộ tượng tam đa, tam thánh, chậu hoa, con giống, gạch trang trí cao cấp... Hàng Bát Tràng từ xa xưa đã nổi tiếng về chất men phủ, phổ biến là men màu búp dong, loại men này sắc độ trắng hơi ngả xanh hoặc xám, trong và sâu. Đặc biệt là Bát Tràng đã có men lý, men nho, men này màu gần như màu ngọc thạch, nên được gọi là men ngọc.

Để tăng tính cạnh tranh và đáp ứng như cầu thị trường, người làm gốm Bát Tràng ngày càng cố gắng để tạo ra nhiều sản phẩm đa dạng khác nhau có mẫu mã phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng. Bên cạnh các sản phẩm truyền thống, tại chợ gốm cổ Bát Tràng bày bán rất nhiều đồ gốm gia dụng và đồ gốm trang trí nhiều màu sắc bắt mắt với các sản phẩm sơn mài trên gốm, tranh gốm, chuông gió, các hình con vaath, đồ chơi bằng gốm. Làng nghề gốm Bát Tràng đã phát triển làng nghề gắn liền với phát triển du lịch làng nghề. Khi tham gia tour du lịch làng nghề, khách tham quan không chỉ được ngắm phong cảnh du lịch làng quê mà còn được thăm nơi sản xuất, thậm chí có thể tham gia vào một phần quá trình tạo ra sản phẩm. Chính điều này đã tạo nên sức hấp dẫn riêng của làng nghề truyền thống nơi đây.

1.4.1.3 Làng nghề truyền thống lụa Vạn Phúc - Hà Đông

Lụa Vạn Phúc được giới thiệu lần đầu ra quốc tế tại các hội chợ Marseille (1931) và Paris (1938), được người Pháp đánh giá là loại sản phẩm tinh xảo của vùng Đông Dương thuộc Pháp, rất được ưa chuộng tại các nước Pháp, Thái Lan, Indonesia... Từ 1958 đến 1988, sản phẩm lụa Vạn Phúc hầu hết được xuất sang các nước Đông Âu; từ 1990 xuất khẩu ra nhiều quốc gia trên thế giới, thu ngoại tệ về cho đất nước.

Người đến làng lụa không chỉ mua lụa, mà còn muốn tìm lại trong đó khung cảnh của một làng nghề canh cửi nghìn năm. Chính vì vậy, thống kê từ Hội làng nghề, sau hai năm xây dựng điểm du lịch và xúc tiến thương mại, mỗi tháng làng Vạn Phúc thu hút từ 3.000 đến 5.000 khách tham quan, giao dịch.

Thời gian qua, Hiệp hội làng nghề tại Vạn Phúc kêu gọi người dân gắn thương hiệu từng nhà sản xuất “lành mạnh hóa” thương mại. Hiệp hội cũng dự định xây dựng hệ thống cửa hàng chỉ bán sản phẩm do chính thợ dệt Vạn Phúc làm ra.

1.4.2 Bài học kinh nghiệm rút ra cho Làng nghề truyền thống huyện Phú Xuyên

1.4.2.1 Bài học kinh nghiệm từ phát triển làng nghề tỉnh Bắc Ninh

Với những lợi thế thuận lợi, Phú Xuyên là một đất nhiều làng nghề truyền thống từ bài học kinh nghiệm quản lý nhà nước để phát triển làng nghề trên địa bàn Tỉnh Bắc Ninh. Có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho phát triển làng nghề Phú Xuyên như sau:

- Có chính sách khuyến khích phát triển các doanh nghiệp chính từ các hộ sản xuất kinh doanh trong các làng nghề.

- Bảo tồn các làng nghề truyền thống, huyện Phú Xuyên cần có những khu bảo tồn hay khu trưng bày giới thiệu các sản phẩm của làng nghề truyền thống, hiện tại Phú Xuyên chưa có khu trưng bày giới thiệu sản phẩm của bất kỳ sản phẩm làng nghề nào.

- Liên kết xã hội: Để tạo nguồn vốn kinh doanh thuận lợi cho các hộ thì cần có sự liên kết giữa các tổ chức kinh tế xã hội, nhà nước cũng cần có những chính sách ưu đãi hỗ trợ vay vốn kinh thích sản xuất kinh doanh trong nhân dân.

- Xây dựng các hiệp hội làng nghề: Hiện nay Phú Xuyên có 2 hiệp hội làng nghề được hình thành và đi vào hoạt động hiệu quả: Hiệp hội Da giày Phú Yên, Hiệp hội may Vân Từ. Tuy nhiên, các hiệp hội này chưa xây dựng được nhãn hiệu tập thể. UBND huyện cần phối hợp với các hiệp hội và chính xã địa phương xây dựng những thương hiệu tập thể cho các làng nghề.

1.4.2.2 Bài học kinh nghiệm từ làng nghề gốm sứ Bát Tràng

UBND huyện Phú Xuyên cần có chương trình, chính sách cụ thể để xây dựng các tour du lịch làng nghề truyền thống, phát triển du lịch gắn liền với thăm quan làng nghề truyền thống, để khách tham quan được tham quan quy trình sản xuất một sản phẩm truyền thống hoặc tham gia vào sản xuất một quy trình sản xuất sản phẩm truyền thống như mô hình du lịch làng nghề truyền thống gốm sứ Bát Tràng.

Bên cạnh những bất cập về vấn đề bất cập khi khách thăm quan du lịch làng nghề truyền thống như: Tràn lan hàng Trung Quốc, du khách bị chặt chém, hét giá khi mua các sản phẩm truyền thống tại các làng nghề; môi trường du lịch chưa đảm bảo. UBND huyện cần rút ra bài học kinh nghiệm cho địa phương mình trước khi xây dựng được những tuor du lịch làng nghề truyền thống tại địa phương như các tuor du lịch cần khai thác không gian làng nghề truyền thống chứ không chỉ có sản phẩm của làng nghề. Khách đến tham quan phải được gắn với những tài nguyên khác như: văn hoá, lịch sử, cũng như cảnh quan, thậm trí là phong tục, tập quán, ẩm thực của những người dân làng nghề đó.

Như ở làng nghề gốm sứ Bát Tràng không chỉ đơn thuần là các sản phẩm truyền thống, họ còn luôn cập nhật các công nghệ mới luôn luôn đổi mới sản phẩm, cải tiến sản phẩm đưa công nghệ mới vào sản xuất, đa dạng mẫu mã không chỉ mang đậm chất truyền thống mà còn đáp ứng được thị yếu tiêu dùng của thời điểm bây giờ. Dựa vào những kinh nghiệm đây UBND huyện cần phải thường xuyên đưa các nghệ nhân, các thợ trong các làng nghề truyền thống tham quan các làng nghề truyền thống để học hỏi kinh nghiệm, giao lưu trao đổi công nghệ với các địa phương có làng nghề truyền thống để tiếp cận và học hỏi những công nghệ mới để áp dụng với làng nghề truyền thống tại địa phương mình.

1.4.2.3 Bài học kinh nghiệm từ làng nghề truyền thống lụa Vạn Phúc – Hà Đông

Trên thực tế cho thấy một số làng nghề truyền thống cổ lâu đời đã mai một và một số làng đã không còn hoạt động sản xuất sản phẩm của làng nghề truyền thống mình. Từ bài học kinh nghiệm duy trì và phát triển làng nghề truyền thống lụa Vạn

Phúc – Hà Đông. UBND huyện cần phối hợp với các cơ quan chức năng cấp trên và cùng với địa phương khôi phục và bảo tồn những làng nghề truyền thống lâu đời có biểu hiện mai một. Bằng cách có những ưu đãi đối với những nghề nhân, phối hợp mở lớp dạy nghề cho các thế hệ trẻ, nhân rộng sản phẩm làng nghề truyền thống của địa phương mình.

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ XUYÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1 Điều kiện tự nhiên, xã hội của huyện Phú Xuyên

2.1.1 Điều kiện tự nhiên

2.1.1.1 Vị trí địa lý, địa hình

Huyện Phú Xuyên là một huyện đồng bằng nằm phía Nam thành phố Hà Nội, trên trục đường quốc lộ 1A, cách trung tâm thủ đô Hà Nội khoảng 32 km. Có tổng diện tích tự nhiên là 17110,5 ha và có ranh giới như sau: Phía Bắc giáp 2 huyện Thanh Oai và Thường Tín, phía Nam giáp huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam, phía đông giáp huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, phía tây giáp huyện Ứng Hòa. Tuyến đường bộ cao tốc Pháp Vân – Cầu Giẽ, tuyến đường bộ 1A (cũ) và tuyến đường sắt Bắc – Nam chạy dọc qua huyện Phú Xuyên, trên địa bàn huyện còn có các tuyến tỉnh lộ chạy qua như 428A, 429B.

Huyện Phú Xuyên với vai trò là vành đai thực phẩm phía nam Hà Nội. Huyện Phú Xuyên có lợi thế rất lớn về thị trường tiêu thụ thủy sản, thủ công mỹ nghệ và là địa bàn tiêu thụ số lượng lớn đáng kể về hàng tiêu dùng. Với vị trí như vậy, Phú Xuyên cũng có điều kiện thuận lợi trong trao đổi, lưu thông hàng hóa với các tỉnh khác trong vùng Đồng bằng Sông Hồng và cả nước. Bên cạnh đó, vùng nông thôn Hà Nội còn có lợi thế rất lớn trong việc tiếp nhận và ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ vào các ngành kinh tế do Hà Nội là trung tâm đào tạo của đất nước về khoa học kỹ thuật.

Huyện Phú Xuyên có địa hình tương đối bằng phẳng, cao hơn mặt nước biển 1.5 – 6m. Địa hình dốc dần từ Đông Bắc xuống Tây Nam, lãnh thổ huyện có thể chia làm 2 vùng: Vùng phía đông đường Quốc lộ 1A và Vùng phía tây đường Quốc lộ 1A.

2.1.1.2 Khí hậu, thủy văn

* Khí hậu

Huyện Phú Xuyên mang các đặc điểm chung của khí hậu, thời tiết vùng đồng bằng châu thổ sông hồng: khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều. Một năm chia làm 2 mùa rõ rệt là mùa nóng ẩm và mùa hanh khô. Giữa 2 mùa nóng ẩm và hanh khô có các thời kỳ chuyển tiếp khí hậu vào cuối mùa nóng ẩm và đầu mùa hanh khô tạo ra 1 nên khí hậu 4 mùa: xuân, hạ, thu, đông. Mưa tập trung vào mùa nóng ẩm, nhiều nhất vào khoảng tháng 7 tháng 8 hàng năm. Hướng gió thịnh hành là gió mùa Đông nam và gió mùa Đông bắc. Gió mùa đông nam vào mùa nóng ẩm mang theo hơi nước tạo ra mưa rào đôi khi ảnh hưởng của gió bão kèm theo mưa lớn gây thiệt hại cho sản xuất và đời sống. Gió mùa đông bắc vào mùa hanh khô thường gây ra lạnh, hanh khô, mưa phùn, đôi khi có sương mù, sương giá trong tháng 12 và tháng 1, song ít gây thiệt hại cho sản xuất.

Các đặc điểm thời tiết, khí hậu trên, tuy có gây ra khó khăn nhất định cho đời sống sản xuất, nhưng cũng chính đặc điểm khí hậu này lại cho phép phát triển một nền nông nghiệp đa dạng: Nông sản nhiệt đới, cận nhiệt đới có thể sản xuất vào mùa Hạ, nông sản Á nhiệt đới có thể sản xuất vào mùa xuân, mùa thu, nông sản ôn đới có thể sản xuất vào mùa xuân, mùa thu, nông sản ôn đới có thể sản xuất vào mùa Đông, mùa xuân.

* Thủy văn

Trên địa bàn huyện có 3 con sông lớn chảy qua là: Sông Hồng (17km) theo hướng Bắc – Nam ở phía Đông huyện; sông Nhuệ (17km) chảy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam ở phía Tây huyện, sông Giẽ (9,75km). Ngoài ra có các sông nhỏ khác như sông Duy Tiên (13km), sông Vân Đình (5km), sông Hữu Bằng (2km) và hệ thống kênh mương trên địa bàn.

Hệ thống sông Nhuệ thuộc hệ thống tưới tiêu do công ty thủy lợi sông Nhuệ quản lý. Trên hệ thống sông Hồng, sau khi trạm bơm Khai Thái hoàn thành giải quyết tưới tiêu cho trên 6.000ha đất canh tác của các xã vùng miền Đông và Trung Tây, đồng thời lấy nước phù sa sông Hồng để phục vụ tưới tiêu cho cây trồng và cải tạo đồng ruộng. Với hệ thống sông ngòi, kênh mương khá dày đặc, huyện Phú Xuyên có tài nguyên nước khá phong phú, dồi dào thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, và phục vụ sinh hoạt.

2.1.2 Đặc điểm kinh tế xã hội huyện Phú Xuyên

2.1.2.1 Đất đai

Tổng diện tích đất toàn huyện là 17114,2 ha được phân bổ cho các mục đích sử dụng như sau: Quỹ đất nông nghiệp có 10780,3 ha chiếm 63% diện tích đất tự nhiên, trong đó đất trồng lúa 8455,8 ha chiếm 49,4%; Đất phi nông nghiệp 62496 ha chiếm 36,5% diện tích đất tự nhiên. Trong đó đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp 81,8ha, đất quốc phòng an ninh 14,6ha, đất tôn giáo tín ngưỡng 70ha, đất nghĩa trang, nghĩa địa 167,2 ha, đất phi nông nghiệp khác 1428,6 ha.

Bảng 2.1 hiện trạng sử dụng đất huyện Phú Xuyên

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tốc độ tăng BQ (%/năm)
1. Đất nông nghiệp	10981,9	10834,3	10780,3	-0,92
1.1 Đất sản xuất nông nghiệp	10189,1	9989,2	9987,1	-1,00
1.1.1 Đất trồng cây hằng năm	9493,8	9308,4	9297,6	-1,04
- Đất trồng lúa	8650,5	8542,6	8455,8	-1,13
- Đất trồng cây hằng năm khác	843,3	843,1	841,8	-0,09
1.1.2 Đất trồng cây lâu năm	695,3	691,4	689,5	-0,42
1.2 Đất nuôi trồng thủy sản	792,8	791,5	793,2	0,03
2. Đất phi nông nghiệp	6043,6	6141,3	6249	1,69
2.1 Đất phát triển hạ tầng	3011,1	3102,7	3202,2	3,12
2.1.1 Đất ở	1165,8	1172,6	1211,6	1,95
2.1.2 Đất chuyên dùng	1845,3	1832,4	1990,6	3,86
- Đất trụ sở cơ quan, CTSN	70,9	74,4	81,8	7,41
- Đất SXKD phi nông nghiệp	269,7	282,5	298,6	5,22
- Đất có mục đích công cộng	1492,8	1535,3	1595,7	3,39
- Đất quốc phòng an ninh	11,9	12,7	14,6	10,77
2.2 Đất tôn giáo tín ngưỡng	69	68,6	70	0,72
2.3 Đất nghĩa trang, nghĩa địa	158,1	157,7	167,2	2,84
2.4 Đất sông suối và mặt nước	380	378,5	381	0,13
2.5 Đất phi nông nghiệp khác	2425,4	2419,3	2428,6	0,07
3. Đất chưa sử dụng	85	83,4	84,9	-0,06

Nguồn: Phòng TN – MT huyện Phú Xuyên

Huyện Phú Xuyên chịu ảnh hưởng rất mạnh của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa nên đất sản xuất nông nghiệp giảm mạnh trong khi đất chưa sử dụng có thể khai thác đưa vào sản xuất không còn nhiều. Nhìn chung phần lớn diện tích đất của huyện đều sử dụng đúng mục đích nên đã mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội cao. Môi trường đất cơ bản không bị ô nhiễm nhiều.

2.1.2.2 *Giao thông*

Hệ thống giao thông rất thuận tiện cả về đường bộ, đường sắt và đường thủy. Có tuyến đường quốc lộ 1A chạy qua và đường Pháp Vân – Cầu Giẽ, có 2 tuyến đường tỉnh đi qua huyện đó là tỉnh lộ 429 (đường 73) và đường tỉnh lộ 428 (đường 75) hầu hết các xã, thị trấn trong huyện đều có đường ô tô vào đến trung tâm, huyện có một bến cảng Vạn Điểm có thể cho tàu trở xuống cấp bến an toàn.

Huyện có hệ thống đường tránh cho tàu chờ, tàu đỗ, tàu tránh thuận lợi nằm tại trung tâm huyện sát với đường Quốc lộ 1A. Đường Quốc lộ có đường 1A cũ và đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ (gồm cả tuyến Pháp Vân- Cầu Giẽ và Cầu Giẽ-Ninh Bình) với tổng chiều dài tuyến qua địa bàn huyện Phú Xuyên là 15,2 Km. Ngoài ra, có 3 tuyến đường tỉnh lộ và 48 km đường do huyện quản lý.

Qua đây chúng ta thấy huyện có hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông vô cùng thuận lợi cho sự phát triển giao các làng nghề truyền thống. Thuận lợi cho việc giao lưu, trao đổi kinh nghiệm sản xuất cũng như giao lưu thương mại giữa các vùng và khách hàng, người tiêu dùng của các làng nghề.

2.1.2.3 *Dân số và lao động*

Dân số: Dân số trung bình năm 2015 có 174.736 người. Vùng nông thôn là 161.126 nghìn người, mật độ dân số trung bình khoảng 1.1 người/km² (có xu hướng tăng qua các năm). Dân số năm 2016 ước đạt 18.599 người. Số hộ dân là 46.850 hộ trong đó có 28.456 hộ nông nghiệp (60,74%) và 18.394 hộ phi nông nghiệp (39,36%)

Lao động: Trên địa bàn huyện lao động trong độ tuổi có 96781 người. lực lượng tham ra các hoạt động kinh tế có 93.366 người. Cơ cấu lao động đang chuyển dịch theo hướng tăng dần. Tỷ lên lao động trong ngành CN-TTCN xây dựng và thương mại dịch vụ du lịch, nhưng tốc độ dịch chuyển còn chậm.

Chất lượng lao động trong nông nghiệp nông thôn còn thấp tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo, do đó chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội thủ đô trong tình hình hiện nay và giai đoạn tới. Lực lượng lao động trẻ ở nông thôn có xu hướng thoát ly nông nghiệp nhiều hơn. Đây là tín hiệu tốt cho tiến trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn nhưng cũng gây ra những khó khăn đáng kể cho sản xuất nông nghiệp do lao động nông nghiệp chủ yếu là lao động cao tuổi, trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn kỹ thuật hạn chế nên việc tiếp thu và ứng dụng tiến bộ hoa khọc kỹ thuật trong sản xuất của các làng nghề đang còn hạn chế.

2.1.2.4 Tình hình phát triển kinh tế - xã hội

Về kinh tế: Cơ cấu giá trị các ngành kinh tế của huyện năm 2015 nông nghiệp chiếm 23,39%, Công nghiệp - xây dựng chiếm 54,78%, thương mại dịch vụ 21,83%. Trong 5 năm từ 2011 - 2015 cơ cấu kinh tế có sự chuyển biến đáng kể, đã liên tục có sự biến đổi theo chiều hướng tích cực khi tỷ trọng công nghiệp xây dựng liên tục tăng lên từ 47% đến 54%, tỷ trọng thương mại dịch vụ tương đối ít biến động và tỷ trọng nông nghiệp thay đổi nhiều từ 34% xuống 23,09%.

Về xã hội: Tính đến nay tất các xã thị trấn ở phú xuyên đã được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục THCS tỷ lệ huy động học sinh đến trường như sau (nhà trẻ 55%, mẫu giáo 98%, tiểu học 100%). Đội ngũ giáo viên ngày càng được nâng cao chất lượng. Đến năm 2012 có 100% giáo viên đạt chuẩn.

Hoạt động văn hóa, thông tin đã tập trung tuyên truyền và tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ phục vụ các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, các ngày lễ lớn, phục vụ nhu cầu văn hóa và đời sống tinh thần của nhân dân. Chuyên mục truyền hình huyện, đài phát thanh tiếp tục được duy trì kịp thời thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và các hoạt động chính trị của huyện.

Tăng cường thực hiện công tác y tế dự phòng, y tế cơ sở; bảo vệ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em. Hoạt động hành nghề y dược tư nhân đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân; công tác y tế dự phòng thực hiện tốt nên không có dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn.

* Đánh giá chung về đặc điểm địa bàn nghiên cứu đối với việc quản lý nhà nước về phát triển làng nghề.

Thuận lợi: Phú Xuyên là huyện ven Hà Nội giao thông thuận lợi. Với điều kiện kinh tế xã hội thuận lợi, nền kinh tế chiếm trọng công nghiệp dịch vụ khá cao do đó sẽ là nơi để sản xuất đa dạng các ngành nghề dịch vụ trong đó có sản phẩm của các làng nghề truyền thống trên địa bàn. Hơn nữa với một tuyến giao thông đa dạng đường sắt, đường không, đường bộ đều là những tuyến lớn chạy qua đây hẳn là một kênh tiêu thụ sản phẩm của các làng nghề truyền thống.

Khó khăn: Là một huyện mới phát triển trong những năm gần đây tỉ trọng nông nghiệp đang còn khá cao. Bên cạnh đó hoạt động của các doanh nghiệp tiếp tục gặp nhiều khó khăn; sản phẩm, các mặt hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp chưa có thương hiệu, sức cạnh tranh trên thị trường yếu. Việc áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh còn hạn chế. Do đó việc sản xuất cũng như tiêu thụ các sản phẩm của các làng nghề trong đó đang còn chưa xứng với điều kiện của huyện.

2.2 Khái quát về thực trạng hoạt động của các làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội

2.2.1 Giới thiệu các làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện

Huyện Phú Xuyên là một trong những huyện tập trung nhiều làng nghề truyền thống có tiếng của Hà Nội. Huyện có 140 làng, khu dân cư có nghề, trong đó 40 làng nghề được Thành phố công nhận là làng nghề truyền thống. Không chỉ giải quyết việc làm cho các lao động địa phương, các làng nghề trong huyện đã tạo việc làm cho nhiều lao động ngoài huyện, khu vực lân cận. Thu nhập của lao động làng nghề trong huyện đạt hơn 25 triệu đồng/năm. Nhiều mặt hàng có truyền thống lâu đời như khảm trai - sơn mài Chuyên Mỹ, da giày Phú Yên, may Vân Từ, mộc Tân Dân... được xuất khẩu sang các thị trường Đông Âu, Mỹ, Nhật, Ba Lan...

Nghề mây tre đan huyện Phú Xuyên có từ hơn 400 năm trước, bà Nguyễn Thảo Lâm từ nơi khác đã đến truyền cho dân xã Phú Túc huyện Phú Xuyên nghề buôn cỏ tế từ trên rừng về rồi chế và bán cho các làng nghề khác như: Nón Chuông, rổ rá Cầu Bàu, mũ lá Chi Lê, mây tre đan Ninh Sở... Những năm 1990, khi việc tiêu thụ hàng gặp nhiều khó khăn thì cũng là lúc những con người thông minh, nhanh

nhạy của đất Phú Túc đã có được bước tìm tòi, học nghề rồi phát triển thành nghề guột té, mây, tre, giang đan của quê hương. Nghề mây tre đan Phú Túc tuy chỉ mới phát triển hơn chục năm nay, sau quá trình tìm tòi từ nghề buôn, chế cở té truyền thống của dân làng. Với những bàn tay cần cù, khéo léo cộng với nền tảng vững chắc là những nguồn hàng nguyên liệu dồi dào, giá rẻ mà nghề mới ở Phú Túc đã có được sức cạnh tranh, phát triển.

Làng da giày Phú Yên Làng nghề đóng giày Phú Yên thuộc huyện Phú Xuyên. Làng nghề Phú Yên đã nổi tiếng từ hơn 100 năm nay, do 2 cụ Nguyễn Lương Nghè và Nguyễn Lương Mạc sau khi học được nghề đã về quê truyền lại cho các thế hệ dân trong làng, xã. Sau giải phóng 1954 làng nghề Phú Yên chủ yếu làm hàng xuất khẩu sang Đông Âu, nhưng sau những biến động tại Đông Âu vào đầu những năm 1990, Làng nghề Phú Yên đã kịp thời chuyển hướng và tiếp tục phát triển. Ra đời sau Làng nghề Hoàng Diệu, nhưng Làng nghề Phú Yên lại phát triển mạnh hơn, tập trung tại hai thôn Giẽ Hạ và Giẽ Thượng với khoảng 200 hộ sản xuất quy mô lớn, sử dụng khoảng 1.500 lao động tại địa phương và các xã lân cận. Các cơ sở sản xuất tại Làng nghề Phú Yên làm tất cả các khâu, từ cắt may da, thiết kế, tạo khuôn, gò giày...theo đơn hàng gia công, phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Toàn xã có trên 60% số hộ có người tham gia sản xuất, kinh doanh, mỗi năm làm ra từ 6 đến 7 triệu đôi giày (tương đương sản lượng của một nhà máy), doanh thu hàng năm đạt 50 – 60 tỷ đồng, chiếm 70% tổng thu nhập toàn xã. Làng nghề da giày Phú Yên được công nhận làng nghề truyền thống và điểm du lịch của Hà Nội, nhiều nghệ nhân giỏi đạt danh hiệu nghệ nhân bàn tay vàng. Ngày 24/10 hàng năm, Làng nghề Phú Yên tổ chức Lễ hội làng nghề để tôn vinh những người có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế của địa phương và quảng bá, giới thiệu sản phẩm giày da thủ công tới du khách gần xa.

Xã Tân Dân có nghề sản xuất chế biến gỗ từ lâu đời. Sản phẩm đồ mộc của làng có uy tín và chất lượng trong vùng được xuất đi khắp các tỉnh trong cả nước và một số nước trên thế giới. Chẳng ai nhớ nổi nghề mộc nơi đây có từ bao giờ, chỉ biết từ xưa sản phẩm đồ gỗ đã có mặt ở khắp nơi, vào cả cung vua, phủ chúa. Thôn

Đại Nghiệp xã Tân Dân xưa có tên là làng Tre. Đây là một trong những làng nghề phát triển nhất Phú Xuyên hiện nay. Đại Nghiệp có trên 550 hộ thì có đến 90% số hộ làm nghề, 10% còn lại mở dịch vụ xung quanh nghề, thu hút hơn 1.000 lao động trực tiếp và nhiều hộ gia đình sản xuất vệ tinh quanh vùng, ở Đại Nghiệp, người trong độ tuổi lao động không thiếu việc.

Sản phẩm mộc Đại Nghiệp xã Tân Dân được xuất đi khắp các tỉnh trong nước và ra nước ngoài đắt hàng bởi những người thợ nơi đây luôn cải tiến mẫu mã, phù hợp với thị hiếu, có sức cạnh tranh đáng kể. Sản phẩm nổi bật ở Đại Nghiệp như sập gụ, tủ chè, khay, hộp, bàn, ghế... với những hoa văn gắn với các tích truyện dân gian. Nhiều gia đình ở đây nhờ nghề mà giàu có. Trung bình thợ thôn được từ 130-150 nghìn đồng/công, một tháng cũng có 3 - 4.5 triệu đồng. Đây là công thợ, còn các nghệ nhân, người thiết kế mẫu mã nhận nhiều hơn.

Tuy nhiên, hiện làng nghề vẫn phát triển theo hướng tự phát, chưa xây dựng được thương hiệu và hình thành mạng lưới buôn bán chuyên nghiệp. Hầu hết mẫu mã đều được người thợ Đại Nghiệp nghĩ ra, sản xuất theo tính cảm tính chứ chưa dựa trên sự phân tích thị trường. Hiện Câu lạc bộ làng nghề đang xúc tiến xây dựng thương hiệu, tham gia khóa đào tạo của Cục Sở hữu trí tuệ để nắm vững vấn đề bản quyền và thương hiệu. Làm được điều ấy, Đại Nghiệp sẽ có tiền đề quan trọng để giải bài toán thu nhập, góp phần tích cực phát triển làng nghề truyền thống của địa phương.

Bên cạnh những làng nghề trên ở Phú Xuyên còn có nhiều làng nghề truyền thống có thương hiệu đã từ lâu đời như làng nghề tò he Xuân La có trên 300 năm tuổi, được cả nước biết đến. Người làng Xuân La đem tò he đi khắp nơi mang lại thu nhập cho gia đình; làng nghề may Vân Từ chuyên may comple hơn 100 năm hay làng nghề khảm chai Chuyên Mỹ có từ cách đây 1000 năm, người làng sinh ra là đã biết tới tiếng đục, tiếng đẽo cũng như chuyên tâm với nghề.

Những năm gần đây huyện Phú Xuyên đã có nhiều chủ trương, biện pháp để phát triển các làng nghề truyền thống, tuyên truyền vận động nhân dân gìn giữ và bảo tồn làng nghề. Từ thực tế cho thấy, hiệu quả kinh tế từ phát triển làng nghề sản xuất cao hơn gấp 2 đến 5 lần so với cấy lúa. Quy mô làng nghề phát triển mạnh mẽ

ở các xã trong toàn huyện. Để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh, bền vững, Phú Xuyên triển khai chương trình xây dựng và phát triển làng nghề truyền thống huyện giai đoạn 2011 - 2015. Với mục tiêu phấn đấu đến năm 2015 có 100% làng có nghề, đến nay Phú Xuyên có 40 làng nghề truyền thống đã được thành phố công nhận. Huyện đang tiếp tục cụ thể hoá nghị quyết Đảng bộ huyện khoá XXIII, tập trung quy hoạch xây dựng các khu, cụm điểm công nghiệp làng nghề, xây dựng nông thôn mới theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.

2.2.2 Số lượng và cơ cấu làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Phú Xuyên

2.2.2.1 Số lượng và cơ cấu làng nghề

Huyện Phú Xuyên có 36 làng nghề truyền thống năm 2006, năm 2010 là 38 đến năm 2011 là 39 làng nghề, năm 2015 là 40 làng nghề và được giữ nguyên cho tới nay theo nguồn kê của huyện. Theo bảng 2.2 chúng ta thấy ngành nghề mây tre đan chiếm cơ cấu lớn nhất 28,21%, tiếp đó là nghề khảm trai có tới 8 làng nghề truyền thống chiếm 20,51% trong tổng số làng nghề của huyện. Một số làng nghề khác như giày da, dệt may cũng khá phát triển chiếm từ 7% đến 10%.

Bảng 2.2 Số lượng và cơ cấu làng nghề truyền thống huyện Phú Xuyên

Diễn giải	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	<i>Số lượng</i>	<i>Cơ cấu (%)</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Cơ cấu (%)</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Cơ cấu (%)</i>
- Sơn mài khảm trai	8	20,51	9	21,05	8	20,51
- Mây tre đan	11	28,21	10	26,32	11	28,21
- Thêu ren	1	2,56	1	2,63	1	2,56
- Dệt may	4	10,26	4	10,53	4	10,26
- Da giày	3	7,69	3	7,89	3	7,69
- Cơ kim khí	1	2,56	1	2,63	1	2,56
- Đan tơ lưới	4	10,26	4	10,53	4	10,26
- Chế biến NSTP	2	5,13	2	5,26	2	5,13
- Chế biến lâm sản	3	7,69	3	7,89	3	7,69
- Nghề khác	2	5,13	2	5,13	3	5,13
Tổng	39	100	39	100	40	100

Nguồn: Phòng Kinh tế huyện Phú Xuyên

Có thể nói Phú Xuyên là huyện có nhiều nghề và làng nghề truyền thống với những nhóm nghề như sơn mài, thêu ren, mây giang đan, đồ gỗ, da giày... Nhiều sản phẩm của các làng nghề đã và đang xuất khẩu sang châu Âu, Mỹ, Nhật Bản... Giá trị làng nghề cũng tăng qua từng năm và đóng góp giá trị lớn vào cơ cấu kinh tế chung của huyện. Thống kê từ năm 2005 đến nay, sản xuất tiểu thủ công nghiệp và làng nghề tăng bình quân 18,2%/năm. Năm 2015, giá trị sản xuất đạt gần 2850,02 tỷ đồng, cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch tiến bộ theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, TTCN, dịch vụ. Khu vực làng nghề đã giải quyết việc làm cho 70% lực lượng lao động nông thôn. Đơn cử như khảm trai Chuyên Mỹ thu hút 95% lao động nông thôn; làng nghề xã Phú Túc thu hút 65% lao động; làng nghề da giày xã Phú Yên thu hút trên 60% lao động.

Qua tìm hiểu chúng tôi được biết một số nhóm làng nghề phát triển có khả năng lan tỏa sang các khu vực lân cận như: cỏ tế, mây giang đan (Phú Thượng, Phú Túc), khảm trai (Chuyên Mỹ), Giày da (Phú Yên), mộc Đại nghiệp Tân Dân... Nhóm làng nghề cần được khôi phục bảo tồn là những làng nghề có từ lâu đời, có nguy cơ mai một, thất truyền như: tò he (Xuân La – Phượng Dực), thêu ren (Đại Đồng – thị trấn Phú Xuyên)... Còn lại các nhóm làng nghề phát triển không ổn định là những làng nghề sản xuất ra những sản phẩm tiêu dùng như: bún (Hòa Khê Thượng - Bạch Hạ), bánh kẹo (Cổ Hoàng – Phú Túc), nón lá (Tri Trung).

2.2.2.2 Các hình thức tổ chức làng nghề truyền thống huyện Phú Xuyên

Các làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện có nhiều hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh gồm hộ gia đình, doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, hợp tác xã và các tổ hợp tác. Trong đó số hộ gia đình chiếm tỷ lệ lớn nhất, toàn huyện có 12.831 hộ tham gia sản xuất trong các làng nghề tốc độ tăng bình quân 8,38%/năm. Đây là mô hình sản xuất tồn tại từ lâu đời, mọi lao động già trẻ trong các làng nghề đều có thể được huy động vào các công việc thích hợp. Chủ gia đình hoặc các lao động chính trong gia đình thường là nghệ nhân, thợ giỏi hoặc là người có tay nghề khá đảm nhận việc chỉ đạo các công đoạn sản xuất, thực hiện các khâu công việc đòi hỏi kỹ thuật cao, khó,

phức tạp, tính thẩm mỹ cao và nghiệm thu đánh giá chất lượng sản phẩm. Sản xuất trong quy mô hộ gia đình ở các làng nghề.

Các thành viên trong gia đình làm toàn bộ các công đoạn từ mua nguyên, vật liệu đến pha chế, tạo mẫu và hoàn thiện sản phẩm. Trong sản xuất hộ gia đình chủ động bỏ vốn, thực hiện và hạch toán. Những hộ gia đình theo hình thức này thường là những hộ làm nghề từ khá lâu, trong gia đình có nghề nhân và thợ giỏi, tay nghề cao. Các thành viên trong gia đình làm hàng gia công tạo sản phẩm trung gian hay sản phẩm hoàn thiện cho một chủ đầu tư (là các công ty TNHH, doanh nghiệp tư nhân, các hợp tác xã trên địa bàn xã hoặc một chủ tư nhân khác ở ngoài địa phương). Đây là hình thức chủ yếu trong sản xuất sản phẩm các hộ gia đình ở các làng nghề.

Ngoài ra, có một số ít hộ gia đình có điều kiện phát triển mở rộng quy mô sản xuất, thuê mượn thêm lao động hoặc cho các gia đình khác làm gia công, sau đó giao sản phẩm cho doanh nghiệp xuất khẩu, cũng có thể gửi đi xuất khẩu trực tiếp từng công-te-nơ theo hợp đồng riêng. Về lâu dài đa phần các gia đình này sẽ xin phép chuyển qua thành lập công ty TNHH.

Bảng 2.3 Lao động và các hình thức tổ chức làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Phú Xuyên

Diễn giải	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tốc độ tăng BQ (%/năm)
1. Hình thức tổ chức					
- Số hộ có nghề TT	Hộ	12.831	13.124	14.025	8,38
- DN tư nhân	DN	67	70	76	18,15
- Công ty TNHH	Công ty	26	28	35	53,74
- Hợp tác xã	HTX	67	67	67	18,15
- Tổ sản xuất	Tổ	18	18	19	34,16
2. Lao động nghề TT	LĐ	38.718	29.617	36.698	14.34

Nguồn: Phòng Kinh tế huyện Phú Xuyên

Những năm gần đây, một số người ở các làng nghề có khả năng về vốn, kỹ thuật và tay nghề cao đã thành lập các doanh nghiệp tư nhân, các hợp tác xã, tổ hợp sản xuất, dịch vụ cho đa số các hộ ở địa phương. Bên cạnh sự phát triển của hình thức sản xuất hộ gia đình ở các làng nghề đã có các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh khác như: doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, hợp tác xã,.. ở các làng nghề những năm gần đây cũng vận động theo chiều hướng tăng lên. Nếu như năm 2013 trên địa bàn huyện mới chỉ có 178 doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, hợp tác xã, tổ hợp tác thì đến năm 2015 con số này đã tăng lên đến 197 cơ sở.

Vậy qua đây chúng ta thấy, các làng nghề truyền thống trên địa bàn đang trên đường tiếp tục phát triển, nhiều hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh được thành lập, số lao động cũng nhý các hộ trong làng cũng tăng lên từng năm. Điều này thể hiện sự phát triển một cách khá bền vững của các làng nghề truyền thống.

2.2.3 Kết quả hoạt động của làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Phú Xuyên trong 5 năm qua

Phú Xuyên có nhiều làng nghề được hình thành từ rất lâu đời và cách đây hàng vài trăm năm như: làng nghề khảm trai Chuyên Mỹ có từ thế kỷ XI; nặn Tò he ở Xuân La xã Phượng Dực có cách đây 300 năm là làng nghề duy nhất có ở Việt Nam; nghề đan cỏ tẻ ở xã Phú Túc; ngoài ra còn có các làng nghề tiêu biểu khác như may comple ở Vân Từ, đóng giấy da ở Phú Yên, đồ gỗ cao cấp ở Tân Dân, Văn Nhân, cơ kim khí ở Đại Thắng, dệt lưới ở xã Quang Trung.

Các làng nghề tạo ra nhiều sản phẩm, mẫu mã đa dạng, mang đậm nét văn hóa riêng có của mỗi làng nghề và đã tạo dựng được thị trường rộng lớn ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng và hầu hết các tỉnh, thành trong nước. Một số sản phẩm mây giang đan được xuất khẩu sang các nước Mỹ, Nga, Ba Lan, Nhật Bản, Trung Quốc..., sản phẩm sơn mài, khảm trai được xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Nga, Ba Lan..., dệt lưới chã xuất khẩu sang thị trường Campuchia. Kinh tế làng nghề đã giải quyết việc làm cho nhiều lao động trong huyện, đời sống của đại bộ phận nhân dân trong các làng nghề được cải

thiện, số hộ khá và giàu tăng nhanh, số hộ nghèo giảm, bộ mặt nông thôn đổi mới, nhiều công trình đường xá, nhà ở và các công trình phúc lợi được xây dựng. Sự phát triển của làng nghề gắn liền với tổ chức tế, lễ, giỗ tổ nghề, các lễ hội dân gian được tổ chức hàng năm cùng với việc giữ gìn các làn điệu dân ca như: hát chèo, múa bài bông, châu văn, ca trù... tạo nên văn hoá truyền thống phi vật thể làng nghề.

Phát huy thế mạnh là huyện có nhiều làng nghề và để quảng bá giới thiệu được sản phẩm, mang lại hiệu quả kinh tế xã hội, phát triển bền vững, ngày 21/11/2011 Huyện ủy đã ban hành Chương trình số 09 - CTTr/HU về xây dựng và phát triển làng nghề truyền thống huyện giai đoạn 2011-2015; Từ năm 2011, UBND huyện chọn ngày 26/10 hàng năm là ngày vinh danh làng nghề truyền thống huyện; lễ hội vinh danh làng nghề đến nay đã được tổ chức qua 5 năm (2 năm quy mô cấp huyện, 3 năm quy mô cấp xã).

Huyện ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện phát triển tiểu thủ công nghiệp làng nghề và đạt được nhiều kết quả quan trọng; quảng bá được hình ảnh làng nghề của huyện; giá trị của các sản phẩm hàng hóa gia tăng; giải quyết nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động; thúc đẩy quá trình chuyển dịch kinh tế theo hướng CNH – HĐH nông thôn.

Bảng 2.4: kết quả sản xuất tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện

Nội dung	2010	2015
Giá trị sản xuất TTCN	2.203 (tỷ đồng)	2.850 (tỷ đồng)
Tỷ trọng giá trị sản xuất TTCN	64.3%	66.1%
Thu nhập bình quân của lao động làm nghề	17.6 (tr đồng)	27.6 (tr đồng)

Nguồn: UBND huyện

Số hộ sản xuất TTCN có 22.547 hộ, chiếm 38 %. Số lao động sản xuất TTCN có 39.439 lao động, chiếm 36,3%. Giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp làng nghề năm 2010 đạt 2.203 tỷ đồng đến năm 2015 đạt 2.850 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân là 5,3%/năm; tỷ trọng giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp làng nghề năm 2010

chiếm 64,3% đến năm 2015 chiếm 66,1% tổng giá trị sản xuất toàn huyện. Thu nhập bình quân của lao động làm nghề năm 2010 là 17,6 triệu đồng/người/năm đến năm 2015 là 27,6 triệu đồng/năm. Có 355 công ty, doanh nghiệp; 06 HTX công nghiệp; 08 tổ chức, quỹ tín dụng; 03 hiệp hội, hội sản xuất, kinh doanh liên quan về sản xuất TTCN, làng nghề.

Hệ thống lưới điện hạ áp phục vụ các xã nghề được chú trọng đầu tư nâng cấp, cải tạo; đã hoàn thành dự án nâng cấp lưới điện 10KV đường 971 lên 22 KV đối với các xã Phượng Dực, Văn Hoàng, Đại Thắng, Tân Dân với tổng giá trị 19 tỷ đồng; cải tạo nâng cấp lưới điện nông thôn giai đoạn I gồm 10 máy biến áp và 155 km đường dây, kinh phí 70 tỷ đồng tại 13 xã: Tri Thủy, Đại Thắng, Quang Trung, Văn Hoàng, Phúc Tiến, Bạch Hạ, Phú Yên, Hồng Minh, Hồng Thái, Văn Nhân, Nam Triều, Sơn Hà, Nam Phong. Năm 2015 ngành điện đầu tư nâng cấp cải tạo 72 km đường dây trên tuyến đường dây 371, 372 và một số tuyến đường dây trên địa bàn các xã, thị trấn; nâng cấp công suất, lắp đặt 37 trạm biến áp; di chuyển, sửa chữa, thay thế các cột điện không đảm bảo an toàn với tổng kinh phí 110 tỷ đồng.

Đầu tư phát triển giao thông tiếp tục được quan tâm, nâng cấp, cải tạo các tuyến trục đường huyện vào các xã nghề. Năm 2015 huyện đã đầu tư nâng cấp, xây dựng được 42 km, kinh phí 44,125 tỷ đồng.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp, các hộ, các làng nghề ngày càng phát triển đã giải quyết việc làm cho nhiều lao động trong huyện, đời sống của đa số nhân dân trong các làng nghề được cải thiện, số hộ khá và giàu tăng nhanh, số hộ nghèo giảm, nhiều công trình phúc lợi được xây dựng, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội của huyện.

Trong thời gian qua, du lịch làng nghề của huyện có nhiều khởi sắc, ngoài vị trí có hệ thống đường giao thông thuận lợi, là cửa ngõ phía Nam của Thủ đô, trên địa bàn huyện có 112 di tích lịch sử được xếp hạng (35 di tích cấp Quốc gia, 77 di tích cấp Thành phố) và một số danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, đình, đền, chùa như: Bảo tàng chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù đầy xã Nam Triều, Chùa Giáng xã

Quang Lãng, cây lộc vừng cứu quốc xã Chuyên Mỹ, cây đa Giời ơi - cây di sản Việt Nam xã Phúc Tiến; Đình Kim Quy xã Minh Tân, đình làng Đa Chát xã Đại Xuyên - ngôi đình cổ hơn 500 năm tuổi, đền thờ Công chúa Á Lanh và Đại tướng Văn Bông tại thị trấn Phú Xuyên,... một số lễ hội như: chạy lợn tại đình làng Duyên Yết xã Hồng Thái (vào ngày mùng 6 và mùng 7 tháng giêng), lễ hội rước nước xã Thụy Phú (vào ngày mùng 6, mùng 7, mùng 8 tháng tư âm lịch) ... cùng với nhiều làng nghề, sự phát triển của làng nghề gắn liền với tổ chức tế, lễ, giỗ tổ nghề, các lễ hội dân gian được tổ chức hằng năm cùng với việc giữ gìn các làn điệu dân ca như: hát chèo, múa bài bông, châu văn, ca trù.... tạo nên văn hoá truyền thống phi vật thể bước đầu đã thu hút và hình thành một số loại hình du lịch sinh thái, tâm linh, du lịch tìm về cội nguồn...

Một số làng nghề như: khảm trai, sơn mài xã Chuyên Mỹ; tò he Xuân La; giấy da Phú Yên; đồ gỗ Văn Nhân; túi da xã Sơn Hà ... đã thu hút được một lượng du khách ghé vào thăm quan, mua sắm trong quá trình đến thăm quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, đền, chùa trên địa bàn huyện bước đầu đã hình thành được một số điểm du lịch làng nghề.

2.3 Kết quả nghiên cứu thực trạng quản lý nhà nước đối với phát triển làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Phú Xuyên

2.3.1 Thực trạng xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật trong hoạt động phát triển làng nghề truyền thống.

Nhà nước đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật nhằm tạo điều kiện thúc đẩy phát triển làng nghề truyền thống như:

- Quyết định số 9849/QĐ-UBND ngày 31/12/2004 của UBND Thành phố Hà Nội Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nghề và làng nghề trên địa bàn đến năm 2015.

- Chương trình 05-CTr/TU ngày 10/5/2006 của Thành Ủy Hà Nội về phát triển kinh tế ngoại thành và lộ trình thực hiện để phát triển kinh tế ngoại thành.

- Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/07/2006 của Chính phủ Về phát triển ngành nghề nông thôn tập trung vào một số nội dung cụ thể như bảo tồn và phát triển làng nghề, tạo mặt bằng sản xuất, ưu đãi về đầu tư tín dụng, xúc tiến thương mại, hỗ trợ về khoa học công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực.

- Nghị quyết số 26 NQ/TU ngày 29/6/2007 của Tỉnh ủy Hà Tây về phát triển kinh tế làng nghề đến năm 2015 và những năm tiếp theo.

- Quyết định số 22/2008/QĐ-UBND ngày 02/5/2008 của UBND thành phố Hà Nội Ban hành “Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nghề và làng nghề Hà Nội”.

- Quyết định số 85/2009/QĐ-UBND ngày 02/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về ban hành quy chế xét công nhận danh hiệu “làng nghề truyền thống Hà Nội”.

- Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 04/7/2011 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thực hiện triển khai “Đề án bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề Hà Nội giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020” giai đoạn 2011-2015.

- Chương trình số 09-CTr/HU ngày 21/11/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Phú Xuyên về “Xây dựng và phát triển làng nghề truyền thống huyện Phú Xuyên giai đoạn 2011-2015”.

- Nghị định 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về Khuyến Công.

- Quyết định số 14/QĐ – UBND ngày 02/01/2013 của UBND thành phố Hà Nội Ban hành về việc phê duyệt quy hoạch phát triển làng nghề thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Nghị quyết số 25/2013/NQ-HĐND ngày 4/12/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về chính sách khuyến khích vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2020; chính sách khuyến khích phát triển làng nghề truyền thống Hà Nội; Chính sách hỗ trợ đầu tư công trình nước sạch nông thôn thành phố Hà Nội.

- Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công thương về Hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương.

- Quyết định 5517/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Phú Xuyên đến năm 2020, định hướng năm 2030 và các quy hoạch có liên quan.

- Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 15/4/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về triển khai “hỗ trợ xây dựng thương hiệu làng nghề Hà Nội” năm 2016.

- Nghị quyết kỳ họp thứ 3 HĐND huyện khóa XVIII về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện Phú Xuyên giai đoạn 2011-2015.

2.3.2 Thực trạng xây dựng và thực hiện kế hoạch, chính sách phát triển làng nghề truyền thống tại địa phương.

Huyện Phú Xuyên có lợi thế về vị trí địa lý, đầu mối giao thông kết nối với trung tâm Thủ đô và các tỉnh lân cận, là huyện có nhiều làng nghề truyền thống tiêu biểu, thuận lợi cho việc phát triển du lịch làng nghề và phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Sau hợp nhất với Thủ đô, hạ tầng giao thông chiếu sáng đô thị, nông thôn được quan tâm đầu tư, nâng cấp tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới.

5 năm qua, bên cạnh những thuận lợi là cơ bản; song huyện cũng gặp nhiều khó khăn thách thức: Là huyện ngoại thành, điểm xuất phát thấp, hạ tầng còn nhiều khó khăn, nhất là hệ thống đường giao thông liên thôn, liên xã, giao thông nội đồng chưa đồng bộ; triển khai thu hút đầu tư và phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch còn chậm. Tình hình kinh tế trong nước và thế giới còn gặp nhiều khó khăn, sản xuất kinh doanh suy giảm; thị trường bất động sản trầm lắng; thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp; giá cả hàng hóa không ổn định. Sản xuất nông nghiệp quy mô còn nhỏ, đời sống của một bộ phận nhân dân còn thấp, việc huy động nguồn lực từ người dân đóng góp vào chương trình xây dựng nông thôn mới còn gặp nhiều khó khăn. Cán bộ lãnh đạo chủ chốt huyện có nhiều biến động. Trong bối cảnh đó, Đảng bộ chính quyền và nhân dân huyện Phú Xuyên đã chủ động khắc phục khó khăn, thách thức, đạt được những kết quả quan trọng toàn diện trên các lĩnh vực, trong đó chú trọng đến phát triển làng nghề truyền thống tăng cường quản lý nhà nước để thúc đẩy phát triển kinh tế làng nghề truyền thống đi theo đúng định hướng để phát triển bền vững. Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Phú Xuyên chỉ đạo ban hành các văn bản về quản lý phát triển làng nghề truyền thống như:

2.3.2.1 Chương trình 09-CTr/HU ngày 21/11/2011 của Huyện ủy Phú Xuyên về xây dựng và phát triển làng nghề truyền thống huyện Phú Xuyên giai đoạn 2011-2015

Mục tiêu của Chương trình là phát huy nghề, làng nghề bảo đảm phát triển một cách bền vững không gây ảnh hưởng đến môi trường, quá trình phát triển làng nghề gắn liền với xây dựng nông thôn mới; chú trọng phát triển các sản phẩm thủ công thế mạnh của huyện như: sơn mài khảm trai, cỏ tế, da giày ... gắn sản xuất làng nghề với các hoạt động du lịch văn hóa, lễ hội truyền thống; khôi phục, xây dựng và phát triển các làng nghề, ngành nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống; chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động tại các làng nghề, tăng tỷ lệ làng có nghề, làng nghề được công nhận theo tiêu chí của Thành phố, xóa làng thuần nông trên địa bàn. Một số mục tiêu cụ thể: Giá trị sản xuất CN – TTCN 1.712,2 tỷ đồng tăng 15% năm; Giá trị gia tăng CN – TT CN 1.268,2 tỷ đồng tăng 13% năm; thu nhập bình quân đầu người từ sản xuất TTCN từ 25 tr đồng/người/năm trở lên; 100% làng có nghề, trên 50 làng nghề đạt 2 tiêu chí: (trên 30% số lao động tham gia sản xuất TTCN, trên 50% thu nhập từ sản xuất TTCN); giải quyết cơ bản ô nhiễm môi trường làng nghề.

Huyện ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện phát triển tiểu thủ công nghiệp làng nghề và đạt được nhiều kết quả quan trọng; quảng bá được hình ảnh làng nghề của huyện; giá trị của các sản phẩm hàng hóa gia tăng; giải quyết nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động; thúc đẩy quá trình chuyển dịch kinh tế theo hướng CNH – HĐH nông thôn.

Kết quả thực hiện chương trình 09 đã góp phần giải quyết việc làm tại chỗ, tăng thu nhập cho người nông dân, nhiều làng nghề của huyện Phú Xuyên đã và đang tiếp tục có những bước phát triển bền chắc, một số doanh nghiệp làng nghề đã được hình thành và phát triển. Theo số liệu khảo sát thực trạng phát triển làng nghề truyền thống huyện Phú Xuyên, đầu tháng 12/2015, cho thấy toàn huyện có 100% số làng, điểm dân cư đều có ngành nghề phát triển. Trong năm 2015, mặc dù nền kinh tế gặp nhiều khó khăn nhưng ngành nghề ở Phú Xuyên vẫn trụ vững và có bước phát triển. Tính đến thời điểm 12/2015 tổng giá trị sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp ước thực hiện trên 2850,2 tỷ đồng, tăng 5.3% so với năm 2014; tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ 9 tháng đầu năm ước đạt 1.395 tỷ đồng đạt 73% kế hoạch năm.

2.3.2.2 Chương trình 05 của Huyện ủy Phú Xuyên về phát triển làng nghề truyền thống gắn với du lịch làng nghề huyện Phú Xuyên năm 2015-2020.

Trong những năm qua, Huyện ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện phát triển tiêu thủ công nghiệp làng nghề đạt được nhiều kết quả quan trọng, làng nghề của huyện đã có sự chuyển biến tích cực, đời sống của người lao động từng bước được cải thiện, nhu cầu du lịch tham quan các làng nghề ngày càng tăng, đã đóng góp vào phát triển kinh tế làng nghề, quảng bá hình ảnh con người, nét văn hóa truyền thống, sản phẩm làng nghề của địa phương. Tuy nhiên, làng nghề hiện nay vẫn còn nhiều thách thức về thị trường tiêu thụ sản phẩm, ô nhiễm môi trường. Để làng nghề tiếp tục phát huy thế mạnh và gắn với hoạt động du lịch làng nghề ở Phú Xuyên là cần thiết; phát triển du lịch làng nghề sẽ góp phần tiêu thụ nông sản và sản phẩm làng nghề; tạo sự lan tỏa và mở rộng thị trường giải quyết nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người dân, Huyện ủy Phú Xuyên xây dựng Chương trình “*Phát triển làng nghề truyền thống gắn với du lịch làng nghề truyền thống huyện Phú Xuyên giai đoạn 2015-2020*”.

Chương trình này đã được phổ biến đến toàn cán bộ, đảng viên và nhân dân đang thực hiện được gần 2 năm so với chương trình đề ra.

2.3.2.3 Việc công nhận làng nghề truyền thống theo tiêu chuẩn của Thành phố Hà Nội

Ngày 02/7/2019 Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 85/2009/QĐ-UBND về ban hành Quy chế xét công nhận danh hiệu “làng nghề truyền thống Hà Nội”.

Những tiêu chuẩn xét công nhận danh hiệu “Làng nghề truyền thống Hà Nội”:

+ Về thời gian: Là làng có nghề đã được hình thành trên 50 năm tính đến ngày làng được đề nghị xét danh hiệu làng nghề truyền thống.

+ Về kinh tế: có giá trị sản xuất từ ngành nghề nông thôn của làng chiếm tỷ trọng từ 50% trở lên so với tổng giá trị sản xuất của làng.

+ Về sử dụng lao động: Có tối thiểu 30% số hộ trên địa bàn tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn.

+ Đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn lao động theo các quy định hiện hành.

+ Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, các quy định của thành phố và địa phương.

+ Sản phẩm làm ra mang bản sắc văn hoá dân tộc, gắn với tên tuổi của làng.

Đối chiếu những tiêu chuẩn quy định trong Quy chế, đến nay toàn huyện có 156/156 làng, cụm dân cư có nghề chiếm 100%, có 78 làng nghề được duy trì và phát triển (năm 2014 có 72 làng): 09 làng khảm trai, 10 làng đan cỏ tế, 10 làng sản xuất đồ mộc, 06 làng may mặc, 06 làng giầy da, 06 làng thủ công mỹ nghệ, dệt tơ lụa, 05 làng chế biến lương thực thực phẩm...) trong đó 40 làng nghề được Thành phố công nhận.

Bảng 2.5: Danh sách 40 làng nghề huyện Phú Xuyên

STT	Tên làng	Xã, thị trấn
1	Làng nghề sơn khảm thôn Đồng Vinh	Chuyên Mỹ
2	Làng nghề sơn khảm thôn Bồi Khê	Chuyên Mỹ
3	Làng nghề sơn khảm thôn Trung	Chuyên Mỹ
4	Làng nghề sơn khảm thôn Thượng	Chuyên Mỹ
5	Làng nghề sơn khảm thôn Ngọ	Chuyên Mỹ
6	Làng nghề khảm trai làng Hạ	Chuyên Mỹ
7	Làng nghề sơn khảm Mỹ Văn	Chuyên Mỹ
8	Làng nghề dệt lụa chũm thôn An Mỹ	Đại Thắng
9	Làng nghề cào bông thôn Văn Hội	Đại Thắng
10	Làng nghề chế biến LTTP thôn Tân Độ	Hồng Minh
11	Làng nghề cỏ tế thôn Lưu Đông	Phú Túc
12	Làng nghề cỏ tế thôn Tư Sản	Phú Túc
13	Làng nghề cỏ tế thôn Trình Viên	Phú Túc
14	Làng nghề cỏ tế thôn Đường La	Phú Túc
15	Làng nghề cỏ tế thôn Phú Túc	Phú Túc
16	Làng nghề cỏ tế thôn Hoàng Xá	Phú Túc
17	Làng nghề cỏ tế thôn Lưu Xá	Phú Túc

18	Làng nghề cỏ tế thôn Lưu Thượng	Phú Túc
19	Làng nghề bún bánh Hòa Khê Hạ	Bạch Hạ
20	Làng nghề đồ mộc dân dụng thôn Đại Nghiệp	Tân Dân
21	Làng nghề dây gia thôn Giẽ Hạ	Phú Yên
22	Làng nghề dây gia thôn Giẽ Thượng	Phú Yên
23	Làng nghề dây gia thôn Thượng Yên	Phú Yên
24	Làng nghề đan võng thôn Thao Nội	Sơn Hà
25	Làng nghề tơ lưới thôn Thao Ngoại	Sơn Hà
26	Làng nghề cào bông, tò he thôn Xuân La	Phượng Dực
27	Làng nghề may thôn Từ Thuận	Vân Từ
28	Làng nghề khảm trai thôn Ứng Cử	Vân Từ
29	Làng nghề may mặc thôn Trung	Vân Từ
30	Làng nghề dịch vụ công nghiệp Phú Gia	TT. Phú Minh
31	Làng nghề đồ mộc cao cấp Chanh Thôn	Văn Nhân
32	Làng nghề đan guột tế thôn Trung Lập	Tri Trung
33	Làng nghề thêu Đại Đồng	TT. Phú Xuyên
34	Làng nghề mộc dân dụng thôn Đồng Phố	Tân Dân
35	Làng nghề mây tre đan guột tế thôn Nhị Khê	Hoàng Long
36	Làng nghề mây tre đan guột tế thôn Kim Long	Hoàng Long
37	Làng nghề xây dựng thôn Kim Long Thượng	Hoàng Long
38	Làng nghề dệt lưới chã thôn Văn Lãng	Quang Trung
39	Làng nghề sản xuất hương thấp thôn Văn Trai Thượng	Văn Hoàng
40	Làng nghề bánh kẹo truyền thống thôn Cổ Hoàng	Hoàng Long

Nguồn: phòng kinh tế huyện Phú Xuyên

2.3.2.4 Chính sách về phát triển du lịch làng nghề truyền thống và công tác quản bá làng nghề

Nghị quyết 06-NQ/TU, ngày 26/6/2016 của Thành ủy Hà Nội về phát triển du lịch Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo. UBND huyện chú trọng giới thiệu tới du khách trong nước và quốc tế 7 nghề truyền thống gồm: May (Vân Từ); Mộc (Tân Dân); Da giày (Phú Yên); Khảm trai, sơn mài (Chuyên Mỹ); Tò he (Phượng Dực); Mây tre đan (Phú Túc). Qua đó, giới thiệu toàn cảnh bức tranh làng nghề truyền thống huyện Phú Xuyên với những nhóm sản phẩm tiêu biểu, nổi tiếng không chỉ ở trong nước mà còn ở nhiều nước trên thế giới. Các chương trình văn nghệ, trò chơi dân gian trong lễ hội cũng đa dạng và phong phú hơn, sẽ mang đến sức hút mới cho người dân trong huyện cũng như du khách tham quan lễ hội.

Đặc biệt, huyện Phú Xuyên đang dự kiến xây dựng tour du lịch tham quan 7 làng nghề chủ lực của huyện. Những hoạt động sẽ hỗ trợ huyện Phú Xuyên trong việc xây dựng tour du lịch, quảng bá hình ảnh du lịch làng nghề đến với du khách. Không những vậy, Ban tổ chức còn tổ chức hội thảo "Định hướng phát triển và hội nhập làng nghề truyền thống". Điều này sẽ mang lại lợi ích cho làng nghề phát triển kinh doanh sản phẩm làng nghề ngày một tốt hơn...

Để các làng nghề truyền thống trên địa bàn phát triển bền vững, trong thời gian tới, huyện Phú Xuyên sẽ có định hướng đầu tư, hỗ trợ cho làng nghề. Tạo điều kiện cho các làng nghề tham gia hội chợ triển lãm nhằm giới thiệu, quảng bá sản phẩm, hàng hóa của làng nghề ra thị trường. Hỗ trợ vốn cho vay theo cơ chế ưu đãi lãi suất cho hoạt động ngành nghề nông thôn thông qua các tổ chức tín dụng, nhằm đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho các làng nghề phát triển. Hỗ trợ tham quan để các làng nghề học hỏi kinh nghiệm, đào tạo để nâng cao tay nghề cho lao động.

Năm 2015 huyện tiếp tục triển khai “Cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam trên địa bàn huyện. Lắp đặt biển chỉ dẫn cho làng nghề ở xã Chuyên Mỹ; làng nghề kẹo thôn Cổ Hoàng xã Hoàng Long. Giới thiệu 12 doanh nghiệp, hộ kinh doanh tham gia hội chợ, triển lãm. Phối hợp với Sở Công thương

giới thiệu 4 doanh nghiệp, đăng ký 42 sản phẩm tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp Thành phố; xét tặng danh hiệu nghệ nhân, công nhận danh hiệu làng nghề truyền thống Hà Nội.

Chỉ đạo Hội liên hiệp phụ nữ huyện tổ chức trưng bày 34 gian hàng của các làng nghề nhân kỷ niệm ngày phụ nữ Việt Nam 20/10/2015, ngày gia đình Việt Nam tại huyện, cụm Tân Dân, cụm Hồng Minh.

Công tác khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích trong phát triển nghề được quan tâm. Năm 2015, UBND huyện khen thưởng cho 20 tập thể và 24 cá nhân là thợ thủ công, nghệ nhân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh tiêu biểu trên địa bàn huyện; đề nghị thành phố xét công nhận nghệ nhân Hà Nội cho 12 cá nhân: 08 cá nhân về nghề Tô he ở xã Phượng Dực, 01 cá nhân về nghề giấy da ở xã Phú Yên, 03 cá nhân về may mặc ở xã Vân Từ (từ năm 2006 đến năm 2013 huyện có 13 nghệ nhân được thành phố công nhận); tổ chức lễ đón nhận danh hiệu làng nghề bánh kẹo truyền thống thôn Cổ Hoàng xã Hoàng Long.

Triển khai công tác xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu tập thể: năm 2015 huyện phối hợp với sở Khoa học công nghệ, sở Công thương Hà Nội triển khai xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu tập thể giấy da xã Phú Yên (dự kiến đầu năm 2016 hoàn thành), bánh kẹo thôn Cổ Hoàng xã Hoàng Long; tiếp tục đề nghị triển khai xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu tập thể cho làng nghề sản xuất hương thấp ở thôn Thượng xã Văn Hoàng, may mặc xã Vân Từ, đan cỏ tế xã Phú Túc.

Nâng cấp cổng thông tin điện tử làng nghề để quảng bá giới thiệu rộng rãi những hoạt động, sản xuất, kinh doanh, thông tin phát triển làng nghề.

Ủy ban nhân dân huyện Phú Xuyên ban hành quyết định số 3452/QĐ-UBND, ngày 4/8/2011 của UBND huyện về việc chọn ngày 26/10 hàng năm là ngày vinh danh làng nghề truyền thống huyện Phú Xuyên nhằm phát huy vai trò, vị trí và sự đóng góp của làng nghề đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, tri ân các bậc tiền nhân đã có công truyền nghề, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử của làng nghề trên địa bàn huyện Phú Xuyên. Từ năm 2011 UBND huyện đã tổ chức được 2 lễ hội cấp huyện và 3 lễ hội cấp xã.

2.3.2.5 Chính sách quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Phú Xuyên trong đó có quy hoạch về cụm tiểu thủ công nghiệp

Quyết định số 3770/QĐ-UBND, ngày 23/9/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Phú Xuyên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Quy hoạch phát triển kinh tế phát triển tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn gắn với phát triển công nghiệp Hà Nội, thu hút người lao động vào sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp đạt trên 40% tổng số lao động trên địa bàn huyện Phú Xuyên vào năm 2020. Nâng cấp 2 cụm công nghiệp Phú Xuyên và cụm công nghiệp Đại Xuyên thành khu công nghiệp. Tiếp tục thực hiện xây dựng 12 cụm công nghiệp – làng nghề tại các xã: Văn Hoàng, Hoàng Long, Chuyên Mỹ, Phú Túc, Phú Yên, Vân Từ, Hồng Minh, Bạch Hạ, Sơn Hà, Phượng Dực, Đại Thắng, Tri Trung. Về môi trường đối với nước thải từ các làng nghề tùy theo tính chất và mức độ ô nhiễm phải được thu gom và có biện pháp xử lý.

UBND huyện đã tiến hành rà soát, hoàn thiện các nội dung cụ thể của báo cáo tổng hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và đã tổ chức ông bố quyết định quy hoạch rộng rãi đến toàn thể nhân dân. Lập quy hoạch các thị trấn, thị tứ; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Lập các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm gắn với các dự án cụ thể để có kế hoạch bố trí vốn đầu tư phù hợp.

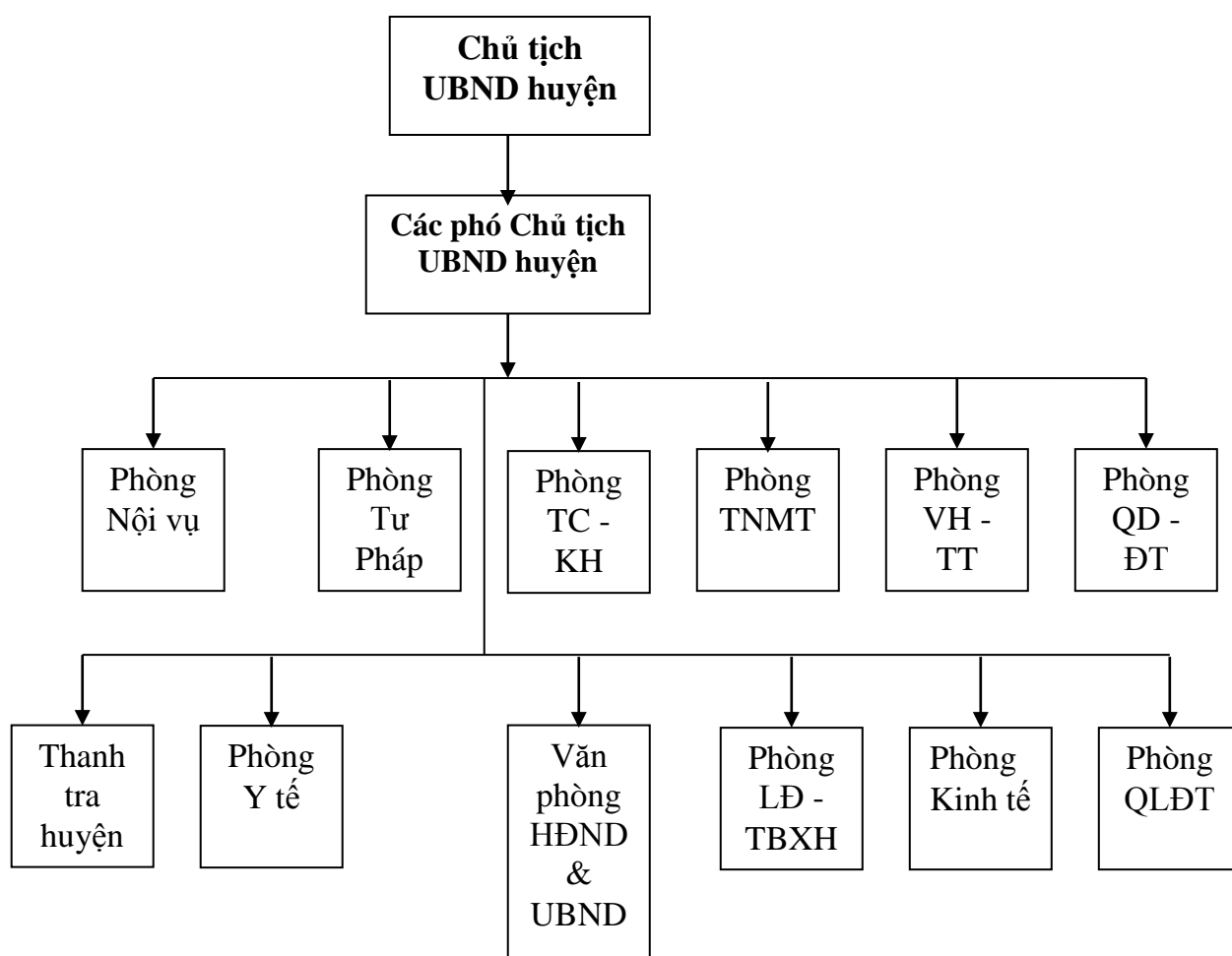
2.3.3 Thực trạng công tác tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước trong việc quản lý Nhà nước về phát triển làng nghề truyền thống.

Hệ thống bộ máy QLNN về kinh tế được thống nhất từ Trung ương đến Huyện, đến xã, thị trấn, dưới sự chỉ đạo thực hiện trực tiếp là UBND huyện thông qua phòng kinh tế huyện, phòng Tài nguyên Môi trường, Phòng Lao động Thương binh và xã hội. Phòng kinh tế có chức năng tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tiểu thủ công nghiệp; khoa học và công nghệ; công nghiệp; thương mại; Trong đó có việc xây dựng các kế hoạch nhằm phát triển làng nghề truyền thống, quản lý hỗ trợ các làng nghề theo quyền hạn của UBND huyện. Phòng Tài Nguyên Môi Trường có chức năng tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Đất đai; tài nguyên

nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường; trong đó có việc quy hoạch đất đai tại các làng nghề, kiểm tra, kiểm soát về vấn đề ô nhiễm môi trường tại các làng nghề để đảm bảo môi trường cho các khu dân cư xung quanh. Phòng Lao động – Thương binh và xã hội Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với các cơ sở bảo trợ xã hội, dạy nghề, giới thiệu việc làm, cơ sở giáo dục lao động xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em trên địa bàn huyện theo phân cấp, ủy quyền.

Theo luật tổ chức chính quyền số 77/2015/QH13, ngày 19/6/2015 quy định huyện Phú Xuyên thuộc huyện loại II có 1 Chủ tịch UBND huyện và không quá 2 Phó Chủ tịch UBND huyện, ủy viên UBND huyện gồm các ủy viên là người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện.

Tổ chức bộ máy chính quyền UBND huyện Phú Xuyên



Nguồn: UBND huyện Phú Xuyên

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy chính quyền UBND huyện Phú Xuyên

Cơ cấu tổ chức của UBND cấp xã, thị trấn thuộc huyện Phú Xuyên: Ủy ban nhân dân xã, thị trấn gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên phụ trách quân sự, Ủy viên phụ trách công an. Ủy ban nhân dân xã loại I có không quá hai Phó Chủ tịch; xã loại II và loại III có một Phó Chủ tịch.

UBND xã, thị trấn có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

- Tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn xã.
- Quyết định những vấn đề của xã trong phạm vi được phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan hành chính nhà nước cấp trên ủy quyền.
- Chịu trách nhiệm trước chính quyền địa phương cấp huyện về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở xã.
- Quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, huy động các nguồn lực xã hội để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn xã.

Ngoài ra, để các khu, cụm công nghiệp làng nghề truyền thống hình thành và hoạt động có hiệu quả, huyện Phú Xuyên đã thành lập trung tâm phát triển cụm công nghiệp vào năm 2014 sau khi thành lập Trung tâm phát triển cụm công nghiệp tiếp nhận tất cả các Cụm công phối hợp với các xã có Cụm công nghiệp tiếp tục thực hiện hoàn thiện Cụm công nghiệp, tiếp nhận và quản lý sau đầu tư, thực hiện việc đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp mới, thực hiện việc giao đất theo đúng quy định của nhà nước, quản lý hoạt động các tổ chức dịch vụ công cộng đảm bảo sự hoạt động bình thường theo đúng pháp luật tại các Cụm công nghiệp. Thông qua việc xây dựng quy hoạch nông thôn mới, có 11 xã bố trí quỹ đất với diện tích 227,78 ha để quy hoạch 19 cụm công nghiệp làng nghề. UBND huyện đề nghị thành phố thành lập 02 cụm công nghiệp xã Phú Túc (diện tích 6,76 ha) và cụm công nghiệp xã Đại Thắng (diện tích 05 ha), đến nay đã được UBND thành phố quyết định thành lập, trong thời gian tới huyện phối hợp với các sở ngành liên quan lựa chọn nhà đầu tư và triển khai các bước tiếp theo.

2.3.4 Thực trạng quản lý đào tạo nguồn lao động phục vụ phát triển làng nghề truyền thống.

Ngày 27/11/2009 Thủ tướng chính phủ ban hành quyết định số 1956/QĐ-TTg về phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; Mục tiêu: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, của các cấp, các ngành và xã hội nhằm nâng cao chất lượng lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Nhà nước tăng cường đầu tư để phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn, có chính sách bảo đảm thực hiện công bằng xã hội về cơ hội học nghề đối với mọi lao động nông thôn, khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để toàn xã tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Chuyển mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ đào tạo theo năng lực có sẵn có của cơ sở đào tạo sang đào tạo theo nhu cầu học nghề của lao động nông thôn và yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng vùng, từng ngành, từng địa phương. Đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi để lao động nông thôn tham gia học nghề của mình.

Sáng ngày 14 tháng 4 năm 2016 Bộ Công thương Việt Nam kết hợp với Sở công thương Hà Nội tổng kết 5 năm (2011-2016) công tác Khuyến Công – phát triển mở mang ngành nghề thủ công, mỹ nghệ. Huyện Phú Xuyên có 2 doanh nhân được Bộ công thương tặng Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác phát triển ngành nghề thủ công, mỹ nghệ, đó là bà Nguyễn Thị Vui – Chủ nhiệm HTX sơn khảm Ngọ Hạ và bà Nguyễn Thị Lương – Giám đốc Công ty TNHH mây tre đan xuất khẩu Hiền Lương.

Trong 5 năm vừa qua, chủ nhiệm HTX sơn khảm Ngọ Hạ Nguyễn Thị Vui đã mở được nhiều lớp dạy nghề cho những trẻ em khuyết tật trong và ngoài huyện Phú Xuyên. Nhiều mảnh đời khiếm khuyết tưởng như suốt đời chỉ là gánh nặng của gia đình đã có việc làm ổn định, vươn lên làm chủ cuộc đời mình, làm giàu chính đáng. Nhiều người đã tìm được hạnh phúc ngay ở HTX. Riêng Giám đốc Nguyễn Thị Lương đã mở được nhiều lớp dạy nghề, tạo công ăn, việc làm ổn định, thường xuyên cho hơn 6000 lao động trong Thành phố và nhiều tỉnh bạn.

Năm 2015 huyện mở được 79 lớp với 2.765 học viên tham gia, tổng kinh phí 5,16 tỷ đồng, tạo việc làm cho lao động nông thôn; tổ chức thành công phiên giao dịch giới thiệu việc làm lần thứ III với 800 người tham gia, kết quả số lao động được các doanh nghiệp tuyển dụng là 118 người.

Có thể nói các làng nghề phát triển đã góp phần giải quyết việc làm và tăng thu nông dân góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, nhưng việc tổ chức lại sản xuất theo quy mô tập trung, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực huyện chưa làm được mà mới chỉ dừng lại ở việc khuyến khích, tạo điều kiện, hỗ trợ ở mức có thể cho các làng nghề. Chính vì vậy, trong thời gian qua, huyện đẩy mạnh tổ chức, quy hoạch lại các làng nghề vào 19 cụm công nghiệp để đảm bảo phát triển theo quy mô, sử dụng trên 20 tỷ ngân sách để đào tạo nghề, hỗ trợ phát triển nghề...

2.3.5 Thực trạng đào tạo nguồn nhân lực trong công tác quản lý nhà nước đối với làng nghề truyền thống

Để phát huy được vai trò quản lý nhà nước trong phát triển làng nghề một trong những nhiệm vụ trọng tâm cần phải xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ, có trách nhiệm trong công việc. Nhận thức được nhiệm vụ quan trọng UBND huyện phối hợp cùng với các phòng ban chuyên môn làm tốt công tác tuyển chọn cán bộ và điều động cán bộ sao cho phát huy được năng lực và trình độ chuyên môn đúng với chuyên ngành được đào tạo. Phòng Kinh tế là cơ quan chuyên môn chính tham mưu giúp UBND huyện về các chính sách và kế hoạch để phát triển làng nghề truyền thống. Phòng Kinh tế sẽ phân công từng cán bộ chuyên môn phụ trách theo từng cụm sản xuất, mỗi cụm sản xuất từ 4 đến 5 xã, thị trấn. Các cán bộ phụ trách thường xuyên nắm tình hình và báo cáo về UBND huyện về tình hình. Tại các xã, thị trấn có một đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách mảng kinh tế và giúp UBND huyện quản lý các hộ sản xuất kinh doanh trong các làng nghề trên địa bàn xã mình. Từng nhiệm kỳ UBND huyện đều xây dựng quy hoạch cán bộ và hàng năm Huyện ủy, UBND huyện cử cán bộ đi học về bồi dưỡng chính trị, để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cán bộ đảng viên. Những cán bộ được đi

học đều là cán bộ nguồn trong quy hoạch. Ngoài ra UBND huyện tổ chức lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ tin học, như trong năm 2015 mở được 2 lớp: 1 lớp cho cán bộ chủ chốt xã, 1 lớp cho cán bộ chuyên môn văn phòng của xã. Thường xuyên tập huấn cho các đơn vị về nghiệp vụ chuyên môn. Tổ chức các chương trình tham quan các mô hình làng nghề để học hỏi kinh nghiệm.

2.3.6 Thực trạng công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các làng nghề truyền thống

Công tác kiểm tra, giám sát được xác định là nhiệm vụ quan trọng. Xác định và lựa chọn các vấn đề nổi cộm để thực hiện các cuộc giám sát sâu để ban hành những chính sách có tính thiết thực nhất, phù hợp nhất đối với các làng nghề.

Các nội dung được lựa chọn để xây dựng kế hoạch và tiến hành giám sát gồm có: Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất cho các làng nghề; công tác nâng cấp cải tạo hệ thống đường làng, ngõ xóm, hệ thống giao thông nông thôn phục vụ phát triển làng nghề; tình hình thực hiện nghị quyết HĐND về bảo vệ và xử lý ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện, tình hình đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển làng nghề truyền thống.

Phòng Tài nguyên – môi trường tham mưu UBND huyện thành lập đoàn kiểm tra liên ngành đối với các làng nghề tại các xã, xử lý các điểm ô nhiễm môi trường và các vi phạm theo quy định của pháp luật. Năm 2015 đã thành lập được 2 đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra đối với 4 xã có làng nghề (xã Hoàng Long, xã Chuyên Mỹ, xã Tri Thủy, Xã Phú Yên) qua kiểm tra đã phát hiện ra 3 cơ sở sản xuất nghề truyền thống gây ô nhiễm môi trường, UBND huyện ra quyết định xử phạt hành chính và yêu cầu các cơ sở khắc phục hậu quả và xây dựng hệ thống xả thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Công an huyện phối với phòng Tài nguyên – môi trường kiểm tra và xử lý các vi phạm trong việc thu gom, vận chuyển, xử lý các chất thải phát sinh trong các làng nghề. Trong năm đến năm 2015, 100% các làng có nghề đều có bãi thu gom tập trung rác thải việc xử lý rác thải theo đúng quy định của thành phố.

UBND huyện giao UBND các xã, thị trấn khảo sát báo cáo đánh giá về hiện trạng môi trường làng nghề để báo cáo UBND huyện xây dựng phương án bảo vệ môi trường làng nghề của địa phương.

Phòng Lao động – TBXH kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với các cơ sở bảo trợ xã hội, dạy nghề, giới thiệu việc làm. Từ năm 2011 đến năm 2015 Phòng Lao động – TBXH đã phối hợp với các cơ sở dạy nghề kiểm tra việc thực hiện đúng các quy định pháp luật đối với 472 lớp đào tạo dạy nghề.

Huyện ủy đã giao UBKT Huyện ủy thành lập 2 tổ kiểm tra liên ngành theo quyết định số 11-QĐ/KT, ngày 29/6/2016 và số 13-QĐ/KT, ngày 25/8/2016 gồm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, phòng Tài nguyên – môi trường, Thanh tra nhà nước, Đội Thanh tra xây dựng huyện, kiểm tra 18 tổ chức cơ sở Đảng về việc thực hiện sau kết luận về xử lý vi phạm đất đai của Huyện ủy, trong đó xử lý vi phạm một số cơ sở làng nghề tự ý di dời nhà xưởng của gia đình mình trên diện tích đất chuyển đổi nông nghiệp.

2.4 Đánh giá chung thực trạng quản lý nhà nước về phát triển làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Phú Xuyên

2.4.1 Thành công

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Phú Xuyên lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2010-2015 là khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế huy động mọi nguồn lực để đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, duy trì tốc độ phát triển kinh tế cao, chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng Công nghiệp - TTCN, xây dựng nông thôn mới đồng bộ với kết cấu kinh tế - xã hội, quan tâm bảo vệ và cải thiện môi trường, phấn đấu đến năm 2020 huyện Phú Xuyên trở thành huyện đô thị vệ tinh. Các làng nghề truyền thống đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng tỷ trọng Công nghiệp - TTCN, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần đáng kể vào chương trình xây dựng nông thôn mới.

Phú Xuyên hiện có 124 làng có nghề trong tổng số 138 làng của toàn huyện (chiếm 89%), đứng thứ ba về số làng có nghề trong số 30 quận, huyện của Hà Nội. Đến nay, Phú Xuyên đã có 40 làng đạt tiêu chuẩn làng nghề truyền thống theo đúng tiêu chí công nhận của thành phố.

Chính sách quản lý, hỗ trợ của nhà nước, địa phương là nhân tố không thể thiếu được để đảm bảo cho sự phát triển làng nghề truyền thống. Những năm qua huyện Phú Xuyên đã có nhiều chính sách, chương trình tác động rất lớn phát triển các làng nghề truyền thống trên địa bàn. Cụ thể huyện đã khuyến khích sự phát triển của các làng nghề thông qua hoạt động vinh danh hàng năm, tạo cơ hội mở rộng quan hệ tiếp thị, quảng bá sản phẩm, thương hiệu sản phẩm trong và ngoài nước. Huyện đã triển khai, thực hiện Chương trình số 09 - CTr/HU ngày 21/11/2011 của Huyện ủy Phú Xuyên về “xây dựng và phát triển làng nghề truyền thống huyện Phú Xuyên” giai đoạn 2011 - 2015”. Huyện cũng đã chú trọng công tác quy hoạch phát triển làng nghề, điểm công nghiệp làng nghề, xây dựng kết cấu hạ tầng làng nghề như giao thông, điện, hệ thống cấp nước, thoát nước thải... gắn với quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Phối hợp triển khai các dự án phát triển làng nghề truyền thống kết hợp với du lịch làng nghề sơn khảm Ngọ Hạ; dự án xử lý môi trường làng nghề chế biến lương thực thực phẩm thôn Tân Độ xã Hồng Minh, giai đoạn 2011 - 2015 theo QĐ số 554/QĐ - UBND ngày 27/01/2011 của UBND thành phố Hà Nội. Hàng năm huyện tổ chức ngày vinh danh làng nghề truyền thống; quảng bá và xây dựng thương hiệu sản phẩm cho làng nghề. Năm tới tiếp tục triển khai xây dựng thương hiệu tập thể cho sơn mài khảm trai Chuyên Mỹ. Tổ chức mở 15 lớp nhân cấy, truyền nghề TTCN cho khoảng 500 lao động trên địa bàn huyện. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia hội chợ, hội thi sáng tạo mẫu mã...Tập huấn nâng cao năng lực quản lý, kinh doanh cho các chủ cơ sở sản xuất làng nghề. Kiện toàn và tập huấn công tác quản lý nhà nước cho đội ngũ cán bộ theo dõi lĩnh vực công nghiệp - TTCN xã, thị trấn. Tổ chức các đoàn đi tham quan, học tập mô hình tiên tiến trong sản xuất, áp dụng tiến bộ KHKT, xử lý ô nhiễm môi trường của các làng nghề; cụm, điểm công nghiệp ngoài huyện, thành phố. Triển khai công tác chuẩn bị cho lễ hội vinh danh làng nghề giấy da tại xã Phú Yên. Triển khai tập huấn Nghị định của Chính phủ về khuyến công, thực hiện thí điểm cộng tác viên khuyến công các xã, thị trấn (mỗi xã thị trấn một cộng tác viên khuyến công). Rà soát xin chủ trương Thành phố lập quy hoạch giai đoạn II cụm công nghiệp làng nghề xã

Chuyên Mỹ, Phú Túc và một số cụm công nghiệp làng nghề. Triển khai bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, xét tặng danh hiệu nghệ nhân và hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm hàng hóa.

Những năm qua, Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện Phú Xuyên đã có nhiều chủ trương, biện pháp để phát triển kinh tế nông nghiệp. Bên cạnh sản xuất nông nghiệp, huyện đặc biệt quan tâm đến việc duy trì, bảo tồn và phát triển sản xuất thủ công nghiệp làng nghề. Ngoài các nghề truyền thống như: Guột té Phú Túc, khảm trai Chuyên Mỹ, Giấy da Phú Yên, May comple Vân Từ; nghề Mộc xã Tân Dân, Văn Nhân; Tò he Xuân La, xã Phượng Dực... Các địa phương trong huyện còn phát triển thêm nghề mới như: May màn xuất khẩu Đại Thắng, Cơ kim khí thị trấn Phú Minh... đã và đang phát triển mạnh, đem lại thu nhập đáng kể cho người lao động, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, giảm tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới còn 7%. Ngành nghề ở Phú Xuyên không chỉ phát triển mạnh ở các xã miền Tây, Trung Tây của huyện mà đã và đang được nhân rộng, phát triển ở các xã miền Đông vốn trước đây độc canh cây lúa.

Bảng 2.6: Một số chỉ tiêu phân tích về kinh tế các LNTT

Diễn giải	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tốc độ tăng BQ (%/năm)
Số lượng LNTT	Làng	39	39	40	2.5%
Số hộ có nghề TT	Hộ	10.924	12.425	12.831	8.38
Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	534,23	632,42	664,35	11,52
Thu nhập/LĐ/năm	Triệu đồng	24,57	25,77	26,85	4,54

Nguồn: Ủy ban nhân dân huyện Phú Xuyên

Qua bảng chúng ta thấy sự gia tăng liên tục của các chỉ tiêu đến phát triển làng nghề truyền thống ở huyện. Số lượng làng nghề tăng lên với tốc độ 2,5%/năm, giá trị sản xuất tăng 8,83%/năm và thu nhập/lao động/năm tăng 4,54%/năm. Ở mức độ vĩ mô GDP của huyện bình quân hàng năm giai đoạn 2010-2015 bằng khoảng 1,5 lần và giai đoạn 2015-2020 khoảng 1,35 lần mức tăng trưởng bình quân chung của cả nước.

Hoạt động sản xuất kinh doanh ở các làng nghề đã góp phần vào việc giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân. Các hộ tham gia sản xuất ở các làng nghề có thu nhập cao gấp 5 - 7 lần so với các hộ thuần nông, điều này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh làng nghề truyền thống góp phần hết sức quan trọng vào công cuộc xoá đói giảm nghèo trên địa bàn huyện Phú Xuyên, góp phần giữ vững an ninh trật tự ở địa phương trong suốt thời gian qua. Các hộ sản xuất trong làng nghề đóng góp cho ngân sách không đáng kể, chỉ có các công ty TNHH, doanh nghiệp tư nhân, hộ sản xuất làm hàng xuất khẩu trong các làng nghề đóng góp cho ngân sách là chủ yếu. Một số làng nghề truyền thống nổi bật như: Xã Phú Túc có tổng giá trị thu được từ CN-TTCN là 65,14 tỷ đồng năm 2013 chiếm 40,7% cơ cấu kinh tế, xã có 8 làng nghề với 1780 hộ cá thể trong đó cả 8 làng nghề là làng nghề truyền thống chủ yếu sản xuất mây tre đan và cỏ tế. Xã Phú Yên có giá trị từ sản xuất CN-TTCN đạt khoảng 88,9 tỷ đồng chiếm tới 60% cơ cấu kinh tế, xã có 2 làng nghề với 617 hộ cá thể trong đó có 2 làng được công nhận là làng nghề truyền thống. Xã Tân Dân có giá trị từ sản xuất CN-TTCN 76,54 tỷ đồng chiếm 45,15% cơ cấu kinh tế, xã có 1108 hộ cá thể trong đó có tập trung vào các làng nghề truyền thống chủ yếu là mộc.

Huyện Phú Xuyên đặc biệt quan tâm đến phát triển tiểu thủ công nghiệp, xây dựng các mô hình phát triển bền vững; các làng nghề truyền thống và làng có nghề theo hướng phát triển sản phẩm cho xuất khẩu, coi đây là thế mạnh đặc thù của huyện. Hoạt động sản xuất ngành nghề truyền thống ở các làng nghề đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn huyện Phú Xuyên theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 55% vào năm 2015. Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 3,75% năm 2013 và dưới 2,5% năm 2015 và giảm tỷ lệ lao động không có việc làm đến 2015 xuống khoảng 6,5% và tiếp tục kiểm soát ở mức an toàn cho phép là 4%. Thu nhập bình quân tăng từ 23,6 triệu đồng năm 2013 đến 27,96 triệu đồng năm 2015.

Bên cạnh những kết quả đó sau hơn 5 năm thực hiện Cuộc vận động (CVD) “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt nam”, Huyện ủy Phú Xuyên và các cấp

ủy đảng đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo chính quyền, MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức triển khai thực hiện CVD ở địa phương. Đồng thời, đề cao tính gương mẫu của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên trong việc hưởng ứng CVD, gắn với đẩy mạnh Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và các phong trào thi đua yêu nước, các CVD: “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; “Ngày vì người nghèo”, chương trình xây dựng nông thôn mới.

Vận động các doanh nghiệp, nhà sản xuất hàng hóa, nhà phân phối trong huyện cam kết và thực hiện trách nhiệm sản xuất ra nhiều sản phẩm chất lượng tốt, giá cả phù hợp, bảo đảm quyền lợi người tiêu dùng; đưa hàng về bán lẻ ở vùng nông thôn xa trung tâm huyện. Phấn đấu xây dựng thương hiệu hàng hóa địa phương như hàng mây giang đan xã Phú Túc; hàng khảm trai, sơn mài xã Chuyên Mỹ; hàng may mặc comple cao cấp xã Vân Từ; hàng giày da xã Phú Yên...

Năm 2011, Ban chỉ đạo cuộc vận động phối hợp với UBND huyện tổ chức thành công Lễ hội vinh danh làng nghề truyền thống huyện Phú Xuyên lần thứ nhất với 150 gian hàng từ các làng nghề truyền thống, các công ty, doanh nghiệp tham gia trưng bày, bán tại lễ hội.

Năm 2012, Huyện ủy, UBND huyện chỉ đạo các xã, thị trấn tổ chức vinh danh làng nghề, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích trong việc giữ gìn bảo tồn và phát triển nghề truyền thống. BCĐ CVD huyện phối hợp với UBND xã Chuyên Mỹ tổ chức Lễ hội vinh danh làng nghề truyền thống xã Chuyên Mỹ lần thứ nhất với 138 gian hàng các loại; các mặt hàng truyền thống như khảm trai, sơn mài của địa phương là chủ đạo, cùng các mặt hàng mây giang đan, guột; hàng gỗ dân dụng cao cấp; hàng may mặc, hàng giày da...

Tháng 10/2013, tại xã Phú Yên, huyện Phú Xuyên diễn ra Lễ hội vinh danh làng nghề da giày truyền thống với 200 gian hàng các loại phong phú, đa dạng. Trong Lễ hội đã tổ chức các hoạt động rước kiệu của các KDC về trung tâm Lễ hội và nghi thức tế lễ Cù tổ nghề da giày có từ 100 năm nay, tổ chức thi tay nghề và phát động tiếp tục thực hiện CVD “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”,

biểu dương các tập thể, cá nhân tiêu biểu thực hiện tốt công tác nhân cấy nghề, bảo tồn và phát huy nghề truyền thống, vinh danh nghệ nhân của các làng nghề...phần đầu đến năm 2015 có 100% làng có nghề. Đây chính là cơ hội để ngành nghề Phú Xuyên phát triển nhằm tiếp tục cụ thể hoá Nghị quyết Đảng bộ huyện khoá XXIII, tập trung quy hoạch xây dựng các khu, cụm điểm công nghiệp làng nghề, xây dựng NTM theo hướng CNH, HĐH nông nghiệp - nông thôn.

Việc phát triển sản xuất các làng nghề huyện Phú Xuyên còn góp phần quan trọng vào việc giữ gìn những sản phẩm có giá trị cao vừa mang ý nghĩa về kinh tế và vừa có ý nghĩa về bản sắc truyền thống của địa phương.

2.4.2 Hạn chế và nguyên nhân hạn chế

2.4.2.1 Hạn chế

Một thực tế cho thấy là dù nhà nước và địa phương đã có những cơ chế, chính sách, chương trình để thúc đẩy và phát triển làng nghề như các chính sách về đào tạo làng nghề, phát triển làng nghề bền vững, bảo vệ môi trường trong các làng nghề hay các chương trình khuyến khích kích cầu tiêu thụ sản phẩm. Nhưng một thực tế cho thấy dù các chính sách ngày nay đã có chiều sâu, rộng và thiết thực hơn nhưng chưa thực sự mang lại hiệu quả cho phát triển kinh tế làng nghề nói chung và phát triển làng nghề truyền thống huyện Phú Xuyên nói riêng. Điều này thực sự cho thấy một tình trạng đó là: các làng nghề tự tìm đầu ra và đầu vào cho sản phẩm của mình, vẫn chưa có thương hiệu nào của làng nghề được đăng ký, hay môi trường làng nghề vẫn còn ô nhiễm, các hộ sản xuất vẫn chưa tập trung mang tính nhỏ lẻ, môi trường trong các làng nghề vẫn còn ô nhiễm ... Vai trò nhà nước đã tác động tích cực đến sự phát triển của các làng nghề nhưng vẫn còn một số những mặt chưa phát huy hết được đúng với tiềm năng hiện có, cụ thể một tồn tại như sau:

*** Sản phẩm và thị trường tiêu thụ**

Thị trường tiêu thụ là yếu tố quan trọng và cần thiết nhất cho hầu hết các loại hình sản xuất. Với các làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Phú Xuyên thị trường tiêu thụ còn là yếu tố quyết định sự mai một tồn tại hay phát triển bền vững của các làng nghề. Mặc dù, các sản phẩm ở các làng nghề với nhiều đặc trưng riêng của mình cũng dần khẳng định được thương hiệu riêng cho mình, thị phần cũng đang

được mở rộng cả trong và ngoài nước. Tuy nhiên nó cũng chịu tác động mạnh của các quy luật thị trường đó là sự cạnh tranh gay gắt với các sản phẩm khác ở các làng nghề khác hoặc các sản phẩm của Trung Quốc, các làng nghề này còn phải cạnh tranh gay gắt với các sản phẩm thay thế.

Qua điều tra chúng tôi thấy thị trường tiêu thụ cho sản phẩm của các nghề và làng nghề này còn nhỏ hẹp, chủ yếu giới hạn trong địa bàn tỉnh, chỉ một số ít vươn ra được các tỉnh lân cận. Chẳng hạn như sản phẩm của làng nghề giày da Phú Yên chủ yếu tiêu thụ trong nội địa, nhiều nhất là ở các tỉnh phía bắc và thủ đô Hà Nội chiếm 80% thị phần, còn các tỉnh phía nam khoảng 20%. Mẫu mã sản phẩm còn đơn giản chưa thỏa mãn được thị hiếu ngày càng cao của khách hàng hiện nay nên thiếu tính cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại trên thị trường. Do vậy nhà nước cần có chính sách hỗ trợ đầu ra cho các sản phẩm làng nghề, đưa các sản phẩm này ra ngoài địa lý vùng miền.

** Lao động*

Có thể nói để trở thành một người lao động thành thực ở các làng nghề đòi hỏi người lao động phải có sức khỏe, phải kiên trì học hỏi và phải yêu thích say mê với nghề, nữa là những người nhân của các làng nghề không những phải có tài mà còn có cái tâm. Bởi vậy không phải ai cũng có thể trở thành người của các làng nghề hiện nay. Hơn nữa những nghệ nhân và thế hệ đi trước luôn có ý thức truyền nghề để giữ gìn vốn quý của tổ tiên. Phần lớn tay nghề của người lao động có được không phải qua đào tạo mà từ sự học hỏi hoặc “cha truyền con nối”. Như vậy, nguồn lực lao động tham gia vào các làng nghề nếu ổn định về số lượng và đảm bảo về chất lượng thì sẽ góp phần không nhỏ giúp cho làng nghề hạn chế được những biến động, đảm bảo sự ổn định về sản phẩm, từ đó mà có thể tác động đến sự phát triển bền vững của làng nghề. Lao động giỏi sẽ tác động trực tiếp tới thu nhập của họ ngày càng tăng từ đó có điều kiện đầu tư nhiều hơn vào học hành cho con cái - nguồn lao động của các làng nghề sau này. Ngoài kỹ năng, bí quyết riêng của người thợ, sự phát triển của làng nghề cũng đòi hỏi người sản xuất, đặc biệt là các chủ hộ cũng phải trau dồi cho mình những kiến thức, thông tin nhất định về lĩnh vực kinh doanh, quản lý sản xuất, tổ chức tiêu thụ sản phẩm cũng như là công việc quảng bá, marketing cho sản phẩm...

Vì vậy, Nhà nước đã có những chính sách mở lớp dạy nghề, hàng năm đào tạo hàng nghìn thợ ra tay nghề, nhưng chưa có những lớp dạy nghề chuyên sâu, một khóa nghề nếu chỉ được tổ chức ngắn hạn chỉ đạo tạo được các tay nghề thô sơ, sơ đẳng. Một thợ thành nghề để có thể làm ra một sản phẩm bán được ngoài thị trường thì cần có các lớp đào tạo chuyên sâu.

** Nguồn nguyên liệu*

Nguồn nguyên liệu cung cấp cho làng nghề mây tre đan ở Phú Túc huyện Phú Xuyên chủ yếu có nguồn gốc từ các tỉnh Sơn La, Hà Giang, Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Lào Cai, Yên Bái, Vĩnh Phúc... Trong đó riêng các tỉnh phía Bắc như Sơn La, Hà Giang, Hòa Bình chiếm chiếm 20% đến 30% còn lại các tỉnh khác. Tại xã có hộ chuyên thu gom, vận chuyển nguyên liệu tre, nứa, giang về bán buôn người bán lẻ tại chợ và các cơ sở sản xuất quy mô lớn.

Đối với giày da Phú Yên nguyên liệu được nhập chiếm tới 50% còn lại là ở trong nước. Hầu hết các cơ sở sản xuất ở đây nhập da, cốt từ các nơi về rồi chế tạo ra sản phẩm dưới nhiều mẫu mã khác nhau, số khác nhập hầu hết bộ phận đã hoàn thiện như đế, quai, dây... về chỉ việc gia công lại là xong và thường thì các mặt hàng này là của Trung Quốc, Đài Loan. Do đó việc hàng giày da Phú Yên để khẳng định hàng có chất lượng cao là điều không thể. Số nhiều là sử dụng da giả, da công nghiệp không đủ tiêu chuẩn. Tuy nhiên người tiêu dùng lại thích những mẫu hàng mới đẹp nhưng lại thích giá rẻ nên sản phẩm da giả thì bán rất chạy, còn da thật thì lại khó tiêu thụ nên dù rất tâm huyết với nghề cha ông, nhưng một số người đành làm theo yêu cầu của khách.

Nghề mộc ở Tân Dân cũng phụ thuộc khá nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu trong khi giá gỗ nguyên liệu luôn có chiều hướng tăng. Nguồn gỗ được nhập từ nhiều nơi đưa về tập các đầu mối tập trung ngay trên địa bàn huyện, chủ của những lái buôn này cũng có thể chính là những người thuộc đối tượng sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ, nhưng đa phần họ là những nhóm người chỉ chuyên tìm kiếm nguồn gỗ rồi đem về bán lại ăn chênh lệch. Hiện nay, nguồn nguyên liệu gỗ ngày càng khó khăn qua khảo sát các hộ về nguyên liệu sản xuất thì có tới 90% các hộ đồng ý cho rằng trong thời gian tới đầu vào nguyên liệu sẽ rất hiếm vì không còn nhiều gỗ quý như trước để sản xuất những mặt hàng có giá trị.

Có thể nói nếu như những năm trước đây, hàng thủ công mỹ nghệ được sản xuất chủ yếu bằng nguyên liệu sẵn có trong nước. Thì hiện nay không chỉ các làng nghề ở Phú Xuyên mà còn rất nhiều các làng nghề khác đều rất khan hiếm nguyên liệu. Đối với các làng nghề cần các nguyên liệu thiên nhiên như mây tre đan Phú Túc, mộc Tân Dân hiện nay do tốc độ phát triển các làng nghề quá nhanh đi cùng với việc thiếu quy hoạch về đầu tư, tình trạng khai thác bừa bãi dẫn đến thiếu nguồn nguyên liệu trầm trọng. Đối với giày da Phú Yên cũng vậy các loại mặt hàng da trong nước chỉ đáp ứng được 50% còn lại là nhập khẩu các loại da kém chất lượng do đó nguồn nguyên liệu cũng không ổn định, thiếu nguyên liệu sản xuất cho các hộ.

Mặt khác, việc nhập khẩu ngày càng khó khăn do giá nguyên liệu làm tăng chi phí sản xuất, giá tăng cao do đó làm cho khả năng cạnh tranh của các mặt hàng giảm trên thị trường. Do vậy để bảo tồn các làng nghề này các cơ quan chính quyền cần có biện pháp, chính sách cho mai sau. Như việc sử dụng nguồn nguyên liệu đa dạng hoặc thay thế sẽ là xu hướng cần được quan tâm để làng nghề phát triển bền vững

** Đầu tư công nghệ máy móc*

Cùng với yêu cầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đòi hỏi của nhu cầu thị trường với những sản phẩm tinh xảo, chất lượng, vừa đảm bảo yêu cầu về số lượng lớn, nhiều hộ gia đình đã đầu tư mua sắm máy móc và áp dụng công nghệ vào sản xuất. Ở làng nghề mây tre đan Phú Túc, bên cạnh sản xuất thủ công là chủ yếu, nhiều hộ gia đình đã đầu tư mua sắm được máy chẻ, phun sơn, góp phần giảm bớt sức lao động cho người thợ. Tuy nhiên rất ít hộ sản xuất có vốn để đầu tư các máy móc thiết bị hiện đại. Về công nghệ sản xuất trong làng nghề giày da Phú Yên hiện nay chủ yếu là thủ công, máy móc vẫn còn thô sơ, công nghệ lạc hậu do đó năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm chưa tốt. Với nghề mộc ở Tân Dân chi phí đầu tư cho trang thiết bị khá tốn kém, đa số các hộ phải tự đầu tư để sản xuất. Có thể nói khoa học công nghệ tác động đến rất nhiều tới quá trình sản xuất của các hộ điều tra ở các làng nghề truyền thống. Dưới đây là bảng đánh giá các hộ về tầm quan trọng của việc sử dụng máy móc thiết bị trong sản xuất ở các làng nghề.

Bảng 2.7: Lợi ích của trang thiết bị máy móc tại các làng nghề

Diễn giải	Mây tre đan		Giày da		Mộc	
	Số	Cơ cấu	Số	Cơ cấu	Số	Cơ cấu
	lượng	(%)	lượng	(%)	lượng	(%)
- Nâng cao chất lượng SP	11	36,67	2	6,67	5	16,67
- Tiết kiệm thời gian	7	23,33	22	73,33	25	83,33
- Giảm chi phí	9	30,00	17	56,67	30	100,00
- Tăng năng suất	3	10,00	19	63,33	2	6,67

Nguồn: Phòng kinh tế huyện Phú Xuyên

Qua bảng chúng ta thấy máy móc khá quan trọng với các cơ sở điều tra đặc biệt là các làng nghề như giày da và mộc, nó giúp các hộ tiết kiệm thời gian, giảm chi phí sản xuất, tăng năng xuất lao động. Tuy nhiên, trên thực tế máy móc chỉ góp phần giải phóng một phần sức lao động của người thợ, nhiều công đoạn sản xuất nghề truyền thống bắt buộc phải dùng kỹ thuật, kỹ xảo điều luyện của người thợ, trong đó đặc biệt phải kể đến kỹ thuật đan ở làng nghề mây tre đan, kỹ thuật đục đẽo trong làng nghề mộc...

** Vốn*

Nói đến nguồn vốn thì nó là một yếu tố đầu vào vô cùng quan trọng, có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng mở rộng quy mô sản xuất của cơ sở sản xuất. Trong điều kiện phát triển như ngày nay thì nguồn vốn cũng chính là điều kiện cần thiết không thể thiếu cho các làng nghề. Với các làng nghề Phú Xuyên rất cần tới vốn sản xuất đòi hỏi mức chi phí đầu vào lớn, vốn cho nguyên vật liệu vốn lưu động... Mặc dù ở Phú Xuyên hàng năm có các chương trình hỗ trợ về vốn cho các làng nghề tuy nhiên chưa đáp ứng được cho các hộ đặc biệt là các cơ sở quy mô sản xuất lớn thường là những hộ có nhiều vốn. Nhận thấy được tầm quan trọng của vốn cho làng nghề và cho các hộ sản xuất kinh doanh phát triển, Đảng uỷ, UBND xã đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để các hộ được vay vốn ngân hàng, theo báo cáo của ngân hàng phát triển nông nghiệp nông thôn huyện Phú Xuyên, như xã Phú Yên hàng năm có số dư nợ gần 30 tỷ đồng lớn nhất trong 28 xã thị trấn, ngoài ngân hàng nông nghiệp có một số hộ đã vay vốn ở các ngân hàng khác với số dư nợ trên 10 tỷ đồng.

Hiện tại quy mô của các làng nghề thường nhỏ và vừa, lại thuộc vào thành phần kinh tế dân doanh nên khả năng tiếp cận các nguồn vốn vay tín dụng cũng gặp rất nhiều khó khăn. Do không đủ tài sản thế chấp để vay ngân hàng, lãi suất của ngân hàng lại cao hơn lãi suất kinh doanh, thời gian vay ngắn, thủ tục cho vay phức tạp thời gian kéo dài làm chậm tiến độ sản xuất. Do thiếu vốn, nên các hộ sản xuất kinh doanh không có đủ điều kiện để đầu tư mua thiết bị máy móc công nghệ mới vì vậy rất tốn thời gian để hoàn thành các sản phẩm. Như vậy vốn dành cho sản xuất của các cơ sở trong làng nghề là rất cần thiết nó quyết định quy mô của từng cơ sở sản xuất và sự thành công trong những lúc nhạy cảm của thị trường đối với sản phẩm của làng nghề. Đây là một trong những vấn đề khó khăn cho chủ cơ sở sản xuất trong làng nghề cũng như các cấp chính quyền ở địa phương.

** Cơ sở hạ tầng và quy hoạch làng nghề*

Việc quy hoạch phát triển làng nghề của các địa phương sẽ tạo nên sự phát triển làng nghề một cách có hệ thống, có định hướng và có sự hỗ trợ của địa phương, hỗ trợ cả về nguồn vốn cũng như là xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại khu vực có làng nghề hoạt động. Bên cạnh đó việc quy hoạch mặt bằng tập trung sản xuất sẽ góp phần giải quyết được vấn đề môi trường, đưa ra được các biện pháp bảo vệ môi trường cũng như xử lý ô nhiễm môi trường một cách có hệ thống. Quy hoạch phát triển làng nghề sẽ định hướng phát triển, khôi phục, phát triển các cơ sở ngành nghề nông thôn, các làng nghề truyền thống và thực hiện chính sách “mỗi làng một nghề” của nhà nước. Việc quy hoạch phát triển làng nghề cũng sẽ tạo điều kiện phát triển các ngành nghề có lợi thế về nguyên liệu tại chỗ, có thị trường tiêu thụ ổn định, và thông qua đó sẽ gắn kết các mục tiêu kinh tế - xã hội và môi trường với nhau.

Để phát triển bền vững, các làng nghề Phú Xuyên cần có quy mô sản xuất rộng hơn. Bởi vậy nếu được quy hoạch thành cụm công nghiệp làng nghề và khu du lịch làng nghề thì các làng nghề sẽ có cơ hội được đầu tư nhiều hơn cả về vốn cũng như công nghệ mới, đồng thời khách hàng trong nước và đặc biệt là khách hàng nước ngoài sẽ biết đến các sản phẩm như mây tre đan Phú Túc, giày da Phú Yên và mộc Tân Dân nhanh hơn và từ đó mà mở rộng thị trường rộng khắp thế giới.

Hiện nay ở Phú Xuyên đường giao thông, đường trong làng nghề nhỏ, hẹp không đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa. Tại một số làng nghề đường giao thông xuống cấp, có chỗ đang thi công nhưng tiến độ chậm, ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh. Nguồn điện chưa đáp ứng nhu cầu ảnh hưởng đến sản xuất, tiến độ giao hàng. Công trình cấp thoát nước chưa có hoặc có hệ thống cấp thoát nước nhưng đã xuống cấp. huyện Phú Xuyên đã có quy hoạch, xây dựng hệ thống đường giao thông đảm bảo thuận tiện nối làng nghề với đường quốc lộ, cần xây dựng biển quảng cáo, biển hướng dẫn lối vào làng nghề ở các quốc lộ chính để khách du lịch biết và có cơ hội đến với làng nghề. Nhưng hiện tại vẫn đang trong quá trình thực hiện.

** Cơ chế chính sách*

Rõ ràng qua các chính sách, các chương trình của huyện đã và đang xây dựng một huyện tác động rất lớn đến phát triển sản xuất tại các làng nghề trên địa bàn huyện. Qua đó, huyện cũng cần tiếp tục có chính sách hỗ trợ kinh phí để quy hoạch các điểm công nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng làng nghề, xây dựng thương hiệu cho các làng nghề của huyện. Xây dựng và triển khai Đề án quy hoạch bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề Hà Nội giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020. Triển khai các danh mục của Đề án được phê duyệt trên địa bàn huyện Phú Xuyên

** Môi trường làng nghề*

Bên cạnh những dấu hiệu đáng mừng trong phát triển các làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Phú Xuyên thời gian qua thì vấn đề ô nhiễm môi trường từ các làng nghề cũng đang là một nguy cơ ảnh hưởng tới sự phát triển của các làng nghề. Tuy nhiên, tùy vào đặc trưng của các làng nghề khác nhau mà có sự tác động đến môi trường ở mức độ khác nhau.

Mặc dù qua sự điều tra cho thấy vấn đề ô nhiễm ở các làng nghề chưa là vấn đề nghiêm trọng. Tuy nhiên để các làng nghề phát triển thì các cơ quan quản lý nhà nước cùng với người sản xuất, người dân địa phương cần có ý thức bảo vệ môi trường từ bây giờ. Hiện nay, hầu hết các cơ sở sản xuất trong làng nghề chỉ chú trọng sản xuất, kinh doanh mà không chăm lo đến việc bảo vệ môi trường sinh thái,

kết quả là ở một số nơi quy mô sản xuất đã vượt quá mức chịu đựng của môi trường. Các cơ sở sản xuất trong làng nghề lại thường có mặt bằng sản xuất chật hẹp; nhà ở thường ở lẫn với xưởng sản xuất và nơi chứa nguyên liệu, sản phẩm. Các khu vực sản xuất lại thiếu phương tiện đảm bảo môi trường lao động từ đèn chiếu sáng đến quạt thông gió, hút hơi độc. Do đó vấn đề sức khỏe của người lao động trực tiếp và người dân sống trong làng bị ảnh hưởng xấu.

2.4.2.2 Nguyên nhân

* Nguyên nhân khách quan

- Đất đai: Do dân số ngày càng tăng đất đai ngày càng thu hẹp, nên các làng nghề không có quy hoạch riêng vùng sản xuất tiểu thủ công nghiệp và sản phẩm truyền thống. Đa số các hộ tự phát xen lẫn giữa sinh hoạt hàng ngày nên khó phát triển được thành mô hình lớn mặt khác còn gây ô nhiễm môi trường.

- Tài nguyên thiên nhiên: nguồn nguyên liệu sản xuất các sản phẩm làng nghề truyền thống đa số là nguồn nguyên liệu từ thiên nhiên nên khả năng đáp ứng ngày càng gặp khó khăn.

- Lao động: hiện tại các làng nghề đang thiếu lao động do hiện tại thanh niên bây giờ không còn mặn mà với nghề thủ công truyền thống

- Vốn: Việc sử dụng, huy động được vốn gặp khó khăn khi các tổ chức tín dụng ít và người dân khó tiếp cận được các nguồn vốn này.

* Nguyên nhân chủ quan

- Một số chính sách liên quan đến làng nghề đã được phê duyệt nhưng việc triển khai vẫn còn chậm chễ và chưa có phương hướng cụ thể về việc tiến hành thực hiện nó như việc quy hoạch xây dựng các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vẫn chưa được hình thành để phát huy hết khả năng của các làng nghề.

- Nguồn cán bộ về quản lý cấp huyện, cấp xã quản lý nhà nước về làng nghề còn ít và trình độ chưa cao, chưa đồng bộ. Cụ thể, tại xã chưa có cán bộ chuyên trách phụ trách quản lý về làng nghề.

- Công tác kiểm tra, giám sát sau khi các chính sách, chương trình ... được ban hành còn hạn chế. Nên một số chính sách, chương trình không phát huy hết được hiệu quả, một số chính sách còn bị bỏ ngỏ triển khai nhưng không được kiểm tra việc thực hiện.

- Công tác tổ chức, triển khai. Một số chương trình kế hoạch của huyện được triển khai đến xã nhưng đến xã không cụ thể hóa thành các chương trình kế hoạch của xã nên không có cơ sở pháp lý để thực hiện.

- Một số chính sách về ưu tiên phát triển làng nghề như ưu tiên về vốn, thuế, đất đai... thì thủ tục lại khó khăn khiến người dân muốn tiếp cận được các ưu đãi này thường rất khó và rất ít hộ đáp ứng đủ điều kiện.

**CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN QUẢN
LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG
HUYỆN PHÚ XUYÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**3.1 Định hướng phát triển làng nghề truyền thống huyện Phú Xuyên,
thành phố Hà Nội**

**3.1.1. Nhiệm vụ, giải pháp và mục tiêu phát triển làng nghề truyền thống
huyện**

3.1.1.1. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển làng nghề truyền thống.

Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2015 - 2020 đề ra 5 nhiệm vụ trọng tâm, 12 chỉ tiêu chủ yếu, 3 khâu đột phá, trong đó có nhiệm vụ về phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề là: Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp dịch vụ, tích cực áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất. Tập trung phát triển làng nghề truyền thống gắn với du lịch làng nghề; nâng cao chất lượng, hiệu quả về sức cạnh tranh của sản phẩm làng nghề; đảm bảo kinh tế của huyện phát triển bền vững.

Để góp phần thực hiện thắng lợi 5 nhiệm vụ trọng tâm, 12 chỉ tiêu chủ yếu, 3 khâu đột phá, trong quá trình phát triển làng nghề gắn với du lịch của huyện giai đoạn 2015 - 2020 cần triển khai thực hiện có hiệu quả một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

(1) Về phát triển làng nghề

*** Triển khai quy hoạch phát triển nghề, làng nghề**

Lập bản đồ hiện trạng nghề, làng nghề trên địa bàn huyện.

Triển khai khảo sát, đánh giá hiện trạng nghề, làng nghề để lập bản đồ hiện trạng làng nghề từ đó có cơ sở, định hướng trong việc khôi phục, bảo tồn, phát triển nghề, làng nghề huyện giai đoạn 2020 và những năm tiếp theo.

- Nhóm làng nghề truyền thống cần khôi phục và bảo tồn như: làng nghề có từ lâu đời có nguy cơ mai một thất truyền cần khôi phục duy trì.

- Nhóm làng nghề phát triển có khả năng lan tỏa sang các khu vực lân cận là những sản phẩm chủ lực chiếm ưu thế trong thị trường, củng cố hoàn thiện làng

nghe hiện có đáp ứng nhu cầu mặt bằng tại chỗ, khắc phục ô nhiễm môi trường, cải tiến mẫu mã đưa công nghệ sản xuất mới kết hợp với công nghệ thủ công truyền thống, phát triển sản xuất tạo ra những sản phẩm có giá trị, độc đáo nhân cấy phát triển nghề sang các địa phương khác: Phúc Tiến, Nam Triều, Đại Xuyên, Nam Phong với nghề may mặc, giày da, cơ khí...; Minh Tân, Bạch Hạ, Hồng Thái, Khai Thái, Tri Thủy, Quang Lãng bố trí tiếp thu nhóm: mây giang đan, đồ gỗ, dệt lưới, cơ khí...

- Chuyển đổi những làng nghề phát triển không ổn định làng nghề sản xuất ra những sản phẩm tiêu dùng, không gian sản xuất đã thu hẹp sản phẩm khó cạnh tranh trên thị trường. Bổ sung nghề mới đảm bảo giải quyết việc làm tại chỗ.

Xây dựng lập bản đồ hiện trạng nghề, làng nghề gắn với các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, đình, đền, chùa trên địa bàn huyện để quảng bá, giới thiệu làng nghề, phục vụ du lịch làng nghề.

Đẩy nhanh tiến độ quy hoạch, triển khai các cụm công nghiệp làng nghề gắn với xây dựng nông thôn mới

Thực hiện phát triển các cụm công nghiệp làng nghề mới gắn với việc phát triển của các làng nghề truyền thống, làng nghề phục vụ xuất khẩu và các làng nghề mới mở tại các xã. Xây dựng 5 điểm TTCN, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp tại 5 trung tâm cụm xã (cụm đổi mới): Văn Hoàng, Hoàng Long, Châu Can, Hồng Thái, Minh Tân. Xây dựng 12 cụm công nghiệp làng nghề tại các xã: Văn Hoàng, Hoàng Long, Chuyên Mỹ, Phú Túc, Phú Yên, Vân Từ, Hồng Minh, Bạch Hạ, Sơn Hà, Phượng Dực, Đại Thắng, Tri Trung quy mô từ 5-7 ha/cụm theo quyết định số 5517/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND thành phố Hà Nội về phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng huyện Phú Xuyên đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000.

Xây dựng kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020 để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng làng nghề.

*** Phối hợp triển khai quy hoạch hạ tầng kỹ thuật; tiếp tục đầu tư gắn với xây dựng nông thôn mới.**

Phối hợp với các sở, ngành Thành phố triển khai định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật theo quyết định số 5517/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 về phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng huyện Phú Xuyên đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000 và các dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng tại các làng nghề: khám trai thôn Bồi Khê, Thôn Ngõ xã Chuyên Mỹ; đàn cỏ tế thôn Hoàng Xá, Lưu Thượng, Tư Sản, Đường La xã Phú Túc; mộc Đại Nghiệp xã Tân Dân; giầy da Giẽ Hạ xã Phú Yên; may Từ Thuận xã Vân Từ theo Quyết định 14/QĐ-UBND ngày 02/01/2013 về phê duyệt quy hoạch phát triển nghề, làng nghề thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 của UBND Thành phố Hà Nội.

Tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật gắn với xây dựng nông thôn mới, cụ thể:

Về giao thông:

Đầu tư phát triển giao thông tiếp tục được quan tâm; tập trung nâng cấp, cải tạo các tuyến trục đường huyện vào các xã nghề đáp ứng được nhu cầu mở rộng sản xuất và sinh hoạt của làng nghề. Mở rộng các tuyến giao thông chính trong làng nghề trên cơ sở kinh phí từ ngân sách và xã hội hoá.

Phối hợp với các Sở, ngành Thành phố triển khai quy hoạch mới bãi đỗ xe, bến xe, điểm đỗ xe tại Cầu Giẽ, Minh Tân, thị trấn Phú Minh, các tuyến xe bus trợ giá; quy hoạch các bến đò, cầu qua sông phục vụ đi lại và vận chuyển hàng hoá của người dân trong vùng. Tại các xã nghề Phú Túc, Chuyên Mỹ, Phú Yên giành quỹ đất để quy hoạch mỗi xã có 01 điểm đỗ xe.

Phát triển hệ thống lưới điện:

Phối hợp với Sở Công thương Hà Nội, Tổng công ty Điện lực Hà Nội triển khai các dự án quy hoạch về phát triển điện lực Thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025, có định hướng đến năm 2035 trên địa bàn huyện Phú Xuyên.

Tiếp tục hoàn thiện và mở rộng hệ thống cung cấp điện đến tất cả các làng nghề đảm bảo ổn định để phục vụ sản xuất. Rà soát tình hình cung cấp và sử dụng điện năng của các xã, thị trấn có nhiều làng nghề với mức tiêu thụ điện năng lớn như: Phú Túc, Chuyên Mỹ, Quang Trung, Đại Thắng, Vân Từ, Phú Yên, thị trấn Phú Minh để phối hợp với ngành điện có kế hoạch tu sửa nâng cấp lưới điện kịp thời.

Giai đoạn 2015 - 2020 tiếp tục triển khai, hoàn thành xây dựng mới 47 TBA với tổng công suất 14.000 KVA (tại TT Phú Xuyên, Phú Yên, Phúc Tiến, Đại Xuyên, Nam Triều, Hồng Minh, Đại Thắng, TT Phú Minh, Văn Nhân, Thụy Phú, Hồng Thái, Minh Tân, Tri Thủy ...) và nâng cấp 20 trạm với tổng công suất 60.000 KVA tại các xã Sơn Hà, Châu Can, Đại Xuyên, Đại Thắng, Văn Hoàng, Chuyên Mỹ.

Tiến hành cải tạo hệ thống đường dây cao thế, hạ thế nhằm đảm bảo yêu cầu về điện trong sinh hoạt, trong sản xuất và các hoạt động khác trên địa bàn. Cải tạo, nâng cấp trên 21km đường dây cao thế và 60km đường dây 0,4 KV. Triển khai xây mới trạm 110 KV thuộc thị trấn Phú Xuyên.

Hệ thống thông tin liên lạc:

Các cấp chính quyền địa phương và các hiệp hội ngành nghề cần có sự hỗ trợ trong việc cung cấp các thông tin về kinh tế, văn hóa, xã hội, đặc biệt là các thông tin về thị trường và công nghệ để các doanh nghiệp và các hộ sản xuất nâng cao kiến thức và nắm bắt kịp thời những thông tin về kinh tế thị trường, điều chỉnh sản xuất theo yêu cầu của thị trường.

Mở rộng và lắp đặt thêm hệ thống chuyển mạch tại các xã có nhiều làng nghề, phát triển mạng thế hệ mới NGN, phổ cập dịch vụ viễn thông truyền thống, dịch vụ internet tốc độ cao ADSL đến tất cả các điểm dân cư phục vụ giao lưu kinh tế văn hoá, giao dịch với các đối tác trong và ngoài nước. Nối mạng internet đến tất cả các thôn, xóm của 28 xã, thị trấn.

Phát triển hệ thống cấp nước, thoát nước thải, xử lý ô nhiễm môi trường

Tiến hành quy hoạch và xây dựng các hệ thống công trình kết cấu hạ tầng về cấp, thoát nước, xử lý chất thải và xử lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường làng nghề. Phấn đấu đến 2020 có 100% dân số được dùng nước hợp vệ sinh.

Phối hợp với Công ty cổ phần dịch vụ môi trường Thăng Long đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt tại thôn Lễ Thượng xã Châu Can theo Quyết định số 1461/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của UBND thành phố Hà Nội về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt công suất 500 tấn/ngày.

**** Tăng cường quảng bá, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu***

Phối hợp với các Sở, ngành Thành phố hỗ trợ cơ sở tham gia hội trợ trong nước, nước ngoài, xây dựng thương hiệu, xây dựng khu trung tâm trưng bày giới thiệu sản phẩm tại các làng nghề theo quyết định số 6230/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 về phê duyệt kế hoạch thực hiện chính sách khuyến khích phát triển làng nghề giai đoạn 2016-2020 của UBND thành phố Hà Nội.

Duy trì lễ hội vinh danh làng nghề truyền thống tổ chức quy mô tại huyện vào năm 2017 và năm 2019, hằng năm luân phiên tổ chức tại các xã nghề để tôn vinh và quảng bá sản phẩm làng nghề.

Xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm cho các làng nghề; nâng cấp cổng thông tin điện tử làng nghề của huyện năm 2016.

Xây dựng khu trung tâm văn hóa, thương mại, dịch vụ của huyện, địa điểm tại thị trấn Phú Xuyên và tại các xã để giới thiệu làng nghề phục vụ khách du lịch và quảng bá sản phẩm nông sản, làng nghề của huyện; xây dựng chợ đầu mối giao thương, cung cấp nguyên vật liệu và trung chuyển hàng hóa cho các làng nghề.

Khuyến khích, hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp, hộ sản xuất đầu tư, đổi mới dây chuyền công nghệ, cải tiến mẫu mã sản phẩm, xây dựng thương hiệu, tham gia hội chợ, tiếp cận thông tin thị trường.

**** Đào tạo nguồn nhân lực***

Nâng cao vai trò trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền địa phương với công tác đào tạo nghề. Hằng năm huyện giao chỉ tiêu đào tạo nghề và coi đây là chỉ tiêu kinh tế - xã hội cho các xã, thị trấn thực hiện.

Phối hợp với Sở, ngành Thành phố triển khai các lớp đào tạo nghề từ 3 tháng đến 1 năm, tập huấn nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp trên địa bàn huyện theo Quyết định số 6230/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 của UBND thành phố Hà Nội về phê duyệt kế hoạch thực hiện chính sách khuyến khích phát triển làng nghề giai đoạn 2016-2020.

Tiếp tục thực hiện tốt các dự án đào tạo nghề hằng năm theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, chương trình khuyến công của Thành phố.

Khai thác thế mạnh của các cơ sở đào tạo trên địa bàn huyện kết hợp khuyến khích đội ngũ nghệ nhân, doanh nghiệp trong các làng nghề để thực hiện có hiệu quả đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tập trung ưu tiên cho lao động ở các xã thuộc diện thu hồi đất, lao động thuộc hộ nghèo và hộ chính sách, các xã ít nghề, các xã ở miền Đông của huyện.

Thường xuyên tổ chức phiên giao dịch việc làm. Nghiên cứu phối hợp với các trường Đại học, Cao đẳng để tổ chức các khóa đào tạo tại địa phương góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn huyện.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về kỹ thuật, tổ chức sản xuất, quản lý doanh nghiệp tham quan học tập kinh nghiệm phát triển làng nghề ở các địa phương khác cho các chủ doanh nghiệp, chủ cơ sở sản xuất tại làng nghề.

Tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị nhằm giới thiệu các kinh nghiệm quản lý, sản xuất kinh doanh, khoa học công nghệ mới vào các lĩnh vực liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh tại làng nghề.

**** Tăng cường công tác phổ biến tuyên truyền, quản lý nhà nước***

Ban Thường vụ Huyện uỷ tiếp tục chỉ đạo các cấp uỷ Đảng quán triệt tới cán bộ, đảng viên và nhân dân chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quản lý, định hướng phát triển nghề, làng nghề.

Thường xuyên tổ chức tốt công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức, nội dung trên nhiều kênh thông tin với nhiều cách làm mới để cán bộ, đảng viên, người dân nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm trong việc xây dựng và phát triển làng nghề.

Tăng cường quản lý Nhà nước đối với sản xuất ngành nghề nông thôn trên các lĩnh vực như: quản lý đất đai, xử lý ô nhiễm môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, quản lý hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh.

Thường xuyên tuyên truyền giáo dục ý thức cho người dân và doanh nghiệp về bảo vệ môi trường, quy định chặt chẽ trách nhiệm, nghĩa vụ của hộ sản xuất trong việc đóng góp kinh phí bảo vệ môi trường. Có những chế tài cụ thể bảo đảm xử phạt nghiêm minh đối với những cơ sở sản xuất vi phạm các quy định bảo vệ môi trường.

*** Lộ trình thực hiện**

Trước mắt, trong năm 2016, phối hợp với các Sở, ngành liên quan của Thành phố lựa chọn nhà đầu tư để đưa cụm công nghiệp Đại Thắng và Phú Túc sớm đi vào hoạt động. Từ nay đến 2020 tiếp tục triển khai quy hoạch các cụm công nghiệp làng nghề tại xã Chuyên Mỹ, Phú Yên, Vân Từ, Hồng Minh, Sơn Hà, Phượng Dực, Tri Trung, (giai đoạn 2016 - 2017 triển khai xây dựng cụm công nghiệp làng nghề xã: Phú Yên, Chuyên Mỹ, Vân Từ; giai đoạn 2018 - 2020 triển khai xây dựng cụm công nghiệp làng nghề xã: Sơn Hà, Phượng Dực, Hồng Minh, Tri Trung).

UBND huyện tiếp tục triển khai thi công, nâng cấp, chỉnh trang các tuyến: Nội Hợp (Nam Phong) - Thụy Phú, nâng cấp tuyến đường Truyền thông, tuyến đường Thao Chính - Nam Triều - Hồng Thái, Guột - Quang Lãng, Văn Hoàng - Phượng Dực, Đại Thắng - Văn Hoàng giai đoạn 2, tuyến đường giao thông kênh Bìm, tuyến giao thông hai bên bờ đê sông Nhuệ ...

Phối hợp với các Sở, ngành Thành phố triển khai các quyết định của UBND Thành phố Hà Nội: số 5517/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 về phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng huyện Phú Xuyên đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000; số 2691/QĐ-UBND ngày 18/4/2013 về phê duyệt quy hoạch cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện triển khai xây dựng một số trạm cấp nước tập trung theo các khu vực: liên xã Thụy Phú, Hồng Thái, Nam Phong, Nam Triều, Văn Nhân (giai đoạn 2013-2015); xã Đại Thắng (giai đoạn 2015-2017); xã Chuyên Mỹ (giai đoạn 2018-2020); các xã cụm Hồng Minh gồm: Hồng Minh, Phượng Dực, Tri Trung, Phú Túc, Hoàng Long (năm 2016); liên xã Quang Lãng, Bạch Hạ, Minh Tân (giai đoạn 2021-2030); số 14/QĐ-UBND ngày 02/01/2013 về phê duyệt quy hoạch phát triển nghề, làng nghề thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện triển khai dự án xử lý ô nhiễm môi trường ở các làng nghề: chế biến lương thực, thực phẩm thôn Tân Độ xã Hồng Minh; bún bánh thôn Hoà Khê Hạ xã Bạch Hạ; mộc cơ khí Kim Long Thượng xã Hoàng Long; sơn Khảm Đồng Vinh xã Chuyên Mỹ; may mặc, khảm trai thôn Ứng Cử, thôn Từ Thuận xã Vân Từ; giầy da

thôn Giẽ Thượng xã Phú Yên; số 6230/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 về phê duyệt kế hoạch thực hiện chính sách khuyến khích phát triển làng nghề giai đoạn 2016-2020, trong đó có triển khai dự án xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề.

(2) Về phát triển làng nghề gắn với du lịch

**** Lựa chọn một số làng có thể mạnh về du lịch và nghề đặc trưng của huyện để phát triển làng nghề truyền thống kết hợp với du lịch.***

Bước đầu trong năm 2016 khảo sát, lựa chọn một số làng nghề: cỏ tế Phú Túc, sơn mài khảm trai Chuyên Mỹ, Tò he Xuân La, giấy da Phú Yên, may mặc Vân Từ và một số điểm thăm quan, tìm hiểu lịch sử, tâm linh như: Bảo tàng chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù đầy xã Nam Triều, Chùa Giáng xã Quang Lãng ... đây là những làng nghề truyền thống, những điểm thăm quan, tìm hiểu lịch sử, tâm linh có tiềm năng, có thể mạnh thu hút khách du lịch và có khả năng kết nối tuyến du lịch để đầu tư xây dựng hạ tầng, khai thác, quảng bá trở thành điểm đến, tour du lịch của huyện và kết nối với các tour du lịch của Thành phố. Sau đó tiếp tục lựa chọn, nhân rộng, kết nối với các làng nghề khác có đủ điều kiện, tiềm năng trong những năm sau.

**** Triển khai đầu tư xây dựng làng nghề truyền thống kết hợp du lịch***

Phối hợp với sở, ngành Thành phố triển khai dự án phát triển làng nghề gắn với du lịch tại làng nghề thêu Đại Đồng, Tò he Xuân La, HTX sơn khảm Ngộ Hạ theo quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 02/01/2013 về phê duyệt quy hoạch phát triển nghề, làng nghề Thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 04/8/2014 về ban hành quy định về chính sách khuyến khích phát triển làng nghề của UBND thành phố Hà Nội.

Đối với các làng nghề được đưa vào khai thác du lịch: ưu tiên đầu tư vào cơ sở hạ tầng như đường giao thông, bến bãi, nhà truyền thống, trung tâm giới thiệu sản phẩm... khuyến khích đầu tư vào những cơ sở dịch vụ để phục vụ đáp ứng các nhu cầu nghỉ ngơi, ăn uống, giải trí cho du khách. Đặc biệt lưu ý duy trì làng nghề theo hướng giữ gìn nét độc đáo, bản sắc văn hóa riêng của từng làng nghề, tránh phá vỡ cảnh quan hay làm mất những giá trị văn hóa làng quê.

Trước mắt, tập trung đầu tư xây dựng tại làng nghề cỏ tế Phú Túc, sơn mài khảm trai Chuyên Mỹ, Tô he Xuân La, giầy da Phú Yên, may mặc Vân Từ để làm điểm từ đó nhân rộng các làng nghề khác với những hạng mục: sắp xếp lại sản xuất của các hộ sản xuất trong làng nghề; xây dựng, mở rộng, cải tạo các tuyến đường giao thông; xây dựng, cải tạo hệ thống thoát nước, xử lý ô nhiễm môi trường; xây dựng, cải tạo hệ thống điện; xây dựng khu trưng bày giới thiệu sản phẩm làng nghề bao gồm: nhà để lưu giữ và giới thiệu với du khách những công cụ sản xuất sản phẩm thủ công của làng nghề, các khu bán hàng lưu niệm; xây dựng bãi đỗ xe, nhà vệ sinh; tổ chức khôi phục, phát triển lễ hội, hoạt động sinh hoạt văn hóa truyền thống ở các làng nghề; cải tạo hệ thống ao hồ hiện tại vừa có tác dụng là hồ điều hòa, thoát nước mưa, đồng thời hình thành các không gian xanh mang tính chất công cộng phục vụ nhu cầu sinh hoạt cộng đồng dân cư... tu bổ và tôn tạo các công trình di tích kiến trúc lịch sử, văn hóa, các công trình công cộng...

**** Tổ chức các tour, tuyến du lịch làng nghề gắn với tham quan các di tích lịch sử văn hóa, tâm linh, lễ hội.***

Các tuyến du lịch làng nghề trên địa bàn huyện cần gắn với tham quan di tích lịch sử - văn hóa, sinh thái, khai thác hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên tự nhiên và nhân văn để tạo ra các sản phẩm đặc thù hấp dẫn khách du lịch, đặc biệt là các sản phẩm du lịch văn hóa, tâm linh.

Nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, đa dạng hóa các loại hình và các hoạt động du lịch. Trong đó, tập trung nghiên cứu, hoàn thiện, nâng cao chất lượng các tuyến du lịch trên địa bàn huyện và tiến tới kết nối với các chương trình du lịch liên huyện, Thành phố.

Giai đoạn 2016-2020, triển khai xây dựng, hình thành được 03 tour du lịch trên địa bàn huyện và kết nối được các các tour du lịch của Thành phố.

**** Đào tạo nguồn nhân lực***

Xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên chuyên nghiệp phù hợp với mô hình du lịch làng nghề đặc biệt là ngoại ngữ, văn hóa nghề, văn hóa lịch sử của làng nghề.

Tại cơ quan Phòng VH - TT, Nhà văn hoá huyện phân công cán bộ chuyên trách về du lịch, cử tham gia lớp tập huấn bồi dưỡng nâng cao kiến thức về ngoại ngữ, hướng dẫn viên du lịch; tại các xã, thị trấn có các điểm du lịch cần bố trí từ 1-2 cán bộ ngành văn hoá làm hướng dẫn viên du lịch; nghiên cứu cơ chế hỗ trợ kinh phí trong quá trình cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn về du lịch.

Hằng năm tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ dịch vụ, du lịch cho người dân trong làng nghề du lịch để mỗi người dân là một “Hướng dẫn viên du lịch” để họ giới thiệu cho du khách những giá trị văn hoá truyền thống, nguồn gốc hình thành phát triển của làng nghề, ý nghĩa của từng sản phẩm làng nghề chứa đựng những giá trị lịch sử nhân văn và nét đặc trưng của từng địa phương; mở các lớp đào tạo nghề thủ công truyền thống, chú trọng đến việc đào tạo thiết kế tạo mẫu sản phẩm phù hợp với thị hiếu khách du lịch nhưng vẫn đảm bảo đặc trưng sản phẩm thủ công.

**** Xúc tiến du lịch***

Công tác xúc tiến du lịch không làm tràn lan, cần thực hiện tập trung, phù hợp trên cơ sở nắm được sở thích, nhu cầu và tính cách từng đối tượng khách, từng thị trường khác nhau để đạt được hiệu quả tốt.

Tăng cường thông tin quảng bá giới thiệu về danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, đình, đền, chùa, lễ hội, tuyến du lịch dưới nhiều hình thức: Báo đài, báo viết, báo mạng, trên các tập san của ngành du lịch, tờ rơi...Nâng cấp cổng thông tin điện tử hành chính huyện, cổng thông tin làng nghề huyện bổ sung chuyên mục đăng bài viết, hình ảnh về danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, đình, đền, chùa, lễ hội, các điểm thăm quan, các tuyến, du lịch làng nghề trên địa bàn huyện và hai cổng thông tin tích hợp được với nhau để quảng bá, giới thiệu sản phẩm du lịch làng nghề. Tham gia các hội chợ, sự kiện du lịch ở trong nước. Tăng cường hoạt động hợp tác, xúc tiến du lịch thường xuyên cung cấp thông tin giới thiệu về tuyến, điểm, chương trình du lịch làng nghề.

**** Tăng cường phối hợp, liên kết với các huyện, ngành liên quan của Thành phố để hỗ trợ, hợp tác trong hoạt động, khai thác, phát triển du lịch.***

Phối hợp với sở Du lịch Hà Nội, các huyện lân cận như: Ứng Hoà, Thanh Oai, Thường Tín, Mỹ Đức ... phối hợp, hỗ trợ trong hoạt động, khai thác du lịch đến huyện Phú Xuyên; đẩy mạnh hợp tác liên kết để khai thác thị trường khách du lịch nội địa và quốc tế, kéo dài và nối tour du lịch, khảo sát xây dựng các chương trình du lịch làng nghề và một số hoạt động khác liên quan.

Tăng cường phối hợp giữa các ngành liên quan, chính quyền địa phương để nâng cao chất lượng dịch vụ, đạt hiệu quả tốt trong hoạt động phát triển làng nghề gắn với du lịch, bảo đảm an toàn và tạo thuận lợi cho du khách đến tham quan.

3.1.1.2 Mục tiêu phát triển làng nghề truyền thống.

(1) Mục tiêu chung

Khôi phục, bảo tồn, phát triển nghề, làng nghề truyền thống. Phát huy thế mạnh nghề, làng nghề bảo đảm phát triển một cách bền vững; chuyển dịch mạnh cơ cấu lao động tại các làng nghề, sử dụng nhiều lao động tại chỗ, sử dụng nguồn nguyên vật liệu trong nước, không gây ảnh hưởng đến môi trường. Tăng tỷ lệ làng có nghề phát triển, làng nghề được công nhận theo tiêu chí của Thành phố.

Chú trọng phát triển các sản phẩm thủ công có thế mạnh của huyện như: sơn mài khảm trai, cỏ tế, giày da... gắn sản xuất làng nghề với các hoạt động du lịch, văn hóa, lễ hội truyền thống.

Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng định hướng, bền vững gắn với đảm bảo an sinh xã hội, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Phát triển làng nghề truyền thống gắn với du lịch làng nghề; phối hợp phát triển công nghiệp hỗ trợ; nâng cao chất lượng, hiệu quả về sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp, làng nghề Phú Xuyên.

(2) Mục tiêu cụ thể

Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: 7 - 7,5%/năm

Số lao động được đào tạo nghề từ năm 2016 đến năm 2020 là 15.000 người; tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 đạt 51%, giải quyết việc làm cho 25.000 người.

Thu nhập bình quân đầu người sản xuất tiểu thủ công nghiệp từ 49 triệu đồng/người/năm trở lên.

Hình thành và kết nối được một số tuyến du lịch làng nghề. Phát triển công nghiệp hỗ trợ gắn với du lịch, thăm quan, mua sắm tại làng nghề.

Giải quyết cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường làng nghề.

3.1.2. Phương hướng hoàn thiện quản lý Nhà nước về phát triển làng nghề truyền thống huyện.

- Xây dựng hoàn thiện quy hoạch các cụm công nghiệp làng nghề, định hướng phát triển cho các làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện theo trình tự tổng thể quy hoạch như quy hoạch đã được duyệt theo quyết định số 3770/QĐ-UBND, ngày 23/9/2012 của UBND thành phố Hà Nội.

- Tiếp tục hoàn thiện và kiện toàn đội ngũ QLNN về phát triển làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị và có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, chức năng để hoàn thành tốt công tác QLNN. Cần có một bộ phận chuyên môn riêng quản lý về làng nghề. Mỗi xã cần phân công một Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách chính về làng nghề tại địa phương mình. Hàng năm có các lớp đào tạo để nâng cao nghiệp vụ: như tin học, quản trị, kỹ năng chuyên môn...

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển các ngành nghề truyền thống. Phát triển sản phẩm mới nhằm thu hút đầu tư tư nhân trong nước và ngoài nước.

- Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển làng nghề truyền thống. Tăng cường công tác thanh, kiểm tra việc phát triển làng nghề truyền thống.

- Hàng năm xây dựng các chương trình sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả hoạt động của làng nghề truyền thống trong một thời gian để đánh giá những mặt được và chưa được để có biện pháp khắc phục và phương hướng cho thời gian tiếp theo.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát sau khi các chương trình, chính sách của nhà nước được ban hành đánh giá được tính hiệu quả khi ban hành các chính sách, và tìm ra những mặt chưa được để khắc phục sửa đổi cho phù hợp với tình hình địa phương. Những chính sách nào phát huy tốt thì cần được phát huy, những chính sách nào không phù hợp thì cần sửa đổi và chỉnh sửa.

3.2 Một số giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về phát triển làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội.

3.2.1 Hoàn thiện công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật trong hoạt động phát triển làng nghề truyền thống.

Ban hành các văn bản quy pháp pháp luật phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh tại địa phương, nhằm giúp các doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh trên địa bàn huyện có điều kiện phát triển sản phẩm làng nghề.

Nhà nước sớm hoàn thành hệ thống pháp luật và kinh doanh cho các làng nghề. Chính sách đầu tư phát triển phải đồng bộ và hướng vào mục tiêu đã định. Từ đó, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho môi trường sản xuất kinh doanh ở các làng nghề truyền thống, trong đó đặc biệt chú ý đến chính sách trợ giúp cho các làng nghề có sản phẩm mang đậm nét văn hóa nhưng đang gặp khó khăn trong sản xuất.

Tăng cường công tác QLNN đối với làng nghề truyền thống, coi việc hướng dẫn, giúp đỡ phát triển làng nghề truyền thống là trách nhiệm của các cấp, các ngành, trực tiếp là huyện. Tổ chức tuyên truyền phổ biến rộng rãi các chính sách phát triển sản xuất của nhà nước, của huyện để nhân dân thông suốt, yên tâm bỏ vốn đầu tư sản xuất làm giàu cho cơ sở và góp phần làm giàu cho xã hội.

3.2.2 Hoàn thiện công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch, chính sách phát triển làng nghề truyền thống.

Các loại quy hoạch cần được tiến hành một cách bài bản, căn cơ, làm căn cứ tin cậy cho doanh nghiệp mở rộng kinh doanh. Quy hoạch phát triển sản xuất phải xuất phát từ lợi thế của từng vùng với nhu cầu thị trường mà hướng sự phát triển các ngành nghề có hiệu quả cao nhất; quy hoạch ngành nghề nông thôn cần được gắn với quy hoạch các khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tạo nên những vùng sản xuất tập trung, đảm bảo khắc phục ô nhiễm môi trường và góp phần hình thành nông thôn mới.

Hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch, chính sách cụ thể cho việc phát triển làng nghề truyền thống. Việc xây dựng, đầu tư phát triển các cụm công nghiệp giúp cho các ngành nghề của địa phương phát triển, phải gắn với quy hoạch tổng thể và phải có tầm nhìn.

Xây dựng các chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện những nội dung nhằm phục vụ phát triển làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện. Nâng cao tính pháp lý của các kế hoạch và chương trình bằng cách xây dựng, ban hành các quy định về quản lý làng nghề, tránh hiện tượng điều chỉnh sai mục đích.

Thực hiện tốt việc lập và quản lý quy hoạch các cụm Công nghiệp, tập trung thực hiện công tác GPMB, đầu tư xây dựng hoàn thiện các hạng mục hạ tầng, tổ chức xét duyệt để giao đất cho các hộ lấp đầy các cụm công nghiệp để kịp thời sản xuất, thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình triển khai thực hiện, có phương án xử lý tháo gỡ khó khăn vướng mắc đối với cụm công nghiệp làng nghề.

Đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng thiết yếu trong và ngoài hàng rào các cụm công nghiệp, các cơ quan QLNN bố trí phân bổ ngân sách để hỗ trợ đầu tư cho công nghiệp làng nghề phát triển và các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất công nghiệp –TTCN. Xây dựng mới một số cụm công nghiệp, thực hiện quy hoạch xây dựng mới các cụm công nghiệp, tạo điều kiện về mặt bằng sản xuất cho các doanh nghiệp, hộ sản xuất nhằm phát triển sản xuất.

Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư, ứng dụng công nghệ mới để đưa nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động, sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường, ngăn chặn các công nghệ lạc hậu, huy động mọi nguồn lực phục vụ sản xuất kinh doanh.

Nhà nước thực hiện chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng đối với các làng nghề truyền thống vay vốn, đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ mang lại hiệu quả cao.

Xây dựng các chính sách cụ thể để tìm khắc phục từng tồn tại hạn chế như:

- Chính sách về vốn:

Lồng ghép các nguồn vốn của Nhà nước với các nguồn tài trợ của các tổ chức phi chính phủ và đóng góp của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nghề và Làng nghề.

Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn như: góp vốn, thành lập hợp tác xã, doanh nghiệp, vay các tổ chức tín dụng.

Tăng cường tìm kiếm vận động các nguồn tài trợ và đầu tư từ các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức nước ngoài để khai thác thêm các nguồn vốn hỗ trợ đào tạo nghề, đào tạo khởi sự doanh nghiệp, nghiên cứu thị trường, xử lý môi trường ở các làng nghề...

Mở rộng mạng lưới giao dịch của các ngân hàng thương mại về tận các xã. Giảm thủ tục cho vay, triển khai rộng hình thức cho vay tín chấp.

Thành lập quỹ hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn; đây là công cụ chính sách quan trọng để đẩy mạnh phát triển ngành nghề nông thôn.

Hỗ trợ tín dụng phát triển ngành nghề nông thôn thông qua đề án hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh.

- Chính sách về thuế:

Miễn thuế thuê đất đối với các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm làng nghề truyền thống, hỗ trợ thuế xuất khẩu đối với các sản phẩm được xuất khẩu ra nước ngoài.

- Chính sách hỗ trợ về quảng bá: Hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại, liên kết sản xuất: các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong làng nghề khi tham gia hội chợ, triển lãm; xây dựng đăng ký thương hiệu sản phẩm làng nghề; được công nhận làng nghề truyền thống, làng nghề mới thì được hỗ trợ một phần kinh phí theo quy định của tỉnh và Trung ương.

- Chính sách về nâng cao năng lực cạnh tranh bằng cách Tổ chức lại sản xuất, tạo điều kiện các hộ làng nghề đăng ký sản xuất, hỗ trợ phát triển, mở rộng sản xuất và chuyển đổi thành các doanh nghiệp tư nhân, Công ty TNHH hoặc thành lập các hợp tác xã; phát triển mạnh các loại hình kinh tế HTX chú trọng xây dựng các HTX kinh doanh tổng hợp gắn với làng nghề ở nông thôn. Khuyến khích các đơn vị sản xuất áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sản xuất sạch phù hợp với điều kiện của từng đơn vị. Thực hiện liên doanh, liên kết nhằm tranh thủ tối đa công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch từ các doanh nghiệp đã đầu tư trong và ngoài nước. Xây dựng đề án ứng dụng công nghệ mới cho các đơn vị sản xuất theo đề án nâng cao năng suất chất lượng cạnh tranh cho các cơ sở sản xuất.

- Các chính sách Khuyến công, khuyến khích đầu tư.

3.2.3 Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước trong việc quản lý Nhà nước về phát triển làng nghề truyền thống.

Cần kiện toàn tổ chức bộ máy nhà QLNN gắn với việc cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của bộ máy QLNN, đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính có liên quan... Thanh kiểm tra thường xuyên hoạt động của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện về việc chấp hành chính sách, pháp luật của nhà nước. Tập trung chỉ đạo, phát huy vai trò, trách nhiệm và tăng cường sự phối hợp của các sở, ban ngành liên quan và các huyện, xã, thị trấn xây dựng kế hoạch hằng năm, tiến hành cụ thể hóa các kế hoạch chương trình, Đề án phát triển làng nghề, ngành nghề trên địa bàn tỉnh.

Để phát triển thêm nhiều ngành nghề, nhiều làng nghề và doanh nghiệp làng nghề ở nông thôn. Nhà nước có vai trò rất quan trọng, Nhà nước tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, xây dựng các quy hoạch, kế hoạch, giải quyết các nhu cầu mặt bằng, vốn, tìm kiếm thị trường và ứng dụng công nghệ và kỹ năng quản lý, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực, tôn vinh nghệ nhân, khắc phục ô nhiễm môi trường... Thủ tướng Chính Phủ đã có Quyết định số 132/2000/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2000 về một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn; tiếp theo là Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 7 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, trong đó đề ra những chủ trương, chính sách rất quan trọng nhằm khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề và doanh nghiệp làng nghề.

Hệ thống các cơ quan QLNN cần được tổ chức thống nhất từ Trung ương đến Thành phố, đến huyện, xã, thị trấn, đảm bảo phối hợp có hiệu quả giữa các ngành, các cấp trong QLNN. Phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm của mỗi ngành, mỗi cấp nhằm tránh tình trạng chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm trong quản lý, đảm bảo giải quyết nhanh gọn các vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của các làng nghề trên địa bàn.

Cần có sự phân công phối hợp chặt chẽ giữa các ngành của tỉnh và huyện, đảm bảo từ trên xuống dưới đều có sự quản lý thống nhất, có một đầu mối thực hiện chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động của làng nghề. Trong hệ thống QLNN, cấp huyện là cấp quản lý trực tiếp đối với các làng nghề. Vì vậy cần tăng cường đội ngũ cán bộ có năng lực, trình độ, tăng cường bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế, kinh tế thị trường, từng bước thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ, trước hết là các cán bộ cấp huyện.

Ngày nay, việc ứng dụng công nghệ trong QLNN được phổ biến rộng rãi, tăng cường sử dụng công nghệ thông tin, khai thác hiệu quả internet, thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ tốt công tác QLNN về phát triển làng nghề truyền thống. Minh bạch các thủ tục hành chính, gọn nhẹ hơn trong việc đăng ký kinh doanh các sản phẩm làng nghề truyền thống nhằm giúp cho sản phẩm được phát triển thuận lợi, thu hút đầu tư nước ngoài.

3.2.4 Hoàn thiện hệ thống quản lý đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển làng nghề truyền thống.

Trong phát triển kinh tế của mỗi nước, nhân lực luôn luôn được coi là nguồn vốn đặc biệt, là tài sản quý giá nhất, đảm bảo cho năng lực cạnh tranh và sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia, trong các làng nghề, vấn đề nhân lực lại càng cấp bách, vì thế hiện nay đang có tình trạng lao động làng nghề không tha thiết gắn bó với nghề, thanh niên làng nghề không muốn theo nghề ông cha, nghề nhân thì cao tuổi, thiếu điều kiện sáng tác và truyền nghề. Chính vì vậy cần phải trú trọng việc bồi dưỡng và nâng cao tay nghề cho đội ngũ lao. Việc ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng đáp ứng nhu cầu của ngành, nghề là biện pháp lâu dài.

Để thực hiện tốt công tác đào tạo nguồn nhân lực, cần thực hiện một số biện pháp sau:

- Cần tiếp tục nâng cao nhận thức về nghề, ngành nghề truyền thống của địa phương, Phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, địa phương trong việc đào tạo nguồn nhân lực. Phòng Kinh tế huyện phối hợp với Trung tâm giáo dục thường xuyên và các cơ sở sản xuất trên cơ sở giúp đỡ sở NN & PTNT, HTX, sở Nội vụ, Sở Lao động & Thương binh xã hội mở các khóa đào tạo ngắn hạn về kiến thức quản lý cho chủ

doanh nghiệp và kế toán trưởng. Nâng cao trình độ kỹ thuật cho người lao động, lớp học này nên tổ chức thường xuyên, liên tục tại các địa phương có nghề với sự tham gia của các nghệ nhân và các thợ kỹ thuật cao gắn lý thuyết với thực hành, gắn đào tạo với sử dụng.

- Tổ chức đánh giá tay nghề của đội ngũ lao động tại các làng nghề, kịp thời bổ sung, đào tạo và nâng cao tay nghề cho đội ngũ lao động của địa phương. Để thực hiện được điều này cần có sự quan tâm, hỗ trợ nhiều hơn nữa của các cơ quan QLNN, qua đó có những biện pháp khuyến khích người lao động, mạnh dạn đầu tư nâng cao trình độ cho người lao động, kết hợp đào tạo tại chỗ cho người lao động.

- Tổ chức mở lớp dạy nghề cho người dân ở các xã có nghề. Trên cơ sở phát huy lợi thế của các nghề sẵn có, phát triển các làng nghề mới phù hợp với thực tế của địa phương. Các nghề mới phù hợp với tập quán của địa phương, sản phẩm sản xuất ra phù hợp với thị hiếu của thị trường.

- Tổ chức lại hệ thống dạy nghề phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội huyện, cải tiến nội dung, chương trình đào tạo cho sát với thực tế nhu cầu của làng nghề truyền thống. Tổ chức gặp mặt, tập huấn nhằm trao đổi kinh nghiệm giữa các đơn vị sản xuất.

- Ưu đãi và trọng dụng các nghệ nhân trong làng nghề truyền thống, khuyến khích họ sáng tạo và truyền nghề cho con cháu.

- Đi đôi với các giải pháp cụ thể cần thực hiện đồng bộ các giải pháp như nâng cao dân trí, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động trong các làng nghề truyền thống.

3.2.5 Hoàn thiện hệ thống kiểm tra, giám sát hoạt động của các làng nghề truyền thống.

Thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh của các hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất theo đúng quy định của pháp luật, đẩy mạnh việc giáo dục ý thức pháp luật cho người dân, khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về kinh doanh và tổ chức kinh doanh.

Các hoạt động kiểm tra, giám sát nhằm mục đích vừa thúc đẩy các doanh nghiệp làng nghề kinh doanh trung thực, vừa giúp các cơ quan QLNN phát hiện kịp

thời những sai sót để có những biện pháp xử lý kịp thời, đảm bảo tính tôn nghiêm của pháp luật. Để công tác kiểm tra, giám sát có hiệu lực, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất làng nghề, phải xác định chính xác phạm vi thanh tra, kiểm tra đối với chủ thể.

Nâng cao vai trò, chức năng, nhiệm vụ quản lý của cấp xã, thường xuyên kiểm tra, kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, các đơn vị sản xuất nhằm uốn nắn kịp thời những mặt yếu kém, lệch lạc và có hình thức xử lý thích đáng đối với các doanh nghiệp vi phạm pháp luật. Đồng thời khắc phục tình trạng kiểm tra chồng chéo, gây phiền hà, cản trở sản xuất kinh doanh.

3.2.6 Một số giải pháp khác.

+ Giải pháp thị trường

Đối với làng nghề truyền thống thị trường tiêu thụ có vai trò quan trọng đến sự tồn tại và phát triển của làng nghề. Thực tế ở các làng nghề cho thấy các cơ sở sản xuất tồn tại và phát triển mạnh đều giải quyết được đầu ra của sản phẩm, sự biến động thặng trừm của các làng nghề phần lớn do thị trường quyết định. Củng cố thị trường trong nước, tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu, để làm được điều đó thì sản phẩm của làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng, mẫu mã, đồng thời phải năng động tìm kiếm thị trường, tìm kiếm cơ hội giới thiệu sản phẩm như tham gia hội chợ, triển lãm, xây dựng thương hiệu làng nghề ... Đẩy mạnh công tác tiếp thị, quảng cáo sản phẩm. Tổ chức đa dạng kênh tiêu thụ, mở rộng đại lý, xây dựng hệ thống cửa hàng, trung tâm thương mại, cửa hàng bày bán và giới thiệu sản phẩm như đối với làng nghề mộc mỹ nghệ chắc chắn sẽ thu hút được nhiều khách hàng. Phát triển sản phẩm tiêu biểu và phát triển thị trường .

- Hỗ trợ kinh phí phát triển nghề, chuyên giao ứng dụng kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới, các sản phẩm tiêu biểu của địa phương như da giày Phú Yên, mộc Tân Dân...; đẩy mạnh xây dựng mô hình trình diễn để nhân rộng và phát triển nghề, tổ chức bình chọn sản phẩm tiêu biểu hàng năm.

- Thường xuyên cải tiến mẫu mã, kiểu dáng sản phẩm cho các làng nghề, gắn làng nghề với điểm thăm quan du lịch, nhằm thu hút du khách đến với làng nghề và sử dụng sản phẩm của làng nghề.

- Tăng cường các biện pháp nghiên cứu thị trường, liên kết liên doanh giữa đơn vị sản xuất và đơn vị tiêu thụ, tạo thành cầu nối vững chắc, chuỗi liên kết từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ.

- Hỗ trợ, tạo mọi điều kiện có các cơ sở sản xuất truyền thống, làng nghề về các thủ tục tham gia hội chợ triển lãm, tổ chức đoàn tham gia hội chợ trong và ngoài nước.

+ *Giải pháp về vốn*

Vốn là yếu tố vật chất có vai trò quan trọng đối với quá trình sản xuất của các cơ sở. Đối tượng vay vốn lớn thường là các cơ sở mở rộng sản xuất kinh doanh, trang bị công nghệ sản xuất mới, các Công ty, HTX. Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, kênh huy động vốn Nhà nước bao gồm: Các ngân hàng thương mại, quỹ hỗ trợ phát triển, quỹ tín dụng nhân dân, các ngân hàng tư doanh... và nhất là nguồn vốn nhân rỗi trong dân.

Tuy nhiên lượng vốn vay ít, trong khi lượng vốn đầu tư cho đổi mới thiết bị công nghệ lớn, do đó tăng cường huy động các nguồn vốn khác như vốn của người lao động, vốn trong quỹ tín dụng nhân dân, vốn đầu tư trong và ngoài nước. Trong đó cần tập trung chỉ đạo nâng cao mức vốn và hiệu quả hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân gắn liền với địa bàn làng nghề truyền thống. Huy động tối đa nội lực các thành phần kinh tế ở địa phương cho đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Căn cứ vào tình hình cụ thể mà huy động đóng góp để hình thành một nguồn vốn dùng vào mục đích hỗ trợ làng nghề, hỗ trợ việc xây dựng các dự án, đề án đổi mới công nghệ của làng nghề truyền thống.

+ *Giải pháp kỹ thuật, công nghệ*

Khoa học công nghệ mới là yếu tố quyết định sự tăng trưởng kinh tế. Đẩy mạnh việc nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ cho sản xuất được coi là khâu đột phá quan trọng để thúc đẩy làng nghề phát triển. Vì vậy cần khuyến khích các cơ sở sản xuất trong các làng nghề truyền thống đầu tư chiều sâu đổi mới công nghệ thiết bị, hiện đại hóa công nghệ truyền thống theo phương châm kết hợp hài hòa giữa công nghệ tiến tiến với công nghệ cổ truyền. Lựa chọn công nghệ phù hợp ở một số khâu có điều kiện nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm và ít ảnh hưởng đến môi trường.

- Đối với làng nghề sản xuất sắt thép: cần xây dựng chương trình nâng cao và kiểm soát chất lượng sản phẩm. Đầu tư lò luyện thép sử dụng nguyên liệu đầu vào là phôi thép nhập khẩu và phôi thép của các nhà sản xuất thép trong nước thay thế dần nguyên liệu đầu vào là sắt thép phế thải. Nghiên cứu áp dụng chuyển giao công nghệ từ thép cán nóng sang cán nguội nhằm nâng cao chất lượng, tiến tới sản xuất thép tấm và thép chế tạo thay cho việc chỉ sản xuất thép như hiện nay.

- Đối với làng nghề mộc mỹ nghệ: cần nghiên cứu áp dụng công nghệ xử lý nguyên liệu trước và trong khi gia công nhằm khắc phục độ cong vênh do thời tiết, phù hợp với việc xuất khẩu sang các miền khí hậu khác nhau.

- Nhà nước thực hiện chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng đối với các làng nghề truyền thống vay vốn đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ mang lại hiệu quả cao. Nhà nước hỗ trợ dịch vụ tư vấn về quản lý kinh doanh, cung cấp thông tin, chuyển giao công nghệ kỹ thuật, nâng cao năng lực công nghệ nội sinh tại cơ sở sản xuất kinh doanh. Hàng năm có kế hoạch đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, nhất là hỗ trợ vốn, trang bị kỹ thuật, nghiên cứu ứng dụng, thiết kế chế tạo cải tiến mẫu mã sản phẩm truyền thống.

Thường xuyên tổ chức các cuộc hội thảo về khoa học công nghệ phục vụ kinh tế làng nghề của tỉnh, tổ chức tham quan học tập và rút kinh nghiệm về ứng dụng công nghệ từ các địa phương khác trong cả nước.

- Xây dựng đề tài, Đề án nghiên cứu về khoa học công nghệ, kỹ thuật sản xuất kinh tế cho các làng nghề.

- Hỗ trợ, động viên, khuyến khích và tạo điều kiện cho cơ sở, đơn vị trong làng nghề đi tiên phong trong việc ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào sản xuất.

- Phối hợp với các Trường Đại học, Viện và Trung tâm nghiên cứu để nghiên cứu cải tiến mẫu mã, cập nhật thông tin công nghệ, thiết bị mới, nghiên cứu hoàn thiện máy móc phục vụ cho các nghề và làng nghề.

3.3 Một số kiến nghị vĩ mô

3.3.1 Kiến nghị với Chính phủ

- Xây dựng cơ chế huy động mọi nguồn vốn, tăng cường hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho hoạt động xúc tiến thương mại, đào tạo, bồi dưỡng, đổi mới ứng dụng khoa học công nghệ và phát triển sản xuất, cải tạo, xử lý môi trường tại các làng nghề.

- Xây dựng cơ chế nhằm khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài, các tổ chức phi Chính phủ đầu tư vào lĩnh vực phát triển liên quan đến làng nghề.

- Hỗ trợ các hiệp hội, làng nghề xây dựng và duy trì trang website nhằm quảng bá thương hiệu làng nghề truyền thống trên internet. Hỗ trợ các làng nghề trong việc xây dựng và phát triển thương hiệu làng nghề truyền thống.

3.3.2 Kiến nghị với UBND Thành phố Hà Nội

- Chỉ đạo triển khai thực hiện các văn bản, xây dựng kế hoạch hàng năm, tổ chức tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và nhân dân duy trì, phát triển sản xuất tại các làng nghề.

- Tăng cường công tác khảo sát, lập quy hoạch đô thị tại các khu làng nghề truyền thống phát triển, có quá trình đô thị hóa nhanh, tránh lập quy hoạch ngắn hạn, tự phát, thiếu đồng bộ.

- Hỗ trợ đầu tư kinh phí xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo Quyết định 7209/2013 QĐ-UBND ngày 2/12/2013 về việc phê duyệt đề án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2015.

- UBND Thành phố sớm hoàn thiện và thực hiện quy chế hoạt động của các cụm công nghiệp làng nghề, thống nhất và tập trung các cụm công nghiệp làng nghề từ đó làm cơ sở tăng cường hiệu quả công tác quản lý trong các cụm công nghiệp làng nghề hiện nay.

- Xây dựng quy hoạch sử dụng đất cho phát triển làng nghề truyền thống gắn với xây dựng quy hoạch nông thôn mới theo Đề án xây dựng nông thôn mới Thành phố Hà Nội giai đoạn 2010-2020, định hướng đến năm 2030.

- Tăng cường sự chỉ đạo quản lý Nhà nước của UBND Thành phố và UBND huyện đối với làng nghề truyền thống, đặc biệt bổ sung cán bộ chuyên trách và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, quản lý trật tự đô thị, môi trường, tăng cường chức năng của các cấp chính quyền cơ sở trong việc quản lý hành chính trực tiếp đối với làng nghề, các doanh nghiệp, hộ sản xuất.

- Phát triển làng nghề truyền thống gắn với du lịch, nâng cấp, chỉnh trang cơ sở hạ tầng của làng nghề truyền thống, phục vụ tốt hơn nhu cầu du lịch, xây dựng khu sản xuất tập trung có đủ điều kiện để làm điểm du lịch cho khách thăm quan đến làng nghề.

- Thực hiện cơ chế một cửa đảm bảo thông thoáng, giải quyết công việc nhanh gọn kịp thời, hiệu quả để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, các hộ sản xuất trong làng nghề sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường công tác đào tạo nghề theo hình thức truyền nghề, nhân cấy nghề, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đặc biệt để khuyến khích các nghệ nhân làng nghề và thợ giỏi tham gia đào tạo. Bồi dưỡng kiến thức về kỹ thuật, tổ chức sản xuất, quản lý doanh nghiệp cho các chủ doanh nghiệp, chủ cơ sở sản xuất tại các làng nghề.

KẾT LUẬN

Phú Xuyên là huyện thuộc đất Hà Tây cũ, nơi vốn được coi là vùng đất vạn nghề. Với những lợi thế về tự nhiên và con người Phú Xuyên có nhiều thuận lợi cho việc phát triển làng nghề, nhất là làng nghề truyền thống. Tuy vậy, có một thời gian khá dài do tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau, làng nghề truyền thống của địa phương đã gặp nhiều khó khăn, trở ngại, thậm chí giảm sút. Gần đây được sự quan tâm đầu tư của các cấp lãnh đạo, sự nỗ lực cố gắng của chính quyền địa phương và nhân dân nên các làng nghề nói chung và làng nghề truyền thống nói riêng đã có chuyển biến tích cực. Tuy nhiên sự phát triển của làng nghề truyền thống nơi đây vẫn còn khiêm tốn, chưa phát huy hết tiềm năng của mình.

Luận văn “Quản lý Nhà nước về phát triển làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội”, được tác giả tập trung làm rõ:

Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận về khái niệm, vai trò... của làng nghề, làng nghề truyền thống; Các vấn đề lý luận về quản lý nhà nước và quản lý nhà nước đối với phát triển làng nghề truyền thống của địa phương; Nghiên cứu, đúc rút một số bài học kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà nước về phát triển làng nghề truyền thống.

Nghiên cứu thực trạng về phát triển của các làng nghề truyền thống, đặc biệt công tác quản lý nhà nước về phát triển làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Phú Xuyên từ đó có được những nhận xét, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước đối với phát triển làng nghề truyền thống của huyện, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và nhất là nguyên nhân của những hạn chế.

Phần thứ ba luận văn, tác giả mạnh dạn đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm góp phần giúp thực hiện tốt hơn công tác quản lý nhà nước đối với việc phát triển làng nghề truyền thống của huyện Phú Xuyên trong điều kiện mới. Từ nhận thức về lý luận, đúc rút bài học kinh nghiệm, nghiên cứu thực trạng trên địa bàn huyện kết hợp với mục tiêu, phương hướng phát triển làng nghề truyền thống của huyện thời gian tới, tác giả luận án đề xuất giải pháp: 1) Hoàn thiện công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật trong hoạt động phát

triển làng nghề truyền thống; 2) Hoàn thiện công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch, chính sách phát triển làng nghề truyền thống; 3) Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước trong việc quản lý Nhà nước về phát triển làng nghề truyền thống; 4) Hoàn thiện hệ thống quản lý đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển làng nghề truyền thống; 5) Hoàn thiện hệ thống kiểm tra, giám sát hoạt động của các làng nghề truyền thống. Ngoài ra còn một số giải pháp khác về phát triển làng nghề mới, thị trường, công nghệ... và một số kiến nghị.

Mặc dù đây là đề tài nghiên cứu có ý nghĩa lớn về lý luận và thực tiễn, đáng tiếc do còn một số khó khăn về thời gian nghiên cứu, năng lực bản thân các điều kiện thu thập, phân ích thông tin... nên luận văn không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Tác giả rất mong nhận được những góp ý để luận văn có thể hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2006), *Thông tư 116/2006/TT – BNN ngày 18 tháng 12 năm 2006 về phát triển ngành nghề nông thôn.*
2. Chính Phủ (2000), *Quyết định số 132/2000/QĐ-TTg, ngày 24/11/2000 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn.*
3. Chính Phủ (2006), *Nghị định 66/2006/NĐ-CP ngày 7/7/2006 về phát triển ngành nghề nông thôn tập trung vào một số nội dung cụ thể như bảo tồn và phát triển làng nghề, tạo mặt bằng sản xuất, ưu đãi về đầu tư tín dụng, xúc tiến thương mại, hỗ trợ về khoa học.*
4. Chính phủ (2012), *Nghị định 45/2012/NĐ-CP về Khuyến Công.*
5. Đỗ Hoàng Toán (chủ biên), *Giáo trình Quản lý Nhà nước về kinh tế (tái bản)*, trường Đại học Kinh tế quốc dân
6. Hoàng Văn Châu – Phạm Thị Hồng Yến – Lê Thị Thu Hà (2007), *Làng nghề du lịch Việt Nam*, Nxb Thống Kê, Hà Nội.
7. Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội, *Nghị quyết 25/2013/NQ-HĐND ngày 4 tháng 12 năm 2013 về Chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội.*
8. <http://www.congthuonghn.gov.vn>
9. <http://www.hiephoilangnghevietnam.apps.vn>
10. <http://www.kinhtenongthon.com.vn/>
11. <http://langnghehanoi.vn>
12. <http://www.phuxuyen.hanoi.gov.vn/>
13. Lê Xuân Tâm – Nguyễn Tất Thắng (2013), *Phát triển làng nghề tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh xây dựng Nông thôn mới*, Đại học nông nghiệp Hà Nội.
14. Nguyễn Hữu Loan (2007), *Giải pháp xây dựng làng nghề trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh theo hướng phát triển bền vững*, Luận văn Thạc sỹ kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

15. Phan Văn Tú, 2010, *Các giải pháp để phát triển làng nghề ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam*, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Đại Học Đà Nẵng.

16. Phan Văn Tú (2011) nghiên cứu về: “*Các giải pháp để phát triển làng nghề ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam*”,

17. Thành Ủy Hà Nội (2006), *Chương trình 05-CTr/TU ngày 10/5/2006 về phát triển kinh tế ngoại thành và lộ trình thực hiện để phát triển kinh tế ngoại thành.*

18. Thành ủy Hà Nội khóa XVI, *Chương trình 02-CTr/TU về “Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân giai đoạn 2016 – 2020.”*

19. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 về việc phê duyệt đề án “Đào tạo nghề nông nghiệp nông thôn đến năm 2020”.*

20. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 về “Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.”*

21. Trần Thị Minh Nguyệt (2008) nghiên cứu đề tài “*Quản lý nhà nước với phát triển nghề và làng nghề Hà Tây giai đoạn hiện nay*”.

22. UBND Thành phố Hà Nội (2004), *Quyết định số 9849/QĐ-UBND ngày 31/12/2004 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nghề và làng nghề trên địa bàn đến năm 2015.*

23. UBND thành phố Hà Nội (2008), *Quyết định số 22/2008/QĐ-UBND ngày 02/5/2008 về “Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nghề và làng nghề Hà Nội”.*

24. UBND thành phố Hà Nội (2011), *Quyết định 554/QĐ-UBND năm 2011 phê duyệt “Đề án bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề Hà Nội giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020”.*

25. UBND thành phố Hà Nội (2013), *Quyết định số 14/QĐ – UBND ngày 02/01/2013 về việc phê duyệt quy hoạch phát triển làng nghề thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.*

26. UBND Thành phố Hà Nội (2014), *Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 04 tháng 08 năm 2014 quy định về chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội.*

27. UBND Thành phố Hà Nội (2016), *Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 15/4/2016 về triển khai “Hỗ trợ xây dựng thương hiệu làng nghề Hà Nội” năm 2016.*